

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM
VIỆT NAM NĂM 2017

THE ANNUAL REPORT
OF VIETNAM INSURANCE MARKET 2017

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH
HÀ NỘI - 2018

**THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM
NĂM 2017**

Lời mở đầu

Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam có thêm một năm khởi sắc với tăng trưởng cao và kinh tế vĩ mô nhìn chung ổn định. Trong bối cảnh tái cơ cấu nền kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, việc triển khai đồng bộ nhiều nhóm giải pháp hoàn thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bảo hiểm đã giúp thị trường bảo hiểm đạt được những kết quả tích cực, duy trì và đạt được mức tăng trưởng cao, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, bổ trợ cho các chính sách an sinh xã hội, bảo vệ tài chính cho các nhà đầu tư, thúc đẩy hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế.

Đến 31/12/2017, thị trường bảo hiểm có 64 doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, tái bảo hiểm và môi giới bảo hiểm. Tổng tài sản toàn thị trường đạt 316.300 tỷ đồng, tăng 27,4% so với năm 2016, tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế đạt 247.815 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2016, tổng doanh thu toàn thị trường đạt 132.369 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí bảo hiểm đạt 107.821 tỷ đồng (tăng 23,4% so với năm 2016), doanh thu đầu tư đạt 24.548 tỷ đồng, số tiền chi trả quyền lợi bảo hiểm là 31.904 tỷ đồng.

Trong năm 2017, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ để ban hành Nghị định về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 98/2013/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhằm tạo hành lang pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp bảo hiểm triển khai các sản phẩm mới. Các chính sách này góp phần đảm bảo các mục tiêu an sinh xã hội của Chính phủ.

Bên cạnh đó, ngày 15/5/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 73/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Thông tư được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý đồng bộ hỗ trợ DNBH triển khai áp dụng quy định pháp luật, tháo gỡ vướng mắc, hỗ trợ DNBH nâng cao năng lực nhận bảo hiểm; tạo quyền chủ động và tính tự chịu trách nhiệm cho các doanh nghiệp trong việc xác định chi phí kinh doanh nhằm thúc đẩy tăng trưởng hiệu quả, an toàn tài chính cho DNBH.

Trong năm 2018, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý như xây dựng và trình Chính phủ Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp; Nghị định hướng dẫn triển khai bảo hiểm vi mô; sửa đổi bổ sung Nghị định quy định về bảo hiểm xe cơ giới; tiếp tục tổ chức triển khai bảo hiểm thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Đồng thời Bộ Tài chính sẽ xây dựng và triển khai hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường đối thoại với DNBH.

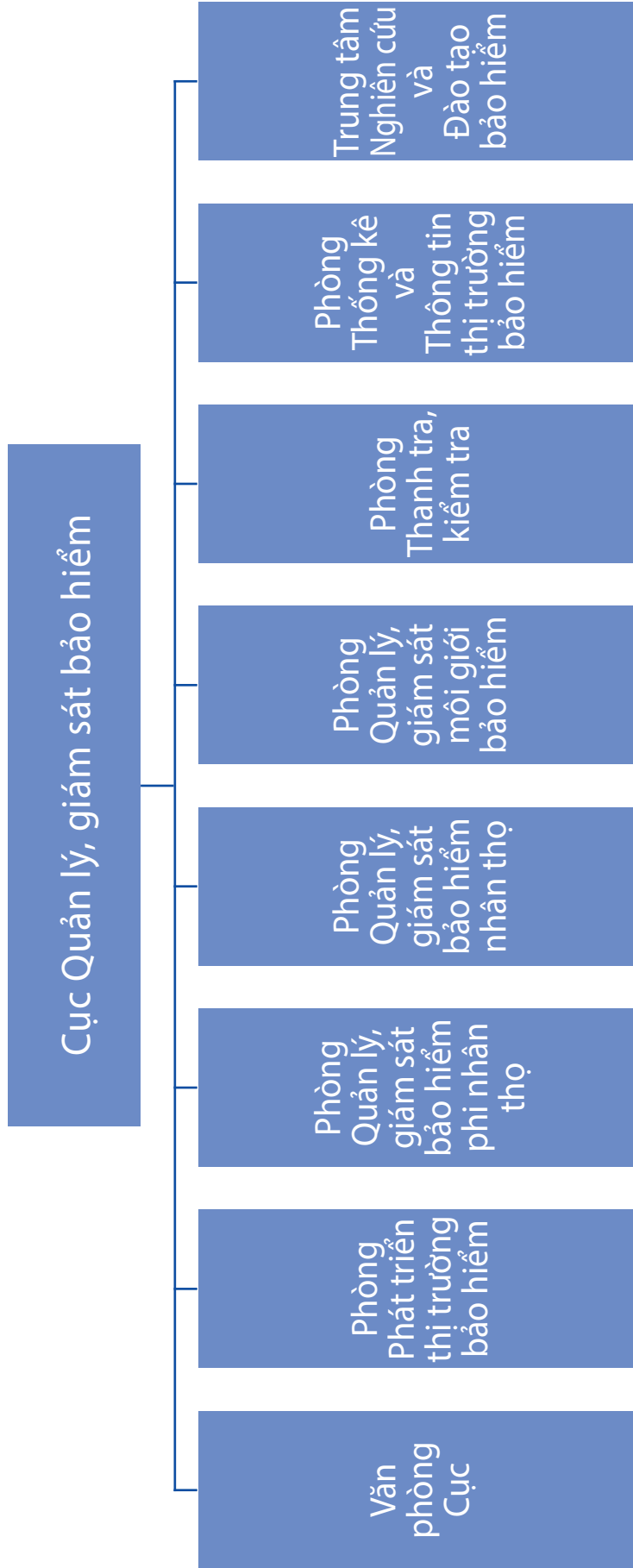
Trong năm 2018, với những nỗ lực trong việc hoàn thiện chính sách trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm để cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, thị trường bảo hiểm Việt Nam sẽ thu hút được nhiều hơn nữa các nhà đầu tư có uy tín, đồng thời hoạt động hiệu quả, cạnh tranh lành mạnh, đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế./.

**CỤC TRƯỞNG
CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT BẢO HIỂM**



Phùng Ngọc Khánh

CƠ CẤU TỔ CHỨC



Địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 2220 2828

Fax: (024) 2220 2875

Email: cucqlgsbh@mof.gov.vn

Website: <http://isa.mof.gov.vn>

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
1. Kết cấu thị trường							
Tổng số DNBH, MGBH	57	57	59	61	61	63	64
- Doanh nghiệp phi nhân thọ	29	29	29	30	30	30	30
- Doanh nghiệp nhân thọ	14	14	16	17	17	18	18
- Doanh nghiệp tái bảo hiểm	2	2	2	2	2	2	2
- Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	12	12	12	12	12	13	14
2. Năng lực tài chính ngành bảo hiểm							
- Tổng tài sản (tỷ đồng)	106.246	114.663	133.856	171.607	202.378	248.247	316.300
- Tổng dự phòng nghiệp vụ (tỷ đồng)	61.878	69.011	79.289	95.222	119.897	146.524	189.248
3. Đầu tư trở lại nền kinh tế (tỷ đồng)	83.439	89.567	113.682	127.061	160.258	198.150	247.815
4. Doanh thu (tỷ đồng)	46.985	51.525	58.002	67.479	84.498	103.208	132.369
- Doanh thu phí bảo hiểm	36.552	41.248	47.851	55.877	70.162	87.364	107.821
+ Phi nhân thọ	20.554	22.851	24.521	27.522	31.891	36.866	41.594
+ Nhân thọ	15.998	18.397	23.330	28.355	38.271	50.497	66.226
- Doanh thu đầu tư (tỷ đồng)	10.433	10.277	10.151	11.603	14.336	15.845	24.548
- Đóng góp vào GDP (%)	1,85	1,94	1,62	1,71	2,02	2,29	2,64
+ Phi nhân thọ	0,81	0,86	0,68	0,70	0,76	0,82	0,83
+ Nhân thọ	0,63	0,69	0,65	0,72	0,91	1,12	1,32
+ Hoạt động đầu tư	0,41	0,39	0,28	0,29	0,34	0,35	0,49
- Phí bảo hiểm bình quân đầu người (nghìn đồng)	535	580	646	744	922	942	1.151
5. Đóng góp vào ổn định kinh tế - xã hội	21.848	25.334	29.600	38.589	48.339	52.542	75.075
- Bồi thường và trả tiền bảo hiểm (tỷ đồng)	15.971	16.649	18.587	21.788	23.571	25.609	31.904
- Bổ sung dự phòng nghiệp vụ trong năm (tỷ đồng)	5.877	8.685	11.013	16.801	24.767	26.933	43.171
6. Giải quyết công ăn việc làm (Lao động, đại lý cá nhân và cá nhân thuộc đại lý tổ chức được cấp chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm)	303.716	322.676	357.645	439.173	584.719	603.089	786.795

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2017

1. CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG

Năm 2017, có 64 doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh bảo hiểm, bao gồm 25 công ty TNHH 1 thành viên, 10 công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 28 công ty cổ phần và 01 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài tại Việt Nam.

Bảng 1. Số lượng các công ty bảo hiểm theo loại hình doanh nghiệp năm 2017

Loại hình doanh nghiệp/ hình thức pháp lý	TNHH 1 thành viên	TNHH 2 thành viên trở lên	Cổ phần	Chi nhánh DNBH phi nhân thọ nước ngoài	Tổng cộng
Phi nhân thọ	9	4	16	1	30
Nhân thọ	13	4	1	0	18
Tái bảo hiểm	0	0	2	0	2
Môi giới bảo hiểm	3	2	9	0	14
Tổng cộng	25	10	28	1	64

Bên cạnh đó, sự góp mặt của 21 văn phòng đại diện của các tổ chức bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam cũng góp phần cải thiện môi trường đầu tư và tăng lòng tin của các nhà đầu tư nước ngoài khi đến đầu tư tại Việt Nam.

2. QUY MÔ THỊ TRƯỜNG

Năm 2017, thị trường bảo hiểm tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với tăng trưởng GDP, doanh thu toàn ngành đạt 132.369 tỷ đồng, tăng 28,25% so với năm 2016, trong đó doanh thu phí bảo hiểm đạt 107.821 tỷ đồng, doanh thu hoạt động đầu tư đạt 24.548 tỷ đồng.

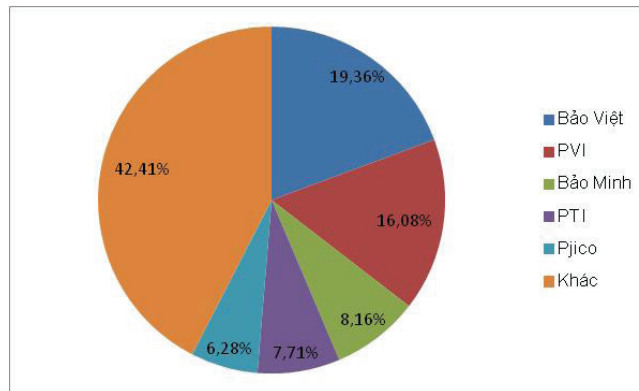
Bảng 2. Doanh thu phí bảo hiểm và thị phần theo lĩnh vực giai đoạn 2016 – 2017

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Phi nhân thọ		Nhân thọ		Toàn thị trường	
		2016	2017	2016	2017	2016	2017
Doanh thu phí bảo hiểm	Tỷ đồng	36.866	41.594	50.497	66.226	87.364	107.821
Tốc độ tăng trưởng	%	15,60	12,83	31,95	31,15	24,52	23,42
Tỷ trọng phí/tổng phí	%	42,20	38,58	57,80	61,42	100	100
Tỷ trọng phí/GDP	%	0,82	0,83	1,12	1,32	1,94	2,15

3. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Năm 2017, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ đạt 41.594 tỷ đồng, tăng 12,83% so với năm 2016. Phần lớn thị phần doanh thu phí bảo hiểm tập trung vào 5 doanh nghiệp hàng đầu gồm: Bảo Việt (19,36%), PVI (16,08%), Bảo Minh (8,16%), PTI (7,71%), Pjico (6,28%). 25 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh phi nhân thọ nước ngoài tại Việt Nam còn lại chiếm 42,41% thị phần doanh thu phí.

Biểu 1. Thị phần doanh thu phí bảo hiểm năm 2017



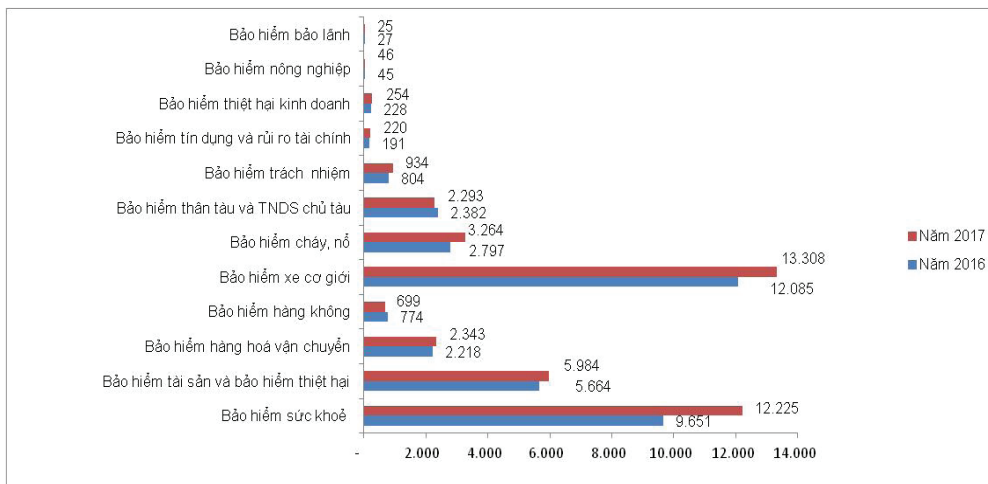
3.1. Cơ cấu doanh thu và tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ

- Về tốc độ tăng trưởng của các nghiệp vụ bảo hiểm:

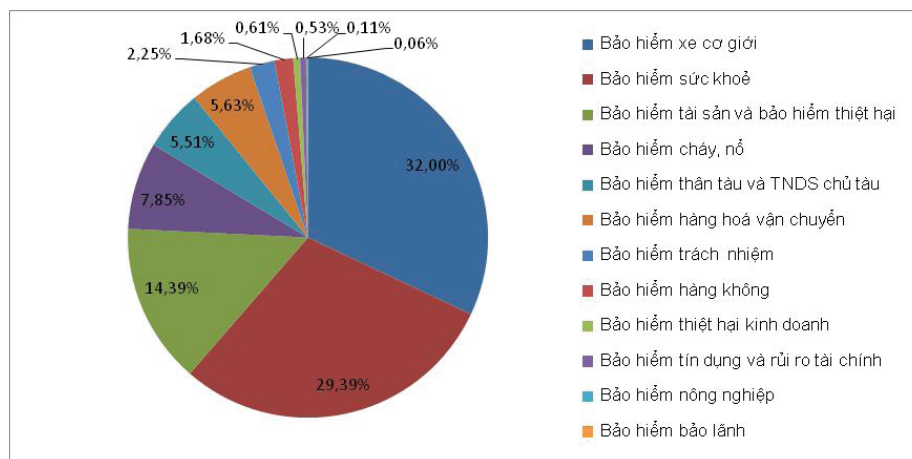
Năm 2017, doanh thu phí bảo hiểm gốc của phần lớn các nghiệp vụ đều tăng so với năm 2016, trong đó có một số nghiệp vụ có tốc độ tăng trưởng cao là: Bảo hiểm sức khỏe tăng 26,67%; Bảo hiểm cháy, nổ tăng 16,68%; Bảo hiểm trách nhiệm tăng 16,18%; Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính tăng 15,07%; Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh tăng 11,12%; Bảo hiểm xe cơ giới tăng 10,13%; Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại tăng 5,66%; Bảo hiểm hàng không hóa vận chuyển tăng 5,61%; Bảo hiểm nông nghiệp tăng 1,13%. Tuy nhiên, nghiệp vụ Bảo hiểm hàng không giảm 9,74%; Bảo hiểm bảo lãnh giảm 4,73% và Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu giảm 3,75%.

Biểu 2. Doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ giai đoạn 2016 - 2017

Đơn vị: Tỷ đồng



Biểu 3. Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ năm 2017



- Về cơ cấu phí bảo hiểm theo nghiệp vụ:

Năm 2017, nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới chiếm tỷ trọng lớn nhất (32%), tiếp đến là bảo hiểm sức khoẻ (29,39%); bảo hiểm tài sản và thiệt hại (14,39%), bảo hiểm cháy nổ (7,85%), bảo hiểm hàng hoá vận chuyển (5,63%), bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu (5,51%); bảo hiểm trách nhiệm (2,25%), bảo hiểm hàng không (1,68%). Một số nghiệp vụ bảo hiểm vẫn chiếm tỷ trọng thấp như bảo hiểm thiệt hại kinh doanh (0,61%), bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính (0,53%), bảo hiểm nông nghiệp (0,11%), bảo hiểm bảo lãnh (0,06%).

3.2. Bồi thường bảo hiểm

Số tiền thực bồi thường bảo hiểm gốc năm 2017 là 15.957 tỷ đồng, trong đó số tiền bồi thường bảo hiểm thuộc trách nhiệm giữ lại là 12.139 tỷ đồng, góp phần đề phòng, khắc phục và hạn chế tổn thất cho các đối tượng tham gia bảo hiểm, giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Bảng 3. Số tiền bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ giai đoạn 2013 - 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Bồi thường bảo hiểm gốc	10.668	10.954	13.851	13.246	15.957
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	7.256	7.877	9.057	10.463	12.139

Bảng 4. Số tiền bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ theo nghiệp vụ giai đoạn 2016 - 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

Nghiệp vụ	Bồi thường bảo hiểm gốc		Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	
	2016	2017	2016	2017
BH sức khoẻ	3.141	3.597	3.168	3.622
BH tài sản và thiệt hại	1.372	1.608	547	529
BH hàng hoá vận chuyển	557	719	327	458

Nghệp vụ	Bồi thường bảo hiểm gốc		Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	
	2016	2017	2016	2017
BH hàng không	286	112	49	62
BH xe cơ giới	5.805	7.309	5.280	6.279
BH cháy, nổ	1.126	1.162	453	429
BH thân tàu và TNDS chủ tàu	794	1.199	530	623
BH trách nhiệm	93	139	58	77
BH tín dụng và rủi ro tài chính	18	77	4	10
BH thiệt hại kinh doanh	18	34	2	5
BH nông nghiệp	8	2	17	45
Bảo hiểm bảo lãnh	29	0,4	29	0,1
TỔNG	13.246	15.957	10.463	12.139

3.3. Dự phòng nghiệp vụ

Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ năm 2017 tăng 7,76% so với năm 2016, từ 18.473 tỷ đồng lên 19.907 tỷ đồng.

Bảng 5. Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ giai đoạn 2013 - 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

Dự phòng nghiệp vụ	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Dự phòng phí	7.794	8.963	10.758	12.637	13.320
Dự phòng bồi thường	3.389	3.220	3.583	4.329	5.072
Dự phòng dao động lớn	907	1.127	1.344	1.508	1.515
Tổng cộng	12.090	13.309	15.685	18.473	19.907

Biểu 4. Quy mô và tốc độ tăng trưởng dự phòng nghiệp vụ giai đoạn 2013 - 2017

Đơn vị: Tỷ đồng



4. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ

4.1. Tình hình khai thác hợp đồng bảo hiểm mới

Trong năm 2017, số lượng hợp đồng khai thác mới của các sản phẩm bảo hiểm chính đạt 1.964.262 hợp đồng, tăng 27,64% so với năm 2016. Trong đó, số lượng hợp đồng bảo hiểm cá nhân đạt 1.963.970 hợp đồng, số lượng hợp đồng bảo hiểm nhóm đạt 292 hợp đồng (tương ứng với số lượng thành viên trong nhóm được bảo hiểm là 140.605 người).

Tổng doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng khai thác mới của các sản phẩm bảo hiểm chính đạt 22.552 tỷ đồng, tăng 28,88% so với năm 2016.

Tổng số tiền bảo hiểm tương ứng đạt 579.687 tỷ đồng, tăng 35,26% so với năm 2016. Bình quân số tiền bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm cá nhân chính khai thác mới trong năm 2017 đạt 286,4 triệu đồng. Số tiền bảo hiểm nhóm bình quân đạt 59,19 tỷ đồng, tương ứng với 122,9 triệu đồng/thành viên.

Bảng 6. Tình hình khai thác mới của hợp đồng bảo hiểm chính năm 2016 - 2017

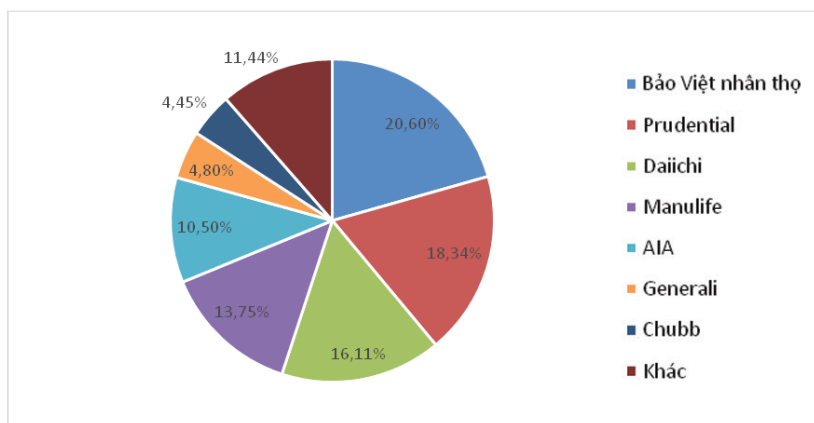
Nghịệp vụ	Hợp đồng bảo hiểm (Hợp đồng)		Số tiền bảo hiểm (Tỷ đồng)		Phí bảo hiểm (Tỷ đồng)	
	2016	2017	2016	2017	2016	2017
Bảo hiểm trọn đời	3.564	4.363	337	440	20	28
Bảo hiểm sinh kỳ						
Bảo hiểm tử kỳ	233.520	435.879	27.669	32.519	259	425
Bảo hiểm hỗn hợp	648.924	672.530	80.745	83.359	6.293	7.835
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	5.587	6.648	162	175	148	368
Bảo hiểm liên kết đầu tư (*)	634.970	831.199	302.163	443.931	8.880	11.288
Bảo hiểm hưu trí	5.571	8.294	564	836	98	120
Bảo hiểm sức khỏe	6.415	5.057	230	1.144	5	4
Bảo hiểm nhóm	345	292	16.689	17.282	160	131
Bảo hiểm bồi trợ	3.092.739	3.855.399	239.147	358.894	1.635	2.353
Tổng cộng (**)	1.538.896	1.964.262	428.558	579.687	17.498	22.552

(*) Nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư bao gồm bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm liên kết chung

(**) Số lượng hợp đồng bảo hiểm, số tiền bảo hiểm không bao gồm bảo hiểm bồi trợ.

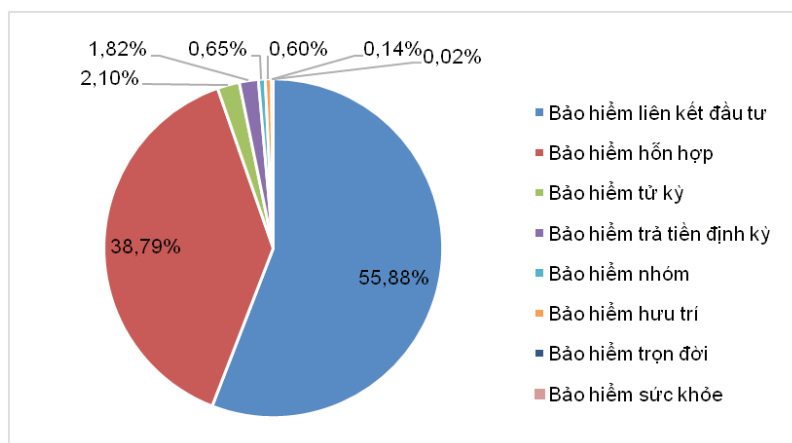
Về thị phần doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới (bao gồm cả bảo hiểm bồi trợ), Bảo Việt nhân thọ chiếm 20,60%; Prudential chiếm tỷ trọng 18,34%; Dai-ichi chiếm 16,11%; Manulife chiếm 13,75%; AIA chiếm 10,50%; Generali chiếm 4,80%; Chubb chiếm 4,45%; 11 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ còn lại chiếm thị phần 11,44%.

Biểu 5. Thị phần doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ năm 2017



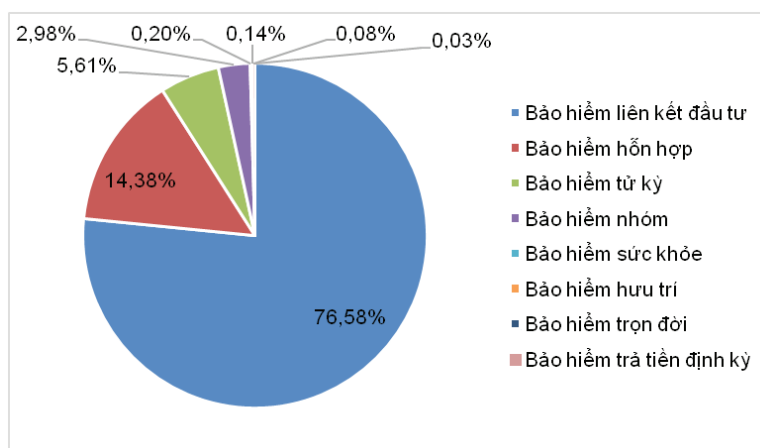
Biểu 6. Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm khai thác mới theo nghiệp vụ năm 2017

6A. Phí bảo hiểm khai thác mới của các hợp đồng bảo hiểm chính theo nghiệp vụ năm 2017



Phí bảo hiểm khai thác mới của nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư chiếm tỉ trọng lớn nhất 55,88% tổng phí khai thác mới toàn thị trường, tiếp theo là nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp chiếm 38,79% tổng phí khai thác mới, đứng thứ ba là nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ chiếm 2,10% tổng phí khai thác mới, phí bảo hiểm khai thác mới của những nghiệp vụ bảo hiểm còn lại chỉ chiếm 3,23% tổng phí khai thác mới toàn thị trường.

6B. Số tiền bảo hiểm của các hợp đồng khai thác mới theo nghiệp vụ năm 2017



Số tiền bảo hiểm của các hợp đồng khai thác mới của nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư dẫn đầu chiếm 76,58% số tiền bảo hiểm toàn thị trường, tiếp theo là nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp chiếm 14,38% số tiền bảo hiểm toàn thị trường, đứng thứ ba là nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ chiếm 5,61%; số tiền bảo hiểm của các nghiệp vụ còn lại chỉ chiếm 3,43% số tiền bảo hiểm toàn thị trường.

4.2. Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có hiệu lực

Trong năm 2017, số lượng hợp đồng có hiệu lực của các sản phẩm bảo hiểm chính đạt 7.380.129 hợp đồng, tăng 15,4% so với năm 2016. Trong đó, số lượng hợp đồng bảo hiểm cá nhân đạt 7.379.799 hợp đồng, số lượng hợp đồng bảo hiểm nhóm đạt 330 hợp đồng (tương ứng với số lượng thành viên trong nhóm được bảo hiểm là 273.410 người).

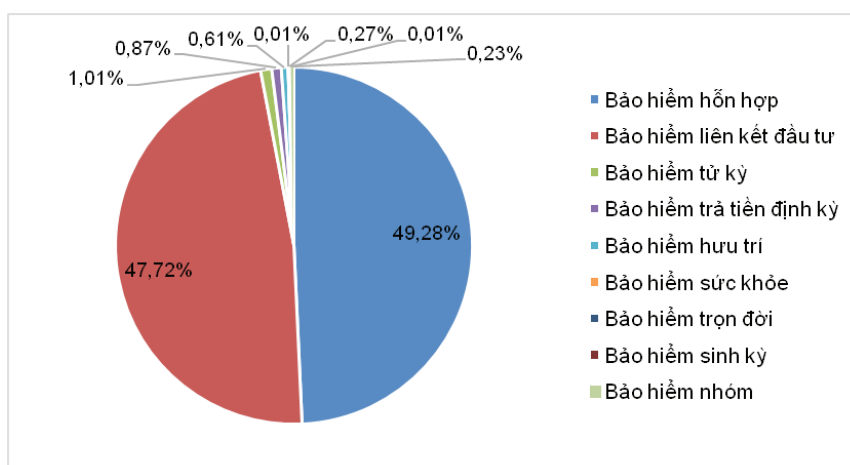
Bảng 7. Tình hình các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực giai đoạn 2016 - 2017

Nghiệp vụ	Hợp đồng bảo hiểm (Hợp đồng)		Số tiền bảo hiểm (Tỷ đồng)		Phí bảo hiểm (Tỷ đồng)	
	2016	2017	2016	2017	2016	2017
Bảo hiểm trọn đời	55.122	55.644	4.849	4.975	151	165
Bảo hiểm sinh kỳ	950	852	49	43	6	5
Bảo hiểm tử kỳ	405.177	463.112	32.372	35.399	396	608
Bảo hiểm hỗn hợp	3.724.661	3.966.916	290.136	338.230	24.755	29.772
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	16.452	19.938	328	415	226	523
Bảo hiểm liên kết đầu tư (*)	2.165.871	2.833.677	817.476	1.183.797	20.475	28.829
Bảo hiểm hưu trí	23.358	31.467	2.415	3.199	317	368
Bảo hiểm sức khỏe	3.278	8.193	432	1.909	2	7
Bảo hiểm nhóm	393	330	29.648	29.851	162	140
Bảo hiểm hỗ trợ	11.205.669	13.921.172	597.947	878.018	4.007	5.810
Tổng cộng (**)	6.395.262	7.380.129	1.177.705	1.597.818	50.497	66.226

(*) Nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư bao gồm bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm liên kết chung

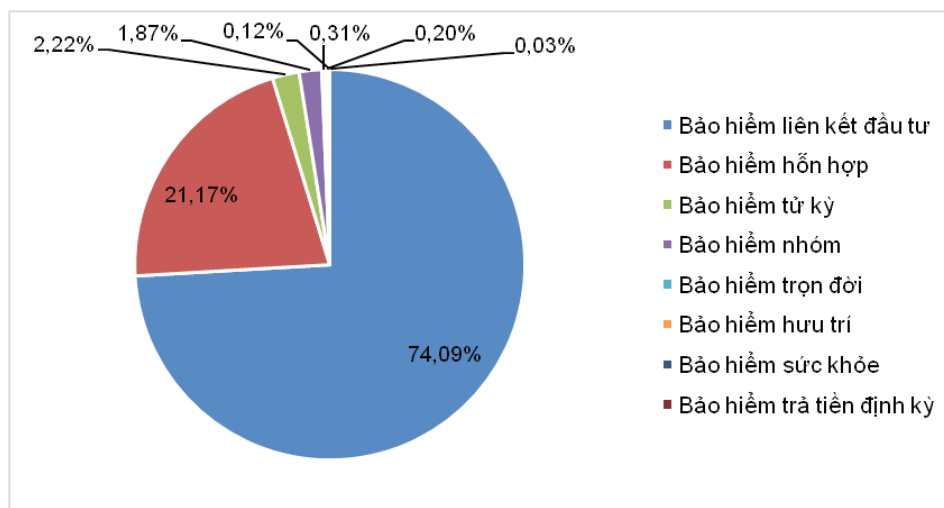
(**) Số lượng hợp đồng bảo hiểm, số tiền bảo hiểm không bao gồm bảo hiểm hỗ trợ

Biểu 7. Tình hình các hợp đồng bảo hiểm chính trong năm 2017 theo nghiệp vụ
7A. Doanh thu phí bảo hiểm theo nghiệp vụ năm 2017



Tổng phí bảo hiểm của các hợp đồng có hiệu lực là 66.226 tỷ đồng, tăng 31,15% so với năm 2016. Xét về quy mô tổng doanh thu phí bảo hiểm, các sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp chiếm tỷ trọng phí bảo hiểm cao nhất, chiếm 49,28%; tiếp theo là sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư chiếm 47,72%; đứng thứ ba là nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ chiếm 1,01% tổng doanh thu phí toàn thị trường, doanh thu phí bảo hiểm của những nghiệp vụ bảo hiểm còn lại chỉ chiếm 1,99% tổng doanh thu phí toàn thị trường.

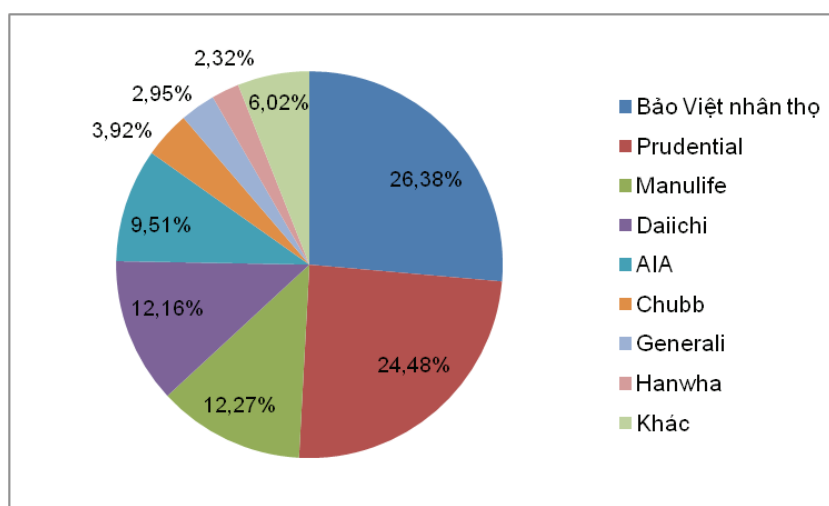
7B. Số tiền bảo hiểm theo nghiệp vụ năm 2017 (*)



(*) Số tiền bảo hiểm không bao gồm bảo hiểm bồi trợ

Số tiền bảo hiểm của nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư dẫn đầu chiếm 74,09% số tiền bảo hiểm toàn thị trường, tiếp theo là nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp chiếm 21,17% số tiền bảo hiểm toàn thị trường, đứng thứ ba là nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ chiếm 2,22%; số tiền bảo hiểm của các nghiệp vụ còn lại chỉ chiếm 2,52% số tiền bảo hiểm toàn thị trường.

Biểu 8. Thị phần tổng doanh thu phí năm 2017



Năm 2017, thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực theo thứ tự sau: Bảo Việt nhân thọ (26,38%); Prudential (24,48%); Manulife (12,27%); Dai-ichi (12,16%), AIA (9,51%), Chubb (3,92%), Generali (2,95%), Hanwha (2,32%). Các doanh nghiệp còn lại chiếm 6,02% thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.

4.3. Tình hình trả tiền bảo hiểm

Tổng số tiền bảo hiểm các doanh nghiệp đã chi trả trong năm 2017 cho các sản phẩm bảo hiểm là 15.947 tỷ đồng; trong đó trả giá trị tiền bảo hiểm gốc là 5.961 tỷ đồng, trả giá trị hoàn lại là 3.412 tỷ đồng, trả tiền đáo hạn là 6.574 tỷ đồng. Số tiền chi trả bảo hiểm tập trung chủ yếu vào các sản phẩm hỗn hợp và bảo hiểm liên kết đầu tư.

Bảng 8. Tình hình trả tiền bảo hiểm giai đoạn 2016 - 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

Nghệp vụ	Trả tiền bảo hiểm gốc		Trả giá trị hoàn lại		Trả đáo hạn		Tổng	
	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017
Bảo hiểm trọn đời	23	21	45	52	-	-	68	74
Bảo hiểm sinh kỳ	4	4	1	0,4	3	5	8	9
Bảo hiểm tử kỳ	39	65	15	17	112	175	166	257
Bảo hiểm hỗn hợp	2.099	2.609	1.657	1.865	5.453	6.359	9.210	10.833
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	1	2	71	239	-	-	72	241
Bảo hiểm liên kết đầu tư (*)	1.611	2.364	745	1.234	1	18	2.357	3.616
Bảo hiểm hưu trí	6	10	1	3	7	8	14	22
Bảo hiểm sức khỏe	75	94	-	-	-	-	75	94
Bảo hiểm nhóm	3	7	-	-	4	9	7	16
Bảo hiểm bồi trợ	385	785	0,02	0,002	-	-	385	785
Tổng số	4.247	5.961	2.536	3.412	5.580	6.574	12.363	15.947

(*) Nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư bao gồm bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm liên kết chung.

4.4. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

Cùng với sự tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm và phát triển hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cũng được tăng lên nhằm đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm. Năm 2017, tổng dự phòng nghiệp vụ của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đạt 169.341 tỷ đồng, tăng 32,24% so với năm 2016.

Bảng 9. Dự phòng nghiệp vụ giai đoạn 2016 - 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

Dự phòng nghiệp vụ	Dự phòng nghiệp vụ trích trong năm		Tăng trưởng	Tổng dự phòng nghiệp vụ		Tăng trưởng
	2016	2017		2016	2017	
Dự phòng toán học	23.282	39.396	69%	112.402	151.798	35%
Dự phòng phí chưa được hưởng	252	212	-16%	1.010	1.222	21%
Dự phòng chia lãi	98	692	603%	13.513	14.205	5%
Dự phòng bồi thường	167	242	45%	868	1.109	28%
Dự phòng đảm bảo cân đối	38	26	-33%	255	281	10%
Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết	1	723	60.018%	4	727	21.933%
Tổng	23.839	41.290	73%	128.051	169.341	32%

5. HOẠT ĐỘNG TÁI BẢO HIỂM

Năm 2017, tổng phí bảo hiểm giữ lại của doanh nghiệp bảo hiểm đạt 95.347 tỷ đồng (tăng 23,70% so với năm 2016). Trong đó, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ đạt 30.079 tỷ đồng (chiếm 72,31% phí bảo hiểm gốc phi nhân thọ), lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đạt 65.268 tỷ đồng (chiếm 98,55% phí bảo hiểm gốc nhân thọ). Hoạt động tái bảo hiểm được thực hiện chủ yếu đối với hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ với tỷ trọng là 92,32% tổng số phí tái.

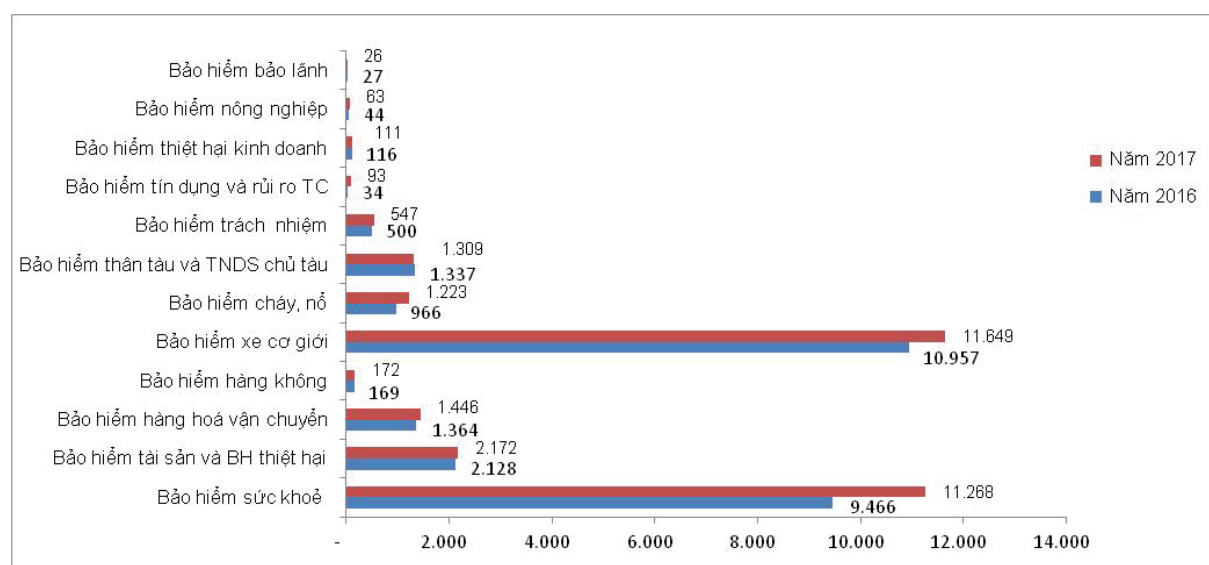
Bảng 10. Hoạt động tái bảo hiểm giai đoạn 2013 - 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

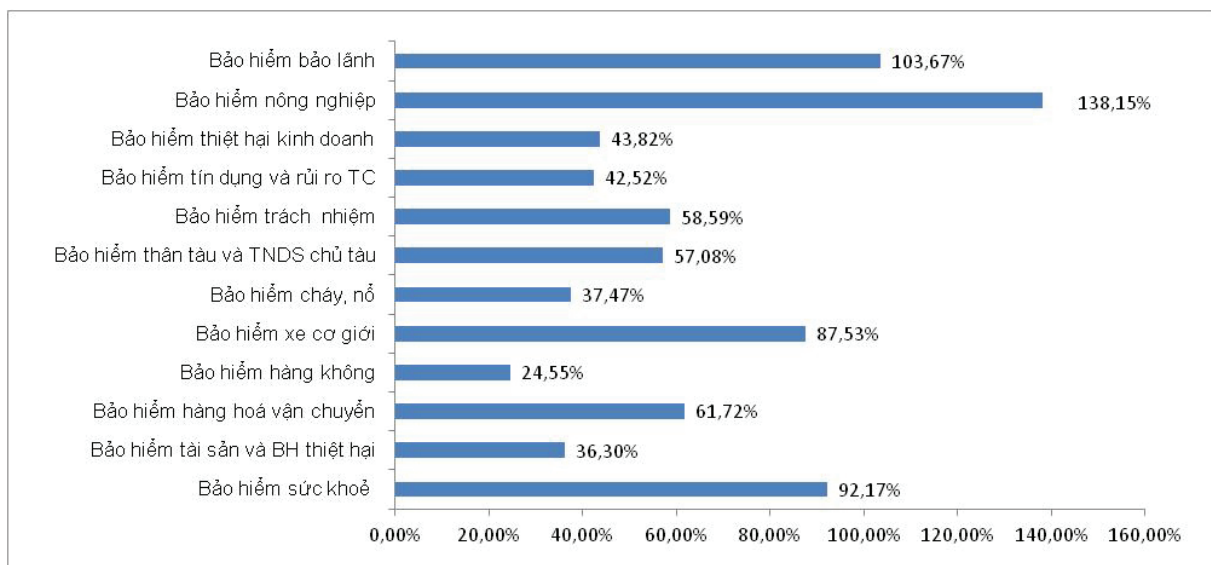
Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng phí bảo hiểm gốc	47.851	55.877	70.162	87.364	107.821
Phi nhân thọ	24.521	27.522	31.891	36.866	41.594
Nhân thọ	23.330	28.355	38.271	50.497	66.226
Tái bảo hiểm	7.878	8.422	9.066	10.282	12.473
Phi nhân thọ	7.695	8.169	8.700	9.758	11.516
Nhân thọ	183	253	366	524	958
Tổng phí bảo hiểm giữ lại	39.973	47.455	61.096	77.081	95.347
Phi nhân thọ	16.826	19.353	23.191	27.108	30.079
Nhân thọ	23.147	28.102	37.905	49.973	65.268

Biểu 9. Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ giai đoạn 2016 - 2017

Đơn vị: Tỷ đồng



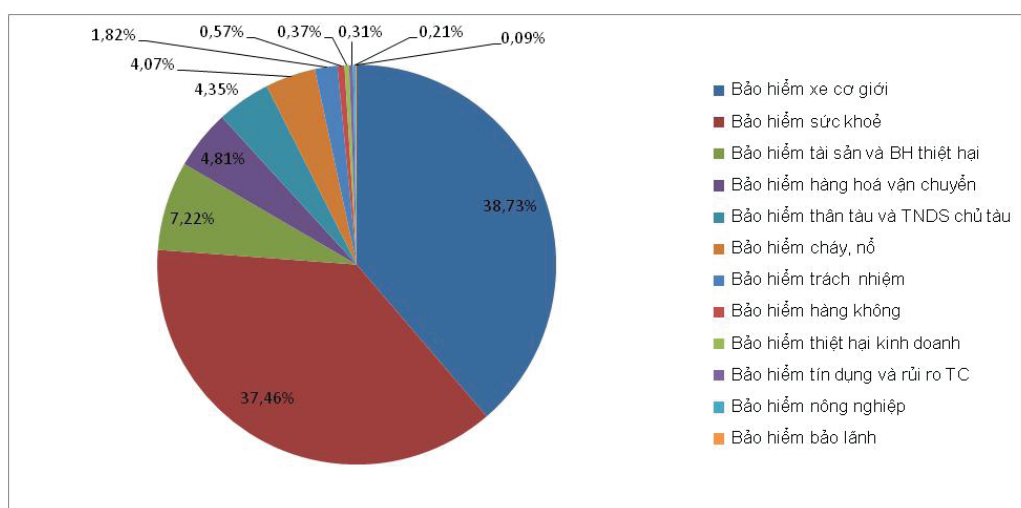
Biểu 10. Tỷ lệ phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ năm 2017



Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm có rủi ro lớn, các doanh nghiệp thực hiện nhượng tái bảo hiểm với tỷ trọng lớn để phân tán rủi ro như bảo hiểm hàng không, bảo hiểm thiệt hại kinh doanh, bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính, bảo hiểm tài sản và thiệt hại, bảo hiểm cháy, nổ.

Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm sức khoẻ các doanh nghiệp bảo hiểm hầu như không nhượng tái bảo hiểm. Tỷ lệ phí bảo hiểm giữ lại của các nghiệp vụ này rất lớn: nghiệp vụ bảo hiểm nông nghiệp (138,15%); nghiệp vụ bảo hiểm bảo lãnh (103,67%), nghiệp vụ bảo hiểm sức khoẻ (92,17%).

Biểu 11. Tỷ trọng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ năm 2017



Trong cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm giữ lại, nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới chiếm tỷ trọng lớn nhất 38,73%; tiếp đến là bảo hiểm sức khoẻ 37,46%, bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại 7,22%... Các nghiệp vụ chiếm tỷ trọng phí bảo hiểm giữ lại thấp là bảo hiểm bảo lãnh 0,09%; bảo hiểm nông nghiệp 0,21%; bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính 0,31%; bảo hiểm thiệt hại kinh doanh 0,37% và bảo hiểm hàng không 0,57%.

6. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Các doanh nghiệp bảo hiểm đã tạo lập nguồn vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2017, tổng số tiền các doanh nghiệp bảo hiểm tích lũy đầu tư trở lại nền kinh tế là 247.815 tỷ đồng, tăng 25,06% so với 2016. Hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp đảm bảo an toàn, hiệu quả và thanh khoản. Danh mục đầu tư đa dạng gồm góp vốn thành lập doanh nghiệp khác, cho vay, trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng. Năm 2017, tỷ trọng danh mục đầu tư như sau: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương chiếm 54,14%, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chiếm 31,07%; cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh chiếm 6,5%.

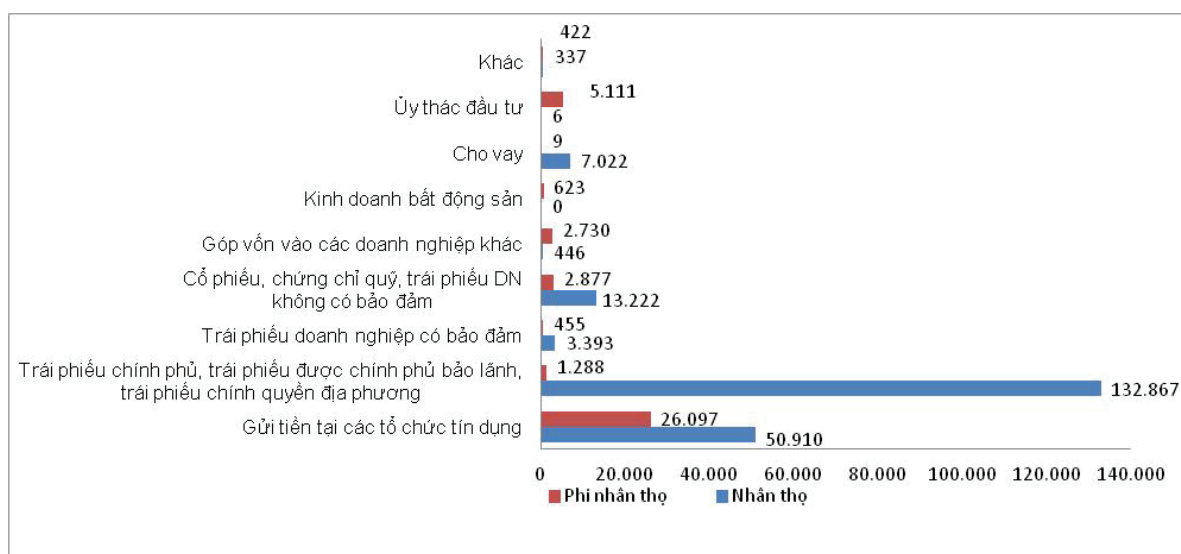
Bảng 11. Cơ cấu danh mục đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

Nội dung	Nhân thọ	Phi nhân thọ	Tổng cộng	Cơ cấu
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	50.910	26.097	77.007	31,07%
Trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương	132.867	1.288	134.155	54,14%
Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh	3.393	455	3.848	1,55%
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh	13.222	2.877	16.099	6,50%
Góp vốn vào các doanh nghiệp khác	446	2.730	3.176	1,28%
Kinh doanh bất động sản	-	623	623	0,25%
Cho vay	7.022	9	7.031	2,84%
Ủy thác đầu tư	6	5.111	5.117	2,06%
Khác	337	422	760	0,31%
Tổng cộng	208.202	39.612	247.815	100%

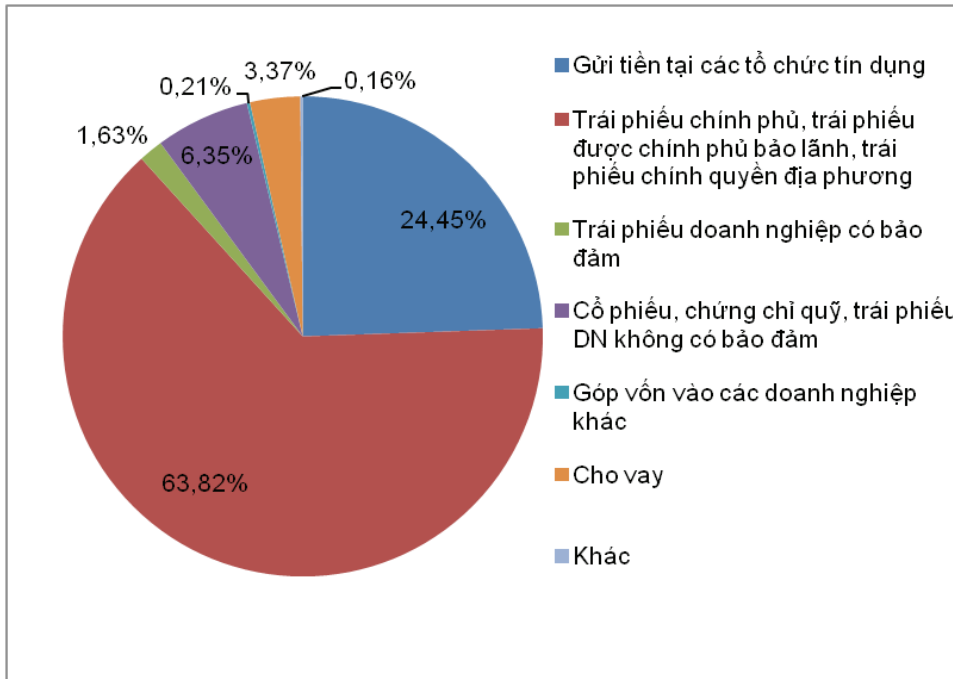
Biểu 12. Tình hình đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

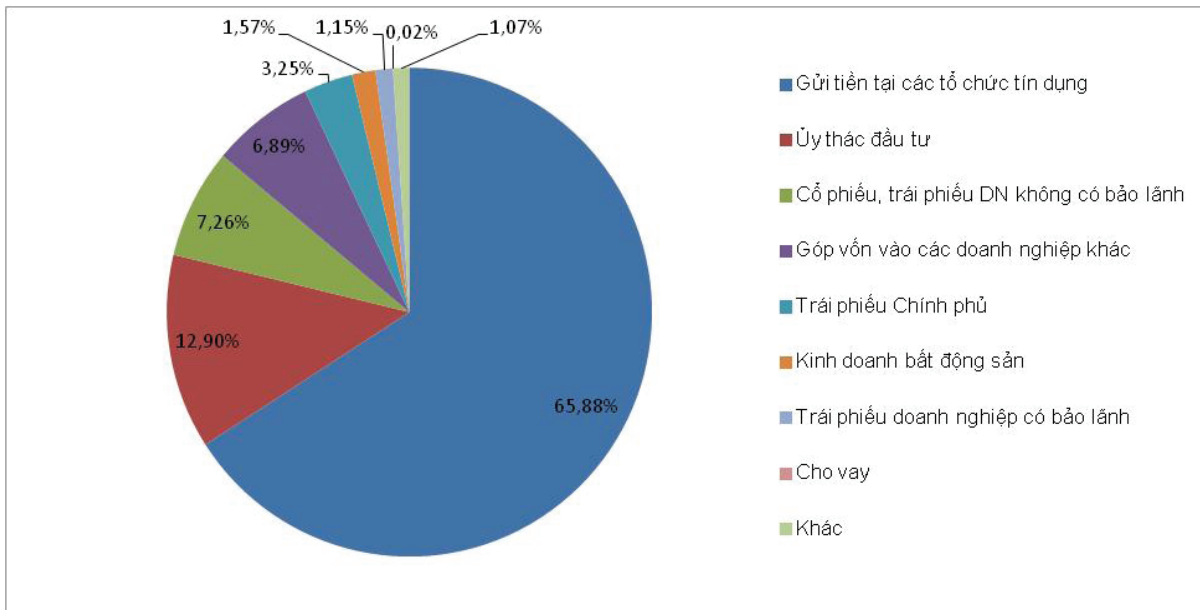


Biểu 13. Cơ cấu đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2017

13A. Cơ cấu danh mục đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ



13B. Cơ cấu danh mục đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ



7. TRUNG GIAN BẢO HIỂM

7.1. Hoạt động môi giới bảo hiểm

Năm 2017, tổng phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới bảo hiểm (bao gồm cả môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm) đạt 9.644 tỷ đồng (tăng 32,9% so với năm 2016). Trong đó môi giới bảo hiểm gốc đạt 4.498 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 46,63% (tăng 4,12% so với năm

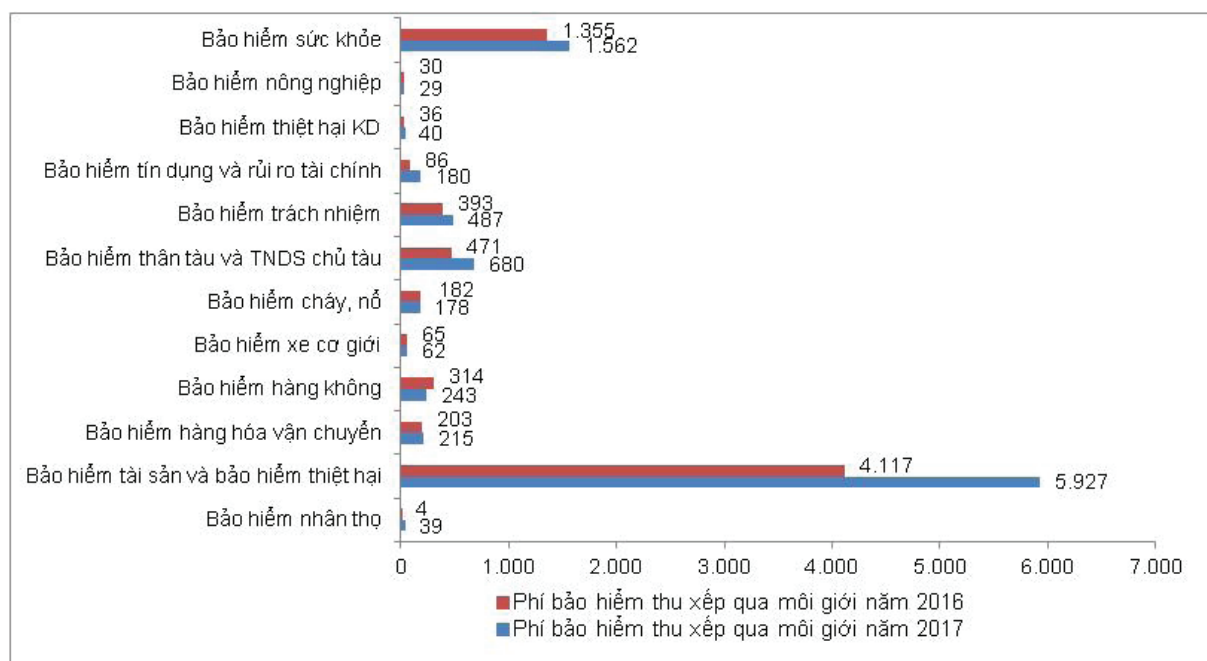
2016), môi giới tái bảo hiểm đạt 5.146 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 53,37% (tăng 75,3% so với năm 2016). Tổng phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới (cả môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm) chiếm 23,09% trong tổng phí bảo hiểm gốc lĩnh vực phi nhân thọ. Tính riêng tỷ lệ phí bảo hiểm gốc thu xếp qua môi giới so với tổng phí bảo hiểm gốc lĩnh vực phi nhân thọ đạt 10,73%.

Hoạt động môi giới bảo hiểm được thực hiện trên tất cả các nghiệp vụ, trong đó tập trung chủ yếu trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ (tỷ trọng 83,4%), kế đó là bảo hiểm sức khỏe (tỷ trọng 16,2%), bảo hiểm nhân thọ phát sinh không đáng kể (tỷ trọng 0,41%). Phí bảo hiểm thu xếp chủ yếu thuộc nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và thiệt hại (chiếm tỷ trọng 61,5%) và nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe thuộc nhóm nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe (chiếm tỷ trọng 15,2%). Năm 2017, phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới của một số nghiệp vụ có tốc độ tăng trưởng cao so với năm 2016 là: nghiệp vụ bảo hiểm trọn đời (tăng 1.121%), nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ (tăng 525,2%), nghiệp vụ bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính (tăng 108,5%); nghiệp vụ bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu (tăng 44,5%).

Tuy nhiên, xét về giá trị tăng trưởng tuyệt đối thì các nghiệp vụ có mức tăng cao về phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới là bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu (tăng 209 tỷ đồng), bảo hiểm trách nhiệm (tăng 93,5 tỷ đồng), bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính (tăng 93,5 tỷ đồng). Một số nghiệp vụ có giá trị phí thu xếp giảm đáng kể so với năm 2016 là bảo hiểm hàng không (giảm 70 tỷ đồng), bảo hiểm xe cơ giới (giảm 2,4 tỷ đồng), bảo hiểm cháy nổ (giảm 3,6 tỷ đồng).

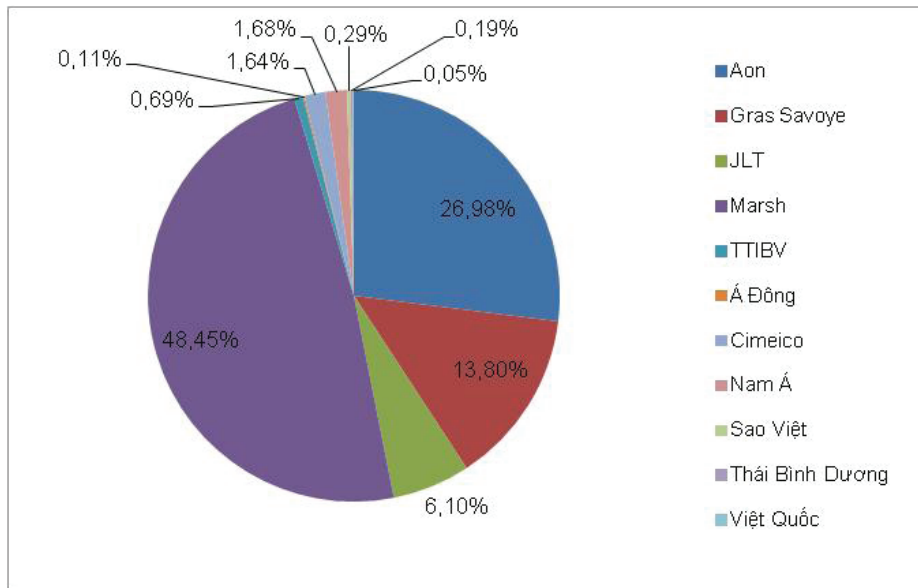
Biểu 14. Phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới năm 2016-2017

Đơn vị: Tỷ đồng



Phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới tập trung chủ yếu ở 4 doanh nghiệp là Marsh, Aon, Gras Savoye Willis và Jardine Lloyd Thompson (tổng thị phần là 95,34%). 7 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm còn lại chiếm thị phần 4,66%.

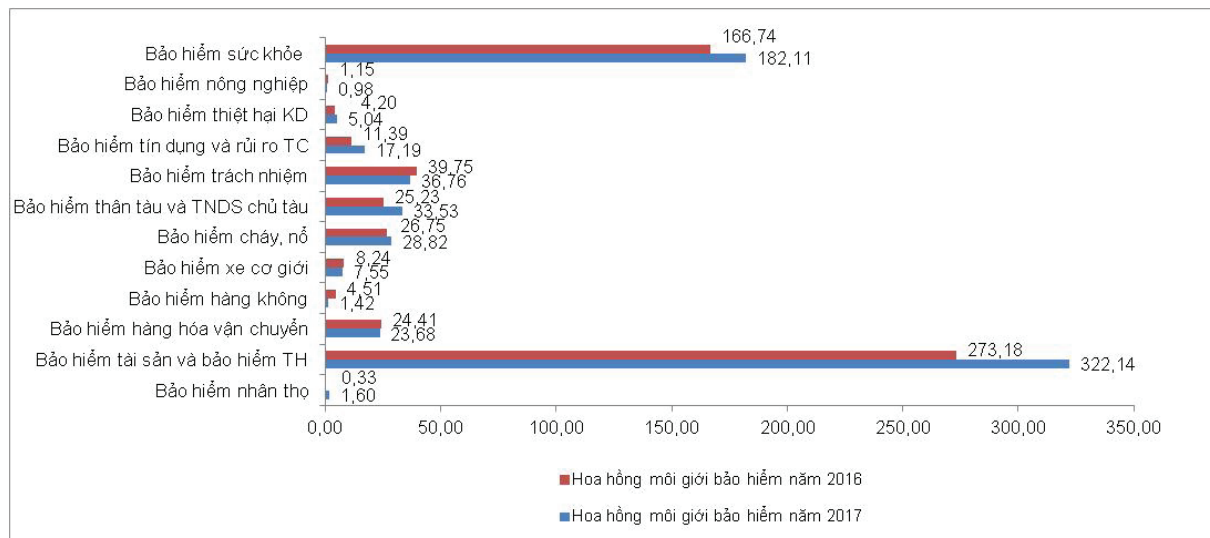
Biểu 15. Tỷ trọng phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới năm 2017



Năm 2017, doanh thu hoa hồng môi giới bảo hiểm đạt 660,8 tỷ đồng (tăng 12,8% so với năm 2016). Trong đó hoa hồng môi giới bảo hiểm gốc đạt 490 tỷ đồng (tăng 0,01% so với năm 2016), hoa hồng môi giới tái bảo hiểm đạt 83,3 tỷ đồng (giảm 18% so với năm 2016), phí dịch vụ môi giới bảo hiểm (ngoài hoa hồng) đạt 87,5 tỷ. Tỷ lệ hoa hồng môi giới bảo hiểm trên phí bảo hiểm thu xếp bình quân là 6,9%, trong đó tỷ lệ hoa hồng môi giới bảo hiểm gốc bình quân là 10,9%, tỷ lệ hoa hồng môi giới tái bảo hiểm bình quân là 1,6%.

Biểu 16. Hoa hồng môi giới bảo hiểm theo nghiệp vụ giai đoạn 2016-2017

Đơn vị: Tỷ đồng



7.2. Đại lý bảo hiểm

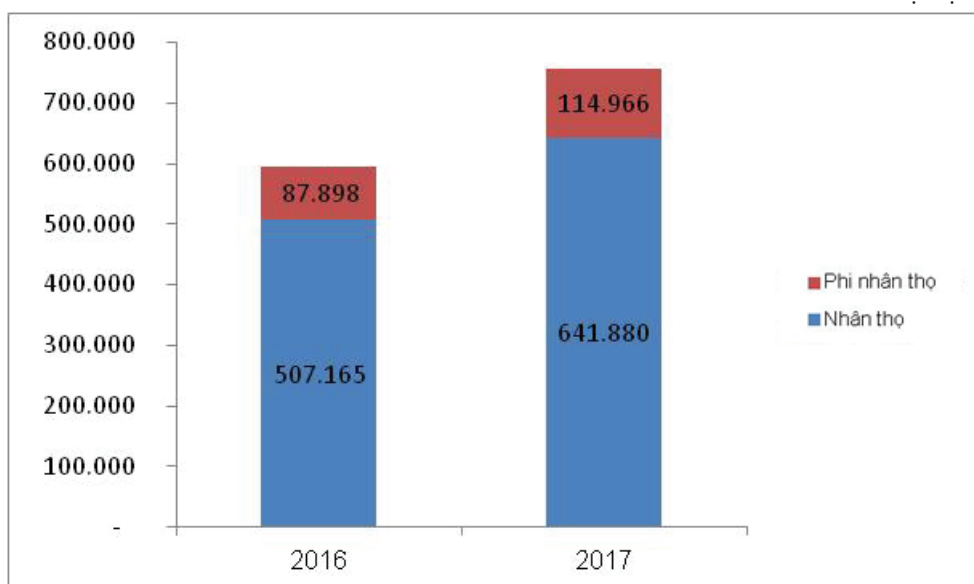
Tổng đại lý bảo hiểm năm 2017 đạt 756.846 đại lý, tăng 27,19% so với năm 2016, Trong đó, đại lý bảo hiểm nhân thọ là 641.880 người, tăng 26,56% so với năm 2016. Đại lý bảo hiểm phi nhân thọ là 114.966 người, tăng 30,79% so với năm 2016.

Bảng 12. Số lượng đại lý đang hoạt động tính đến 31/12/2017

Đại lý cá nhân		Đại lý tổ chức		Tổng số đại lý (bao gồm đại lý cá nhân và cá nhân trực thuộc đại lý tổ chức được cấp chứng chỉ đào tạo)	Tỷ lệ	Tăng trưởng so với năm 2016
		Số lượng	Cá nhân trực thuộc			
Nhân thọ	321.774	768	320.106	641.880	84,81%	26,56%
Phi nhân thọ	75.978	1.755	38.988	114.966	15,19%	30,79%
Tổng	397.752	2.523	359.094	756.846	100%	27,19%

Biểu 17. Số lượng đại lý bảo hiểm năm 2016-2017

Đơn vị: Đại lý



PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY BẢO HIỂM, MÔI GIỚI BẢO HIỂM NĂM 2017

TT	Tên công ty	Năm thành lập	Vốn điều lệ đã góp (tỷ đồng)
CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ: 30			
1	Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt)	1964	2.300
2	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh (Bảo Minh)	1994	914
3	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (Pjico)	1995	887
4	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long)	1995	600
5	Tổng công ty Bảo hiểm PVI (Bảo hiểm PVI)	1996	2.600
6	Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine (BVTM)	1996	300
7	Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (UIC)	1997	300
8	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	1998	804
9	Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam (Groupama)	2001	389
10	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VBI)	2002	500
11	Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina (Samsung Vina)	2002	500
12	Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông (VASS)	2003	500
13	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	2005	1.173
14	Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA (AAA)	2005	813
15	Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam (AIG)	2005	1.126
16	Công ty Bảo hiểm QBE Việt Nam (QBE)	2005	300
17	Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC)	2006	380
18	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu (GIC)	2006	400
19	Công ty cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng (PAC)	2006	404
20	Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty (Liberty)	2006	1.204
21	Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam (Chubb)	2006	337
22	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)	2007	800
23	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng Không (VNI)	2008	800
24	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSH)	2008	1.000
25	Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (BHV)	2008	300
26	Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ MSIG Việt Nam (MSIG)	2008	300
27	Công ty TNHH Bảo hiểm Fubon (Việt Nam) (Fubon)	2008	500
28	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành (Xuân Thành)	2009	680
29	Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam (Cathay)	2010	534
30	Chi nhánh Công ty Bảo hiểm Bảo lãnh Seoul tại Hà Nội (SGI)	2014	600
CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ: 18			
31	Tổng công ty Bảo Việt nhân thọ (BVL)	2004	2.500

TT	Tên công ty	Năm thành lập	Vốn điều lệ đã góp (tỷ đồng)
32	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam (Prudential)	1999	1.136
33	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (Manulife)	1999	5.720
34	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam) (AIA)	2000	3.224
35	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Chubb Việt Nam (Chubb Life)	2005	1.245
36	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prévoir Việt Nam (Prévoir Việt Nam)	2005	1.079
37	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Dai-ichi Life Việt Nam)	2007	5.408
38	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Cathay Việt Nam (Cathay life)	2007	3.344
39	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ FWD Việt Nam (FWD Viet Nam)	2007	2.015
40	Công ty TNHH Bảo hiểm Hanwha Life Việt Nam (Hanwha Life Việt Nam)	2008	1.891
41	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Vietcombank - Cardif (VCLI)	2008	600
42	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Fubon Việt Nam (Fubon Life)	2010	1.400
43	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Generali Việt Nam (Generali Life)	2011	3.523
44	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Aviva (Aviva)	2011	2.557
45	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Sun Life Việt Nam (Sun Life)	2013	1.520
46	Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng (PHL)	2013	888
47	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ BIDV MetLife (BIDV MetLife)	2014	1.000
48	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MB Ageas Life)	2016	1.100
CÔNG TY TÁI BẢO HIỂM: 2			
49	Tổng công ty cổ phần Tái Bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE)	1994	1.311
50	Tổng công ty cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re)	2011	668
CÔNG TY MÔI GIỚI BẢO HIỂM: 14			
51	Công ty TNHH Aon Việt Nam	1993	8
52	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Việt Quốc	2001	8
53	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Á Đông	2003	11
54	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Đại Việt (*)	2003	6
55	Công ty TNHH môi giới Bảo hiểm Gras Savoye Willis Việt Nam	2003	8
56	Công ty TNHH môi giới Bảo hiểm Marsh Việt Nam	2004	9
57	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Thái Bình Dương	2005	31
58	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Cimeco	2006	30
59	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Sao Việt	2008	4
60	Công ty TNHH môi giới Bảo hiểm Jardine Lloyd Thompson Việt Nam	2008	45
61	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Nam Á	2010	10
62	Công ty TNHH môi giới Bảo hiểm Toyota-Tsusho (Việt Nam)	2011	12
63	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Sabrina	2016	8
64	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm GINET Việt Nam	2017	4

(*) Công ty đã dừng hoạt động, đang hoàn tất thủ tục giải thể

PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY BẢO HIỂM VÀ CÔNG TY MÔI GIỚI BẢO HIỂM NƯỚC NGOÀI NĂM 2017

STT	Tên văn phòng đại diện	Quốc tịch	Năm thành lập	Địa điểm
I VPĐD Phi nhân thọ: 10				
1	Công ty KB Insurance CO,LTD (*)	Hàn Quốc	1995	Hà Nội
2	Công ty KB Insurance CO,LTD (*)	Hàn Quốc	2001	TP.Hồ Chí Minh
3	Công ty TNHH Bảo hiểm hàng hải và hoả hoạn Hyundai	Hàn Quốc	1996	TP.Hồ Chí Minh
4	Công ty TNHH Bảo hiểm hàng hải và hoả hoạn Hyundai	Hàn Quốc	2016	Hà Nội
5	Công ty Bảo hiểm thương mại Hàn Quốc	Hàn Quốc	2004	TP.Hồ Chí Minh
6	Công ty Sompo Japan Nipponkoa (**)	Nhật Bản	2005	Hà Nội
7	Công ty Sompo Japan Nipponkoa (**)	Nhật Bản	2006	TP.Hồ Chí Minh
8	Công ty Allianz SE	Đức	2006	Hà Nội
9	Công ty TNHH Bảo hiểm Chevalier	Hồng Kông	2006	TP.Hồ Chí Minh
10	Công ty AmTrust Europe Limited	Anh	2012	TP.Hồ Chí Minh
II VPĐD Nhân thọ: 7				
11	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Nan Shan	Đài Loan	2005	Hà Nội
12	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Shin Kong	Đài Loan	2006	Hà Nội
13	Công ty Bảo hiểm nhân thọ Đài Loan	Đài Loan	2006	Hà Nội
14	Công ty AXA SA	Pháp	2007	Hà Nội
15	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Samsung	Hàn Quốc	2008	Hà Nội
16	Công ty Bảo hiểm nhân thọ Shinhan	Hàn Quốc	2015	Hà Nội
17	Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo	Nhật Bản	2011	Hà Nội
III VPĐD tái bảo hiểm: 1				
18	Công ty TNHH Tái Bảo hiểm vốn châu Á	Singapore	2012	TP.Hồ Chí Minh
IV VPĐD Môi giới bảo hiểm: 3				
19	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm dạng đóng Malakut	Nga	2006	Hà Nội
20	Công ty Alexander Leed Risk Services	Đài Loan	2008	TP.Hồ Chí Minh
21	Công ty môi giới Bảo hiểm Globaleye	Dubai	2014	TP.Hồ Chí Minh

(*) Trước đây là Công ty TNHH Bảo hiểm LIG

(**) Sáp nhập giữa Công ty TNHH Bảo hiểm Nipponkoa và Công ty Bảo hiểm Sompo Japan

**PHỤ LỤC 3. TỔNG DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM - THỊ PHẦN PHÍ BẢO HIỂM GỐC
TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG VÀ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM NĂM 2016-2017**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công ty	Doanh thu phí bảo hiểm		Thị phần doanh thu phí		Bồi thường/Trả tiền bảo hiểm	
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017
CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ							
1	Bảo hiểm Bảo Việt	6.564.657	8.050.895	17,81%	19,36%	2.989.348	3.690.699
2	Bảo Minh	3.101.992	3.395.911	8,41%	8,16%	1.343.882	1.424.227
3	Pjico	2.484.460	2.611.656	6,74%	6,28%	1.034.777	1.340.731
4	Bảo Long	764.642	892.991	2,07%	2,15%	240.578	331.921
5	Bảo hiểm PVI	6.527.512	6.689.425	17,71%	16,08%	2.565.574	2.679.624
6	BVTM	416.262	452.367	1,13%	1,09%	113.391	239.758
7	UIC	675.172	814.725	1,83%	1,96%	181.561	539.498
8	PTI	3.096.475	3.206.372	8,40%	7,71%	1.215.269	1.622.309
9	Groupama	112.770	25.505	0,31%	0,06%	32.787	12.454
10	VBI	691.936	889.912	1,88%	2,14%	162.361	299.893
11	Samsung Vina	1.010.607	1.083.330	2,74%	2,60%	287.027	248.937
12	VASS	1.978.725	2.573.375	5,37%	6,19%	70.181	101.803
13	BIC	1.668.508	1.842.742	4,53%	4,43%	650.765	723.267
14	AAA	280.208	242.752	0,76%	0,58%	84.944	65.505
15	AIG	509.986	406.127	1,38%	0,98%	164.052	110.323
16	QBE	148.061	198.238	0,40%	0,48%	18.449	17.871
17	ABIC	1.086.529	1.235.111	2,95%	2,97%	242.544	333.521
18	GIC	698.143	1.151.018	1,89%	2,77%	222.427	254.564
19	PAC	98.153	115.769	0,27%	0,28%	61.068	94.973
20	Liberty	544.652	565.870	1,48%	1,36%	251.722	272.320
21	Chubb	151.934	154.192	0,41%	0,37%	14.547	9.294
22	MIC	1.738.475	1.920.810	4,72%	4,62%	398.438	566.901
23	VNI	462.314	637.713	1,25%	1,53%	93.046	175.757
24	BSH	460.403	603.347	1,25%	1,45%	161.739	228.237
25	BHV	213.253	278.708	0,58%	0,67%	49.891	88.634

TT	Tên công ty	Doanh thu phí bảo hiểm		Thị phần doanh thu phí		Bồi thường/Trả tiền bảo hiểm	
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017
26	MSIG	624.143	679.126	1,69%	1,63%	171.748	241.115
27	Fubon	280.150	381.111	0,76%	0,92%	210.051	86.025
28	Xuân Thành	272.064	266.525	0,74%	0,64%	87.279	96.815
29	Cathay	177.542	203.618	0,48%	0,49%	97.578	59.374
30	SIG	26.522	25.243	0,07%	0,06%	29.280	436
TỔNG		36.866.250	41.594.485	100%	100%	13.246.303	15.956.786
CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ							
31	Bảo Việt	13.456.429	17.470.700	26,65%	26,38%	3.743.871	4.771.937
32	Prudential	13.531.703	16.212.529	26,80%	24,48%	5.384.485	6.260.918
33	Manulife	6.122.891	8.126.321	12,13%	12,27%	1.207.293	1.695.127
34	AIA	4.706.025	6.294.992	9,32%	9,51%	728.564	1.084.715
35	Chubb	2.075.270	2.594.190	4,11%	3,92%	202.788	313.498
36	Prevoir	475.003	468.427	0,94%	0,71%	162.404	207.121
37	Daiichi	5.301.854	8.052.575	10,50%	12,16%	585.026	835.068
38	Cathay	307.348	458.777	0,61%	0,69%	22.138	39.796
39	FWD	45.737	287.667	0,09%	0,43%	4.029	4.185
40	Hanwha	1.067.287	1.533.894	2,11%	2,32%	69.275	138.714
41	VCLI	156.756	276.162	0,31%	0,42%	8.081	12.710
42	Fubon	36.162	59.470	0,07%	0,09%	1.736	3.345
43	Generali	1.330.926	1.954.901	2,64%	2,95%	171.738	304.214
44	Aviva	709.974	969.798	1,41%	1,46%	6.678	17.938
45	Sun Life	843.038	567.052	1,67%	0,86%	60.597	229.888
46	Phú Hưng	72.874	131.219	0,14%	0,20%	961	5.706
47	BIDV MetLife	258.175	518.948	0,51%	0,78%	3.256	22.058
48	MB Ageas	-	248.610	0,00%	0,38%	-	30
TỔNG		50.497.452	66.226.231	100%	100%	12.362.921	15.946.967
TỔNG THỊ TRƯỜNG		87.363.702	107.820.715			25.609.224	31.903.753

PHỤ LỤC 4. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2016 - 2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công ty	Năm 2016			Năm 2017		
		Doanh thu	VCSH	Tổng tài sản	Doanh thu	VCSH	Tổng tài sản
CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ							
1	Bảo hiểm Bảo Việt	6.564.657	2.445.308	10.331.225	8.050.895	2.730.789	12.651.308
2	Bảo Minh	3.101.992	2.171.162	5.125.559	3.395.911	2.127.742	5.439.995
3	Pjico	2.484.460	914.262	4.293.072	2.611.656	1.467.890	5.019.472
4	Bảo Long	764.642	544.651	1.429.641	892.991	645.878	1.662.028
5	Bảo hiểm PVI	6.527.512	2.715.551	11.096.396	6.689.425	2.733.607	13.106.722
6	BVTM	416.262	457.100	1.345.994	452.367	462.783	1.373.701
7	UIC	675.172	538.841	1.425.446	814.725	440.216	1.429.925
8	PTI	3.096.475	1.849.257	4.941.186	3.206.372	1.901.150	5.398.983
9	Groupama	112.770	226.289	341.495	25.505	291.954	335.988
10	VBI	691.936	600.390	1.470.231	889.912	613.733	1.697.617
11	Samsung Vina	1.010.607	807.955	1.825.635	1.083.330	910.890	1.809.160
12	VASS	1.978.725	(534.350)	1.102.362	2.573.375	(85.101)	1.008.269
13	BIC	1.668.508	2.083.066	4.474.538	1.842.742	2.095.148	4.716.494
14	AAA	280.208	190.383	528.962	242.752	151.968	455.141
15	AIG	509.986	431.923	854.700	406.127	408.380	726.512
16	QBE	148.061	336.167	625.857	198.238	350.645	709.200
17	ABIC	1.086.529	601.751	1.545.440	1.235.111	657.772	1.791.716
18	GIC	698.143	486.231	1.883.757	1.151.018	515.725	2.166.100
19	PAC	98.153	254.762	404.588	115.769	263.573	408.215
20	Liberty	544.652	522.592	1.075.718	565.870	577.342	1.245.062
21	Chubb	151.934	308.200	538.613	154.192	314.272	549.125
22	MIC	1.738.475	853.975	2.949.899	1.920.810	890.274	3.013.480
23	VNI	462.314	515.709	1.075.159	637.713	826.218	1.681.938
24	BSH	460.403	736.426	1.343.293	603.347	1.017.329	1.724.855
25	BHV	213.253	320.405	596.184	278.708	309.862	542.628
26	MSIG	624.143	579.915	1.235.958	679.126	665.986	1.553.900
27	Fubon	280.150	445.632	768.362	381.111	449.134	962.836
28	Xuân Thành	272.064	309.374	591.425	266.525	614.773	900.305
29	Cathay	177.542	423.760	690.693	203.618	438.268	795.257
30	SGI	26.522	607.565	630.499	25.243	619.301	644.782
TỔNG		36.866.250	22.744.252	66.541.887	41.594.485	25.407.500	75.520.712

TT	Tên công ty	Năm 2016			Năm 2017		
		Doanh thu	VCSH	Tổng tài sản	Doanh thu	VCSH	Tổng tài sản
CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ							
31	Bảo Việt	13.456.429	3.265.161	53.799.838	17.470.700	3.559.982	69.235.831
32	Prudential	13.531.703	5.716.641	60.078.805	16.212.529	6.232.807	74.112.723
33	Manulife	6.122.891	2.728.187	17.434.545	8.126.321	5.634.749	26.337.475
34	AIA	4.706.025	1.483.033	10.063.473	6.294.992	3.713.549	15.412.284
35	Chubb	2.075.270	1.657.464	5.811.953	2.594.190	1.936.612	7.422.036
36	Prevoir	475.003	864.797	2.606.366	468.427	891.381	2.520.978
37	Daichi	5.301.854	2.915.204	10.794.656	8.052.575	5.747.761	17.637.744
38	Cathay	307.348	3.611.129	4.497.534	458.777	3.669.500	5.247.319
39	FWD	45.737	847.104	1.036.220	287.667	922.339	1.380.645
40	Hanwha	1.067.287	738.740	2.997.094	1.533.894	460.914	3.621.507
41	VCLI	156.756	607.809	805.916	276.162	604.497	953.699
42	Fubon	36.162	1.267.496	1.362.883	59.470	1.250.842	1.421.849
43	Generali	1.330.926	732.480	2.295.651	1.954.901	906.163	3.926.246
44	Aviva	709.974	367.722	1.608.049	969.798	1.629.815	4.175.232
45	Sun Life	843.038	1.080.415	3.693.289	567.052	1.109.834	4.027.857
46	Phú Hưng	72.874	504.335	587.901	131.219	552.026	692.498
47	BIDV MetLife	258.175	663.293	1.113.904	518.948	611.173	1.494.278
48	MB Ageas	-	1.073.526	1.116.716	248.610	851.132	1.158.939
TỔNG		50.497.452	30.124.535	181.704.793	66.226.231	40.285.076	240.779.139
TOÀN THỊ TRƯỜNG		87.363.702	52.868.787	248.246.680	107.820.715	65.692.576	316.299.852
CÔNG TY TÁI BẢO HIỂM							
49	Vinare	1.655.558	2.647.099	6.239.283	1.651.472	2.585.248	6.313.778
50	PVI Re	1.353.481	773.483	3.444.499	1.278.110	766.563	3.516.719
TỔNG		3.009.039	3.420.582	9.683.782	2.929.582	3.351.811	9.830.497
CÔNG TY MÔI GIỚI BẢO HIỂM							
51	Á Đông	4.662	6.253	6.443	1.908	4.241	4.387
52	Aon	177.439	55.381	102.624	192.421	47.790	150.759
53	Cimeico	22.571	28.839	35.130	23.463	29.235	36.021
54	Gras Savoye Willis	154.978	44.047	253.967	159.135	65.851	237.588
55	Jardine Lloyd Thompson	48.522	15.652	46.095	56.445	21.644	49.038
56	Marsh	173.159	81.234	177.410	189.540	113.324	231.448
57	Nam Á	12.536	8.710	8.915	23.883	6.458	10.479
58	Sao Việt	5.248	4.074	4.183	4.286	4.098	4.203
59	Thái Bình Dương	2.548	18.668	24.470	2.762	18.214	24.088
60	Toyota Tsusho	12.383	13.889	14.844	12.383	13.889	14.844
61	Việt Quốc	1.394	8.093	8.895	142	7.582	7.896
TỔNG		615.441	284.840	682.975	666.369	332.326	770.749

PHỤ LỤC 5. TỔNG DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ NĂM 2016-2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công ty	Tổng dự phòng nghiệp vụ 2016						Tổng dự phòng nghiệp vụ 2017					
		DP toán học, DP phí	Dự phòng chia lãi	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	Tổng cộng	DP toán học, DP phí	Dự phòng chia lãi	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	Tổng cộng
	CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	12.636.763		4.328.658	1.507.720		18.473.141	13.319.844		5.071.884	1.514.853		19.906.581
1	Bảo hiểm Bảo Việt	2.762.717		843.728	176.172		3.782.617	3.249.034		1.015.086	23.172		4.287.292
2	Bảo Minh	938.103		165.865	104.415		1.208.383	896.928		195.599	97.624		1.190.151
3	Pjico	972.733		506.343	248.182		1.727.258	1.081.929		588.745	261.509		1.932.182
4	Bảo Long	331.783		173.113	42.495		547.391	384.996		197.982	50.513		633.492
5	Bảo hiểm PVI	1.394.026		604.634	84.553		2.083.213	1.403.023		632.998	96.747		2.132.768
6	BVTM	48.764		62.358	44.409		155.531	59.381		71.413	51.008		181.802
7	UIC	198.051		63.368	46.242		307.661	171.972		123.241	47.705		342.918
8	PTI	1.253.855		562.053	46.633		1.862.541	1.121.896		502.387	69.448		1.693.731
9	Groupama	8.050		4.095	3.760		15.905	45		1.944	3.986		5.975
10	VBI	249.691		104.784	15.800		370.274	382.410		144.680	23.572		550.662
11	Samsung Vina	20.447		23.417	38.265		82.130	20.148		27.837	40.165		88.150
12	VASS	971.637		84.220	126.016		1.181.873	580.066		98.896	151.518		830.480
13	BIC	636.420		170.739	90.037		897.196	729.056		210.230	102.998		1.042.284
14	AAA	151.634		45.239	31.139		228.012	131.940		39.588	21.808		193.337

TT	Tên công ty	Tổng dự phòng nghiệp vụ 2016						Tổng dự phòng nghiệp vụ 2017					
		DP toán học, DP phí	Dự phòng chia lãi	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	Tổng cộng	DP toán học, DP phí	Dự phòng chia lãi	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	Tổng cộng
15	AIG	56.600		32.551	41.752		130.903	20.773		20.333	42.876		83.983
16	QBE	54.566		90.757	20.801		166.124	62.219		108.321	22.813		193.353
17	ABIC	520.772		107.806	63.243		691.821	711.838		101.732	75.038		888.608
18	GIC	289.547		74.487	2.002		366.036	216.255		78.736	7.347		302.338
19	PAC	20.069		9.125	2.765		31.959	10.656		13.103	3.034		26.792
20	Liberty	269.448		102.307	56.021		427.777	277.475		94.945	61.422		433.843
21	Chubb	28.571		10.758	8.634		47.963	45.848		12.751	10.510		69.109
22	MIC	687.595		183.638	82.393		953.626	769.750		361.614	82.552		1.213.915
23	VNI	170.390		67.731	34.876		272.997	234.048		98.842	39.631		372.520
24	BSH	193.036		81.031	17.980		292.047	253.519		112.224	23.167		388.910
25	BHV	62.837		30.883	7.369		101.090	128.677		45.408	9.968		184.053
26	MSIG	110.002		48.964	32.964		191.930	112.752		68.091	41.838		222.680
27	Fubon	51.319		14.912	12.779		79.010	62.245		23.433	16.665		102.343
28	Xuân Thành	134.325		41.426	20.506		196.258	129.891		55.633	28.567		214.090
29	Cathay	35.920		17.531	3.992		57.443	56.319		24.110	5.371		85.800
30	SGI	13.854		796	1.525		16.174	14.755		1.983	2.282		19.020

TT	Tên công ty	Tổng dự phòng nghiệp vụ 2016						Tổng dự phòng nghiệp vụ 2017					
		DP toán học, DP phí	Dự phòng chia lãi	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	Tổng cộng	DP toán học, DP phí	Dự phòng chia lãi	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	Tổng cộng
	CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ	113.411.340	13.512.939	867.731	255.128	3.766	128.050.905	153.019.149	14.205.321	1.109.311	280.562	726.844	169.341.186
31	Prudential	39.083.801	10.230.905	570.717	123.341		50.008.764	50.850.767	10.552.216	743.829	129.857	718.633	62.995.302
32	Bảo Việt	36.388.636	1.385.613	38.616	64.723		37.877.588	46.345.844	1.429.375	28.413	74.832		47.878.464
33	Manulife	11.845.119	1.389.452	51.079	20.847		13.306.497	17.116.948	1.634.020	75.513	22.725		18.849.205
34	AIA	7.117.303	203.828	72.349	7.771		7.401.250	9.551.982	280.242	82.372	11.038		9.925.634
35	Dai-ichi	6.616.663	157.072	38.356	12.405		6.824.495	9.889.807	166.779	73.380	12.405		10.142.371
36	Chubb Life	3.654.467	5.025	23.399	9.428		3.692.318	4.619.414	5.678	18.255	11.954		4.655.301
37	Sunlife	2.519.259		2.936	9.247	3.295	2.534.737	2.775.557		977	9.226	4.380	2.790.140
38	Hanwha	1.653.492	87.636	3.466	117		1.744.710	2.771.200	117.436	5.969	117		2.894.721
39	Generali	1.028.297		19.617	0		1.047.914	2.483.173		28.619	4		2.511.796
40	Aviva	1.054.422		2.084	626	471	1.057.603	2.189.236		2.077	626	773	2.192.712
41	Prevoir	991.405	38.322	4.654	495		1.034.875	1.230.945		5.120	761	3.053	1.239.878
42	Cathay	834.642		1.513	4.436		840.591	1.512.302		1.885	5.163		1.519.350
43	BIDV	323.016		601	0		323.617	805.551		422	0		805.973
44	Fubon	84.716		226	505		85.447	157.842		14	665		158.521
45	VCLI	108.335	1.955	37.734	1.190		149.214	236.519	2.695	39.956	1.190		280.360
46	Phú Hưng	51.252		324	0		51.577	91.923		853	0	5	92.780
47	FWD	56.516	13.131	62	0		69.708	163.284	16.880	1.247	0		181.410
48	MB Ageas						0	226.854		412			227.267
	TỔNG THỊ TRƯỜNG	126.048.103	13.512.939	5.196.389	1.762.848	3.766	146.524.046	166.338.992	14.205.321	6.181.195	1.795.415	726.844	189.247.767

PHỤ LỤC 6. CƠ CẤU ĐẦU TƯ NĂM 2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công ty	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	Trái phiếu chính phủ	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh	Cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh	Góp vốn vào các doanh nghiệp khác	Kinh doanh bất động sản	Cho vay	Ủy thác đầu tư	Khác	Tổng số tiền đầu tư
	CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	26.096.893	1.288.275	455.276	2.876.610	2.729.937	622.652	9.033	5.111.091	422.405	39.612.172
1	Bảo hiểm Bảo Việt	2.315.500			3.640	237.346			3.087.359	190.000	5.833.846
2	Bảo Minh	1.919.220	60.000		319.370	145.350	73.662			4.880	2.522.482
3	Pjico	2.401.085			235.769	61.446	84.150				2.782.450
4	Bảo Long	762.000			192.018	41.000			30.000	19.925	1.044.943
5	Bảo hiểm PVI	4.099.840			100.423	970.286					5.170.548
6	BVTM	572.473	103.715			3.430					679.618
7	UIC	854.410			7.203						861.613
8	PTI	1.223.106				354.428	88.020	8.941	1.693.731		3.368.226
9	Groupama	113.003									113.003
10	VBI	368.142	102.219		613.959					495	1.084.815
11	Samsung Vina	997.867									997.867
12	VASS	45.000	1		88.447	195.467		93			329.007
13	BIC	2.424.104		200.276	410.111	35.131					3.069.622
14	AAA	123.750			29.438	2.250	198.043				353.480

STT	Tên công ty	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	Trái phiếu chính phủ	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh	Cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh	Góp vốn vào các doanh nghiệp khác	Kinh doanh bất động sản	Cho vay	Ủy thác đầu tư	Khác	Tổng số tiền đầu tư
15	AIG	375.000									375.000
16	QBE	496.080									496.080
17	ABIC	1.333.845									1.333.845
18	GIC	535.527	50.347		37.510	3.770	6.479			7.960	641.592
19	PAC	183.858			6.700	55.147	8.299			10.000	264.005
20	Liberty	258.000	597.791								855.791
21	Chubb	180.000									180.000
22	MIC	923.800		255.000	175.400	32.964			300.000	5.000	1.692.163
23	VNI	500.500			433.192	57.540					991.232
24	BSH	664			144.988	534.381	164.000			184.145	1.028.178
25	BHV	287.687			77.584						365.271
26	MSIG	877.420									877.420
27	Fubon	529.930									529.930
28	Xuân Thành	675.930			859						676.789
29	Cathay	100.710	374.202								474.913
30	SGI	618.441									618.441

TT	Tên công ty	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh Trái phiếu chính quyền địa phương	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm	Góp vốn vào các doanh nghiệp khác	Kinh doanh bất động sản	Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng (bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)	Ủy thác đầu tư	Khác	Tổng số tiền đầu tư
CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ		50.909.613	132.866.712	3.393.015	13.221.942	446.491		7.021.814	5.725	337.123	208.202.436
31	Bảo Việt	27.339.415	32.048.252		3.733.204	304.653		1.114.195	5.725	2.106	64.547.551
32	Prudential	7.073.863	51.906.682	1.101.221	1.705.526	25.000		4.429.066			66.241.358
33	Manulife	1.074.624	15.994.713		2.900.374	65.838		603.576			20.639.125
34	AIA	1.132.148	7.115.743	609.669	1.769.207			367.851		325.000	11.319.618
35	Chubb	639.131	5.545.753		45.000	26.000		116.604			6.372.488
36	Prevoir	1.309.129	324.871		210.412						1.844.412
37	Daiichi	3.048.330	8.560.480	798.238	1.250.077	25.000		307.321			13.989.446
38	Cathay	854.700	3.571.030		454.540			22.671			4.902.941
39	FWD	635.886	371.461		65.000			2.843			1.075.190
40	Hanwha	219.300	2.383.609	100.000	236.191			44.664		8.768	2.992.532
41	VCLI	641.654	198.797								840.451
42	Fubon	650.730	631.052					1.506			1.283.288
43	Generali	1.404.500	761.841	450.000				8.474			2.624.815
44	Aviva	1.817.633	517.596	183.887	782.411			2.814			3.304.342
45	Sun Life	1.322.000	2.068.261	100.000						1.249	3.491.511
46	Phú Hưng	214.366	262.757		50.000			76			527.199
47	BIDV Met Life	667.000	583.465	50.000				152			1.300.617
48	MB Ageas	865.204	20.348		20.000						905.552
TỔNG THỊ TRƯỜNG		77.006.507	134.154.987	3.848.291	16.098.552	3.176.428	622.652	7.030.847	5.116.816	759.528	247.814.608

**THE ANNUAL REPORT
OF VIETNAM INSURANCE MARKET 2017**

Introduction

In 2017, Vietnam's economy has a bumper year with high growth and macroeconomic stability. In this context, by creating important and appropriate solutions on the improvement of business environment, the insurance market continued to achieve the significant results.

As of 31/12/2017, there are 64 insurance companies operating in the Vietnam insurance market, including non-life insurers, life insurers, reinsurers and insurance brokers. In 2017, compared to those in 2016, the total insurers' assets reached VND 316,300 billion, increased by 27.4%; the total amount invested by insurance industry reached VND 247,815 billion, increased by 25%; the total gross of insurance revenue increased to VND 132,369 billion, in which insurance premium income reached VND 107,821 billion (increased by 23.4%), investment income reached VND 24,548 billion; the claim payments and insurance payouts reached VND 31,904 billion.

In 2017, the Government issued the Decree No 23/2018/ND-CP on Compulsory Fire and Explosion Insurance and Decree No. 48/2018/ND-CP dated March 21, 2018 amending and supplementing some articles of Decree No. 98/2013/ND-CP on administrative penalties for violations in insurance and lottery business. In addition, the Ministry of Finance issued Circular No. 50/2017/TT-BTC guiding the Decree No. 73/2016/ND-CP dated July 1, 2016 on details of the implementation of the Law on insurance business and the Law on amendments to some articles of the Law on insurance business. The issuance of these regulations have created a favorable legal corridor for insurer's business.

In 2018, the Ministry of Finance will continue to improve and finalise the legal framework on insurance business and related regulations on sustainable market development such as the Decree on Agriculture Insurance, Decree guiding implementation of micro-insurance; Decree amending and supplementing the Decree on motor vehicle insurance; Decree No. 67/2014/ND-CP on fishery development policies,... Moreover, the Ministry of Finance will develop an information technology system to manage and supervise insurance companies and further simplify administrative procedures.

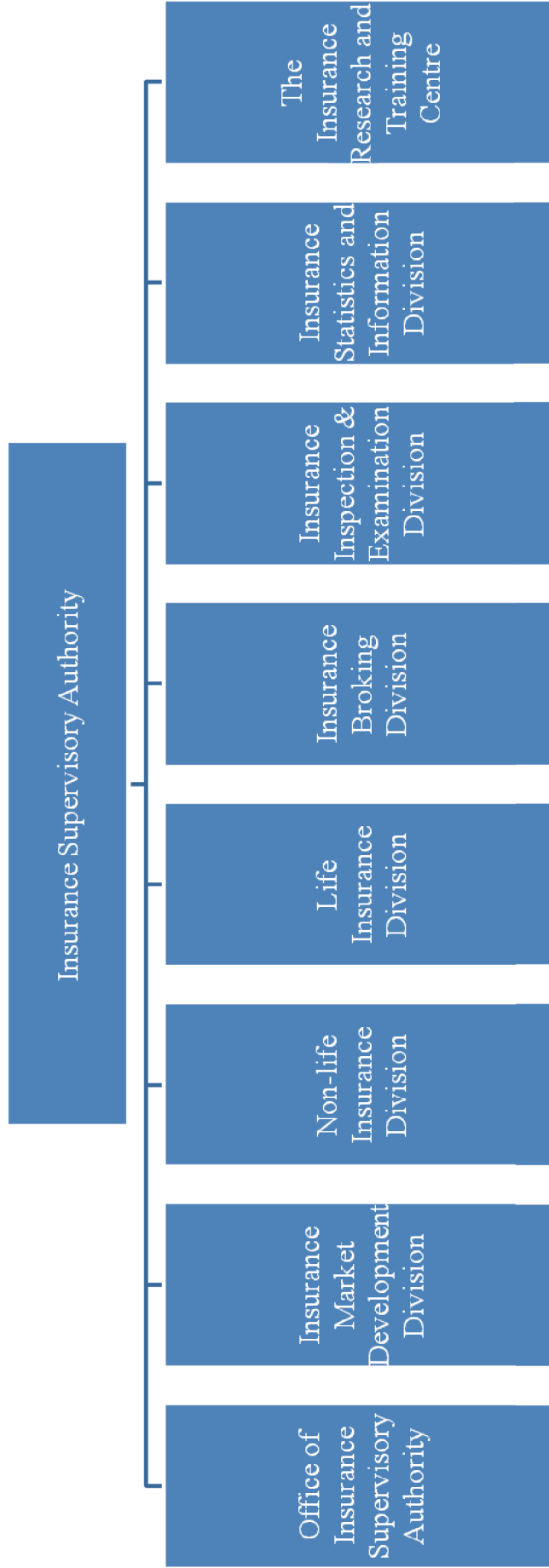
In 2018, a lot of challenges remain, however, with efforts made by Insurance Supervisory Authority to finalize policies on insurance business, the Vietnam insurance market will attract more investors and make contribution to the country's economy growth in general./.

DIRECTOR GENERAL



Phung Ngoc Khanh

ORGANIZATION STRUCTURE



Address: 28 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Ha Noi

Tel: (024) 2220 2828

Fax: (024) 2220 2875

Email: cucqlgsbh@mof.gov.vn

Website: <http://isa.mof.gov.vn>

KEY DEVELOPMENT INDICATORS

	FY 2011	FY 2012	FY 2013	FY 2014	FY 2015	FY 2016	FY 2017
1. Market Structure							
Number of Enterprises	57	57	59	61	61	63	64
- Non - Life Insurers	29	29	29	30	30	30	30
- Life Insurers	14	14	16	17	17	18	18
- Professional Reinsurers	2	2	2	2	2	2	2
- Insurance Brokers	12	12	12	12	12	13	14
2. Financial Capacity							
- Total Asset (VND bil.)	106,246	114,663	133,856	171,607	202,378	248,247	316,300
- Accumulated Technical Reserves (VND bil.)	61,878	69,011	79,289	95,222	119,897	146,524	189,248
3. Investments (VND bil.)	83,439	89,567	113,682	127,061	160,258	198,150	247,815
4. Premiums (VND bil.)	46,985	51,525	58,002	67,479	84,498	103,208	132,369
- Insurance premiums	36,552	41,248	47,851	55,877	70,162	87,364	107,821
+ Non-life Business	20,554	22,851	24,521	27,522	31,891	36,866	41,594
+ Life Business	15,998	18,397	23,330	28,355	38,271	50,497	66,226
- Investment Income	10,433	10,277	10,151	11,603	14,336	15,845	24,548
- Insurance Penetration (%)	1.85	1.94	1.62	1.71	2.02	2.29	2.64
+ Non-Life Business	0.81	0.86	0.68	0.70	0.76	0.82	0.83
+ Life Business	0.63	0.69	0.65	0.72	0.91	1.12	1.32
+ Investment Income	0.41	0.39	0.28	0.29	0.34	0.35	0.49
- Insurance Density (VND' 000)	535	580	646	744	922	942	1,151
5. Contribution to socio-economic stabilization	21,848	25,334	29,600	38,589	48,339	52,542	75,075
- Claim payments and Insurance payouts (VND bil.)	15,971	16,649	18,587	21,788	23,571	25,609	31,904
- Technical Reserves(VND bil.)	5,877	8,685	11,013	16,801	24,767	26,933	43,171
6. Employment (employees and agents)	303,716	322,676	357,645	439,173	584,719	603,089	786,795

VIETNAM INSURANCE INDUSTRY OVERVIEW FOR 2017

1. MARKET STRUCTURE

In FY 2017, there were 64 service providers in the insurance market with diversified ownership structure, including 25 sole member limited liability companies (Sole member LLC), 10 liability limited companies with more than one member (LLCs), 28 joint stock companies and 01 branch of the foreign non-life insurance company in Vietnam.

Table 1. Ownership Structure of Enterprises by Type of Business

Type of Business/Legal form	Sole member LLC	LLCs	Joint stock	Branch office of insurance company	Total
Non-life Insurers	9	4	16	1	30
Life Insurers	13	4	1	0	18
Professional Reinsurers	0	0	2	0	2
Insurance Brokers	3	2	9	0	14
Total	25	10	28	1	64

In addition, the presence of 21 representative offices of foreign insurance companies undertakings in Vietnam played a positive role in improving the investment environment and increasing the confidence of foreign investors in doing business in Vietnam.

2. MARKET SIZE

In FY 2017, the industry had been growing steadily compared to the growth rate of GDP. The industry's revenue (including investment income) reached VND 132,369 billion, increased by 28.25% compared to FY 2016 of which insurance premiums were VND 107,821 billion and investment income reached VND 24,548 billion.

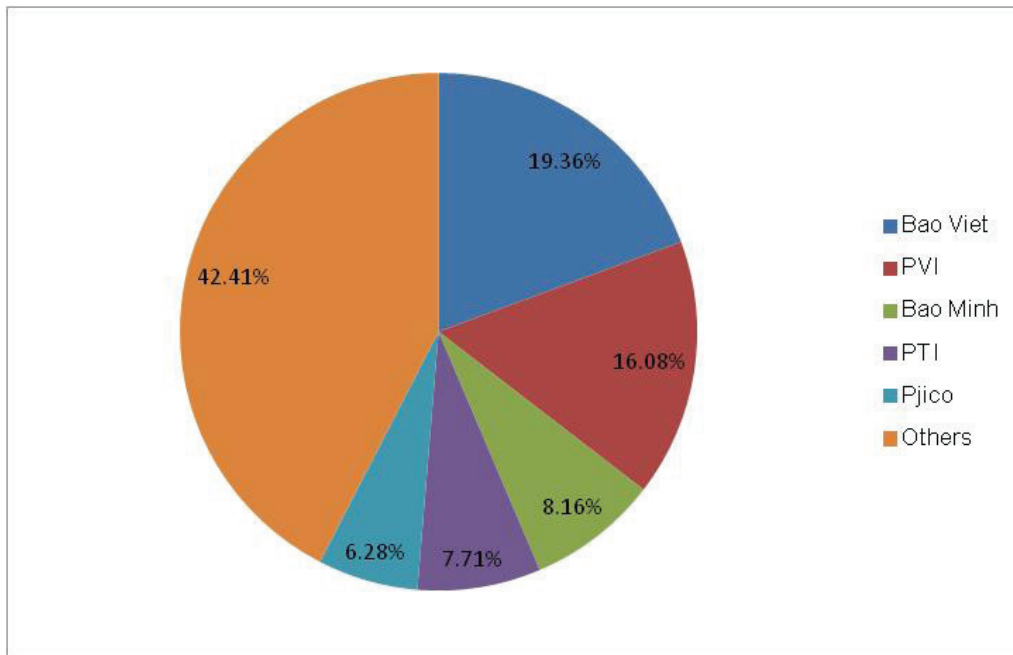
Table 2. Insurance Premiums and Market Share by Industry

	Unit	Non - life		Life		Total	
		FY 2016	FY 2017	FY 2016	FY 2017	FY 2016	FY 2017
Premium income	VND bil.	36,866	41,594	50,497	66,226	87,364	107,821
Growth rate	%	15.60	12.83	31.95	31.15	24.52	23.42
Proportion of total premium	%	42.20	38.58	57.80	61.42	100	100
Insurance Penetration	%	0.82	0.83	1.12	1.32	1.94	2.15

3. NON-LIFE INSURANCE BUSINESS PERFORMANCE

In FY 2017, non-life gross written insurance premiums were VND 41,594 billion with an increase of 12.83% to FY 2016. The market was still highly concentrated to the "big 5" non - life insurers. They were Bao Viet (19.36%), PVI Insurance (16.08%), Bao Minh (8.16%), PTI (7.71%) and Pjico (6.28%). 25 other non - life insurers and branch of the foreign non-life insurance company in Vietnam only had a small contribution to premium income as of 42.41%.

Figure 1. Insurance Premium Market Share by Non - Life Insurers FY 2017



3.1. Distribution of Premiums and Premium Growth by Line of Business

Compared to FY 2016, most of key lines of business achieved high growth rate such as Health insurance (26.67%), Fire & Explosion insurance (16.68%), Liability insurance (16.18%), Credit and Financial risks (15.07%), Business Interruption insurance (11.12%), Automobile insurance (10.13%), Property and Casualty insurance (5.66%), Cargo insurance (5.61%), Agriculture insurance (1.13%). Meanwhile, the other lines still stood at very low level such as Aviation insurance (decreased by 9.74%), Guarantee Insurance (decreased by 4.73%), Hull and P&I (decreased by 3.75%).

Figure 2. Gross Insurance Premiums in FY 2016 - FY 2017

Unit: VND billion

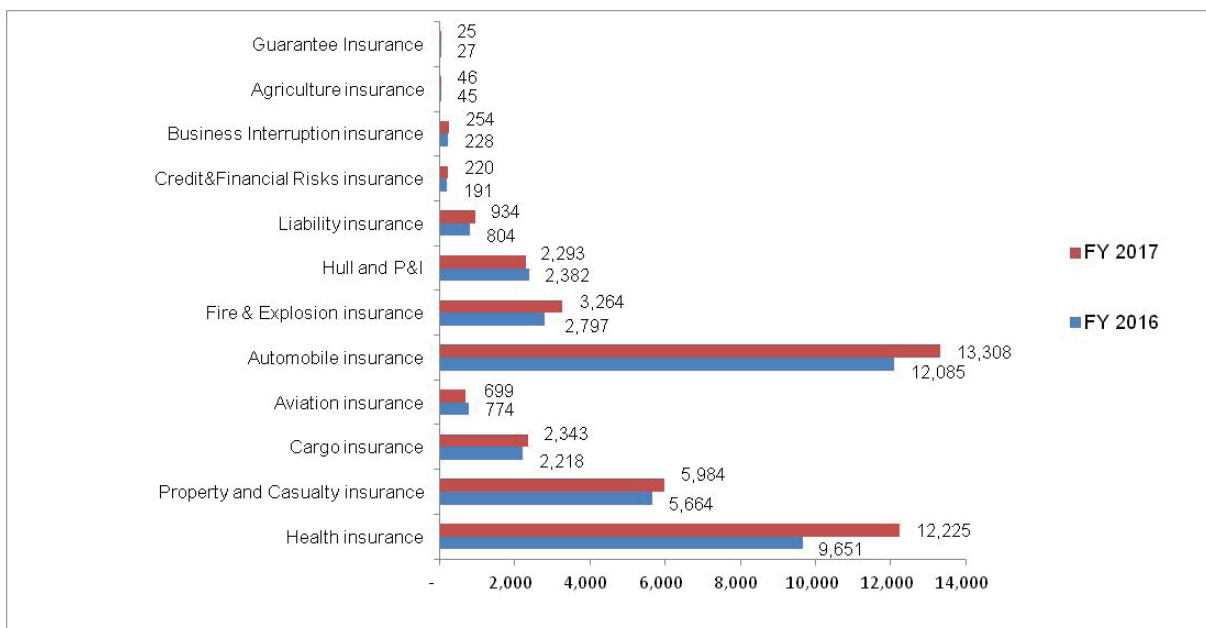
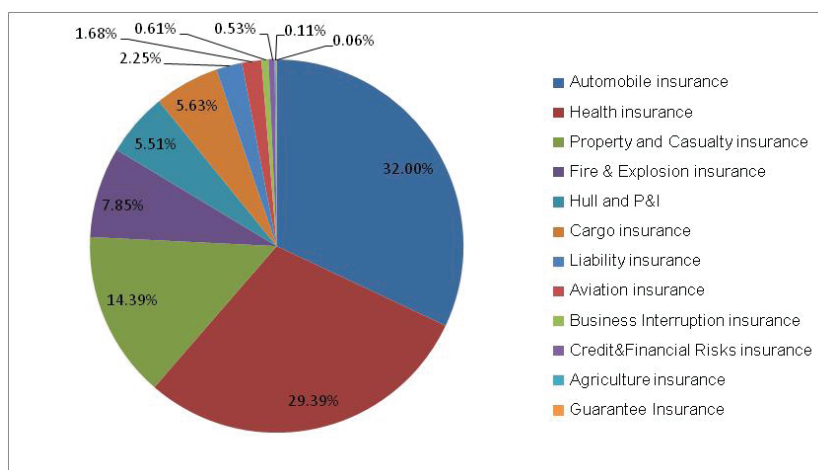


Figure 3. Distribution of Gross Insurance Premiums by Line of Business in FY 2017



In FY 2017, Automobile insurance accounted for the highest proportion of 32%, followed by Health insurance (29.39%), Property and Casualty insurance (14.39%), Fire & Explosion insurance (7.85%), Cargo insurance (5.63%), Hull and P&I (5.51%), Liability insurance (2.25%), Aviation insurance (1.68%). Meanwhile, the other lines still stood at a very low level such as Business Interruption insurance (0.61%), Credit & Financial Risks insurance (0.53%), Agriculture insurance (0.11%), Guarantee Insurance (0.06%).

3.2. Claim Payments

In FY 2017, the gross claim payments and net retained claim payments were VND 15,957 billion and VND 12,139 billion, respectively. Non-life insurance business has performed well its role in preventing and mitigating risks exposed to the insured, thus reducing the burden of the State Budget.

Table 3. Non-life Claim Payments for the period FY 2013 - FY 2017

Unit: VND billion

Claim payments	FY 2013	FY 2014	FY 2015	FY 2016	FY 2017
Gross claim payments	10,668	10,954	13,851	13,246	15,957
Net claim payments	7,256	7,877	9,057	10,463	12,139

Table 4. Claim payments by lines of business FY 2016 - FY 2017

Unit: VND billion

Classification	Claim payments on gross premium		Claim payments on net retained premium	
	FY 2016	FY 2017	FY 2016	FY 2017
Health insurance	3,141	3,597	3,168	3,622
Property and Casualty insurance	1,372	1,608	547	529
Cargo insurance	557	719	327	458
Aviation insurance	286	112	49	62
Automobile insurance	5,805	7,309	5,280	6,279

Classification	Claim payments on gross premium		Claim payments on net retained premium	
	FY 2016	FY 2017	FY 2016	FY 2017
Fire & Explosion insurance	1,126	1,162	453	429
Hull and P&I	794	1,199	530	623
Liability insurance	93	139	58	77
Credit&Financial Risks insurance	18	77	4	10
Business Interruption insurance	18	34	2	5
Agriculture insurance	8	2	17	45
Guarantee Insurance	29	0.4	29	0.1
Total	13,246	15,957	10,463	12,139

3.3. Technical Reserves

At the end of 2017, total non-life technical reserves increased by 7.76% over the previous year approximates VND 19,907 billion (VND 18,473 billion in FY 2016).

Table 5. Non-life Technical Reserves for the period FY 2013 - FY 2017

Unit: VND billion

Technical Reserves	FY 2013	FY 2014	FY 2015	FY 2016	FY 2017
Unearned premium reserves	7,794	8,963	10,758	12,637	13,320
Outstanding Claim reserves	3,389	3,220	3,583	4,329	5,072
Contingency Reserves	907	1,127	1,344	1,508	1,515
Total accumulated technical reserves	12,090	13,309	15,685	18,473	19,907

Figure 4. Accumulated technical reserves FY 2013 - FY 2017

Unit: VND billion



4. LIFE INSURANCE BUSINESS PERFORMANCE

4.1. New Business by Insurance Type

In 2017, the number of new life insurance policies written was 1,964,262, rose by 27.64% from the year of 2016. The number of individual insurance policies reached 1,963,970; the number of group insurance policies was 292 (corresponding to 140,605 insured members).

Total premiums of new insurance policies reached VND 22,552 billion, increased by 28.88% compared to 2016.

Total sum assured of these policies amounted to VND 579,687 billion, increased by 35.26% compared to 2016. The average face value per policy of new individual insurance policies was VND 286.4 million. The average face value per policy of new group insurance policies was VND 59.19 billion (corresponding to 122.9 million/member).

Table 6. New Business by Insurance Type FY 2016 - FY 2017

Classification	Number of Policies		Sum assured (VND Bil.)		Premium income (VND Bil.)	
	FY 2016	FY 2017	FY 2016	FY 2017	FY 2016	FY 2017
Whole life Insurance	3,564	4,363	337	440	20	28
Pure Endowment						
Term life	233,520	435,879	27,669	32,519	259	425
Endowment	648,924	672,530	80,745	83,359	6,293	7,835
Annuity	5,587	6,648	162	175	148	368
Investment-linked (*)	634,970	831,199	302,163	443,931	8,880	11,288
Pension	5,571	8,294	564	836	98	120
Health care	6,415	5,057	230	1,144	5	4
Group	345	292	16,689	17,282	160	131
Riders	3,092,739	3,855,399	239,147	358,894	1,635	2,353
Total (**)	1,538,896	1,964,262	428,558	579,687	17,498	22,552

(*) Investment-linked includes Unit linked and Universal linked

(**) Total number of Policies and Total of sum assured do not include riders

In regard to market share of new life insurance policies written in 2017 (including riders), Bao Viet life's market share, accounted for 20.60%, followed Prudential (18.34%); Dai-ichi (16.11%); Manulife (13.75%); AIA (10.5%); Generali (4.80%); Chubb life (4.45%); the other 11 insurers had modest market share which was 11.44%.

Figure 5. Market Share of New Business Premium Income in FY 2017

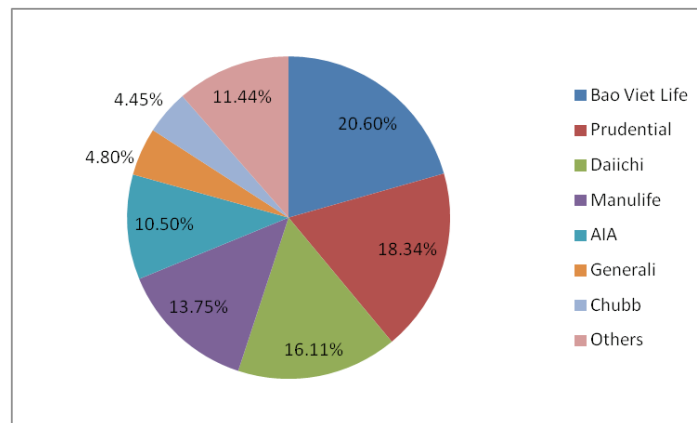
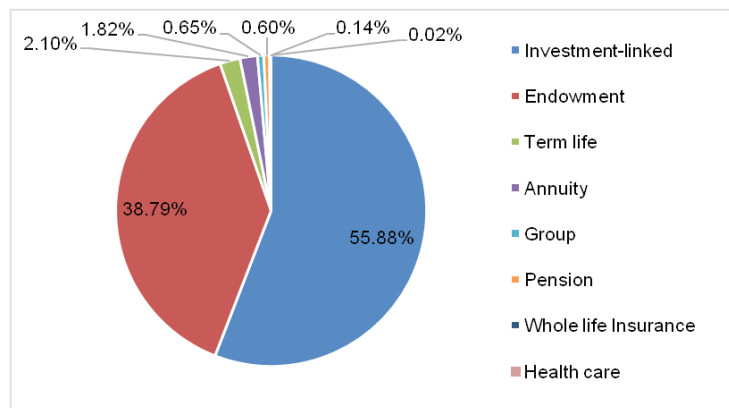


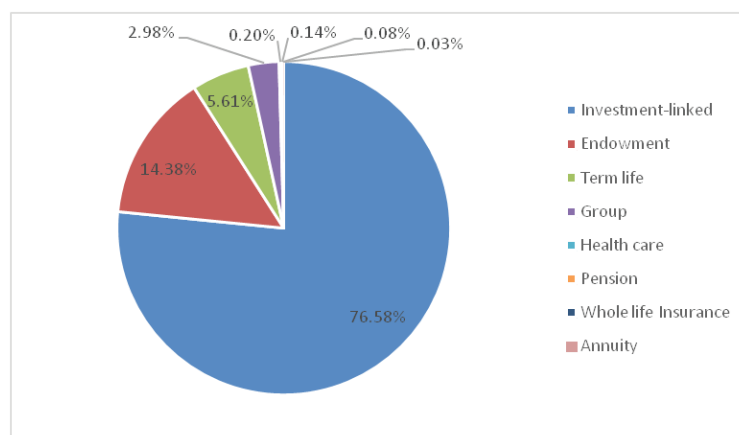
Figure 6. Premium Income and Sum Assured of New Business by Insurance Type in FY 2017

6A. Premium Income of New Business by Insurance Type in FY 2017



The premium of investment-linked products policies took up the highest premium proportion which was 55.88% of the total market premiums in term of new business, followed by Endowment products' premium which was 38.79% of the total market premium. The third one was term life's premium occupied 2.10% of the total market premium. The other life insurance products' premium was only 3.23% of the total market premium.

6B. Sum Assured of New Business by Insurance Type in FY 2017



Sum assured of investment-linked products had a the highest proportion which was 76.58% of the total market sum assured in term of new business, followed by endowment

products' sum assured which was 14.38% of the total market sum assured. The third one was term life insurance sum assured occupied 5.61% of the total market sum assured. The other life insurance business products' sum assured was 3.43% of the total market sum assured.

4.2. Business In-force

In 2017, the life insurance industry held a total of 7,380,129 in-force policies, increased by 15.4% over the previous year. The number of individual insurance policies was 7,379,799; the number of group insurance policies was 330 (corresponding to 273,410 members).

Table 7. Business In-force by Insurance Type in FY 2016 - FY 2017

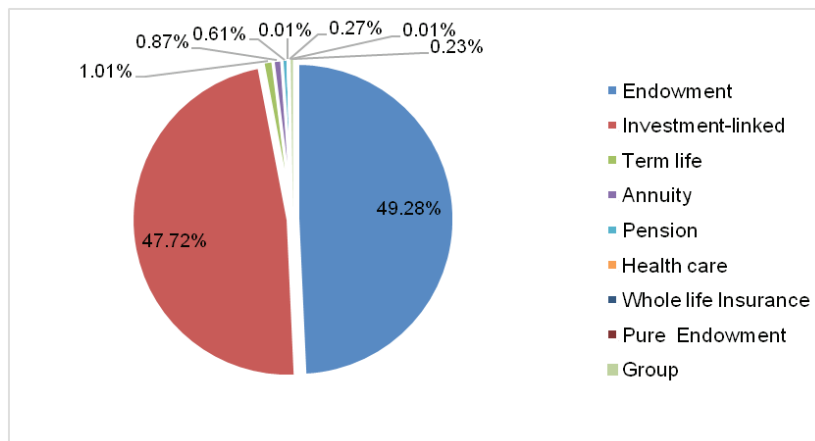
Classification	Number of Policies		Sum assured (VND Bil.)		Premium income (VND Bil.)	
	FY 2016	FY 2017	FY 2016	FY 2017	FY 2016	FY 2017
Whole life Insurance	55,122	55,644	4,849	4,975	151	165
Pure Endowment	950	852	49	43	6	5
Term life	405,177	463,112	32,372	35,399	396	608
Endowment	3,724,661	3,966,916	290,136	338,230	24,755	29,772
Annuity	16,452	19,938	328	415	226	523
Investment-linked (*)	2,165,871	2,833,677	817,476	1,183,797	20,475	28,829
Pension	23,358	31,467	2,415	3,199	317	368
Health care	3,278	8,193	432	1,909	2	7
Group	393	330	29,648	29,851	162	140
Riders	11,205,669	13,921,172	597,947	878,018	4,007	5,810
Total (**)	6,395,262	7,380,129	1,177,705	1,597,818	50,497	66,226

(*) Investment-linked includes Unit linked and Universal linked

(**) Total number of Policies and Total of sum assured do not include riders

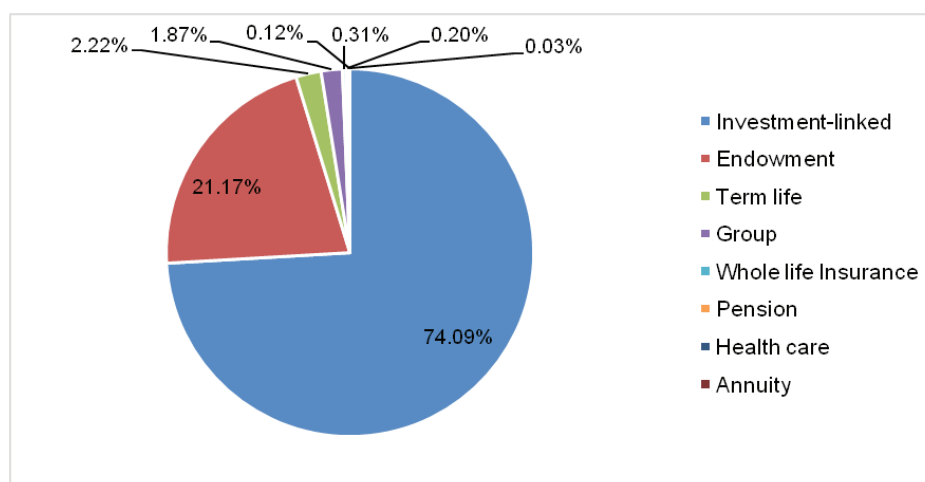
Figure 7. Business In-force by Insurance Type in FY 2017

7A. Premium Income of Business In-force by Insurance Type in FY 2017



Total in-force business premium achieved VND 66,226 billion, increased by 31.15% compared to 2016. Out of total value of business in-force for 2017, endowment insurance took up the highest proportion (49.28%), followed by investment-linked products (47.72%), the third one was term life products' premium occupied 1.01% of the total market premium. The other life insurance products' premium was 1.99% of the total market premium.

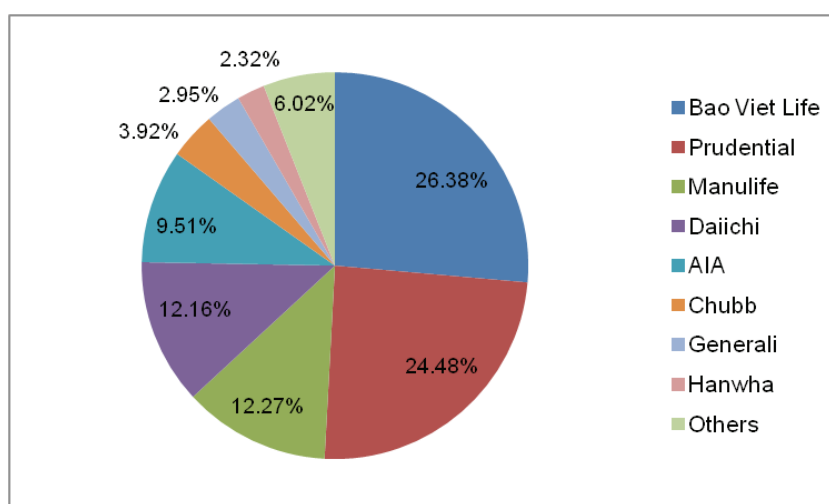
7B. Sum Assured of Business In-force by Insurance Type in FY 2017



Note: Sum assured of business in-force policies in figure 7B does not include riders

The sum assured of investment-linked products took up the highest proportion which was 74.09% of the total market sum assured in term of in-force business, followed by Endowment products' sum assured which was 21.17% of the total market sum assured. The third one was term life products' sum assured which was 2.22% of the total market sum assured. The other life insurance products' sum assured was 2.52% of the total market sum assured.

Figure 8. Market Share of Business In-force in FY 2017



In FY 2017, the ranking of premium income market share of in-force business as follows: Bao Viet life (26.38%), Prudential (24.48%), Manulife (12.27%), Dai-ichi (12.16%), AIA (9.51%), Chubb life (3.92%), Generali (2.95%), Hanwha life (2.32%), the others' market share was 6.02%.

4.3. Insurance payouts

In FY 2017, life insurers paid out sums assured of VND 15,947 billion (benefits paid of VND 5,961 billion, cash surrender value of VND 3,412 billion and maturity benefit payment of VND 6,574 billion). The payouts mostly related to endowment and investment-linked policies.

Table 8. Insurance Payouts FY 2016 - FY 2017

Unit: VND billion

Classification	Benefits paid		Cash Surrender value		Maturity benefit Payment		Total	
	FY 2016	FY 2017	FY 2016	FY 2017	FY 2016	FY 2017	FY 2016	FY 2017
Whole life Insurance	23	21	45	52	-	-	68	74
Pure Endowment	4	4	1	0.4	3	5	8	9
Term life	39	65	15	17	112	175	166	257
Endowment	2,099	2,609	1,657	1,865	5,453	6,359	9,210	10,833
Annuity	1	2	71	239	-	-	72	241
Investment-linked (*)	1,611	2,364	745	1,234	1	18	2,357	3,616
Pension	6	10	1	3	7	8	14	22
Health care	75	94	-	-	-	-	75	94
Group	3	7	-	-	4	9	7	16
Riders	385	785	0.02	0.002	-	-	385	785
Total	4,247	5,961	2,536	3,412	5,580	6,574	12,363	15,947

(*) Investment-linked includes Unit linked and Universal linked

4.4. Technical Reserves

Thanks to the steady growth of premium income and business expansion, technical reserves have risen corresponding to their liabilities committed to policyholders and meeting statutory solvency requirements. At the end of FY 2017, total technical reserves were accumulated to VND 169,341 billion, increased by 32.24% compared to FY 2016.

Table 9. Technical Reserves FY 2016 - FY 2017

Unit: VND billion

Technical Reserves	Extracted technical reserve in the year		Growth rate	Total accumulated technical reserve		Growth rate
	FY 2016	FY 2017		FY 2016	FY 2017	
Mathematical Reserves	23,282	39,396	69%	112,402	151,798	35%
Unearned Premium Reserves	252	212	-16%	1,010	1,222	21%
Dividend Reserves	98	692	603%	13,513	14,205	5%
Claim Reserves	167	242	45%	868	1,109	28%
Contingency Reserves	38	26	-33%	255	281	10%
Guarantee Interest Rate Reserves	1	723	60.02%	4	727	21,933%
Total	23,839	41,290	73%	128,051	169,341	32%

5. REINSURANCE BUSINESS PERFORMANCE

In FY 2017, total net retained premiums were 95,347 billion (increased by 23.70% compared to FY 2016), in which, net retained non-life premiums were 30,079 billion (account for 72.31% non-life premium), net retained life premiums were 65,268 billion (account for 98.55% life premium). Reinsurance was mainly with non-life business with the proportion of 92.32% total premiums reinsured of the industry.

Table 10. Reinsurance Performance Business for the period FY 2013 - FY 2017

Unit: VND billion

	FY 2013	FY 2014	FY 2015	FY 2016	FY 2017
Written premium income	47,851	55,877	70,162	87,364	107,821
Non-life business	24,521	27,522	31,891	36,866	41,594
Life business	23,330	28,355	38,271	50,497	66,226
Reinsurance premiums	7,878	8,422	9,066	10,282	12,473
Non-life business	7,695	8,169	8,700	9,758	11,516
Life business	183	253	366	524	958
Net retained premiums	39,973	47,455	61,096	77,081	95,347
Non-life business	16,826	19,353	23,191	27,108	30,079
Life business	23,147	28,102	37,905	49,973	65,268

Figure 9. Net Retained Premiums by Line of Business in FY 2016 - FY 2017

Unit: VND billion

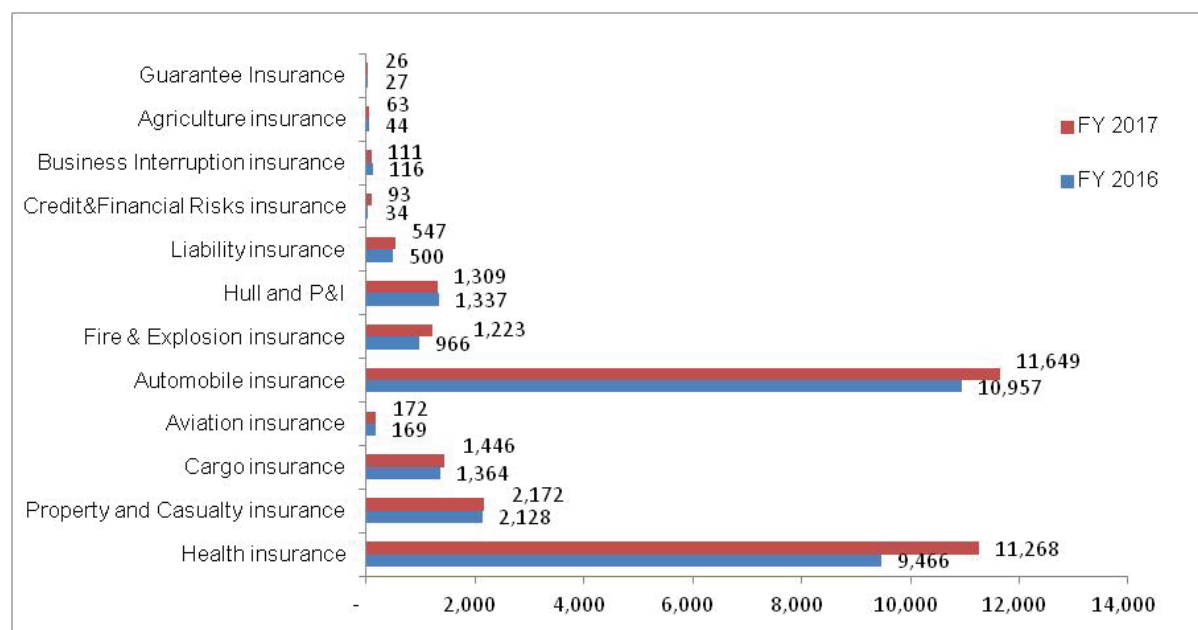
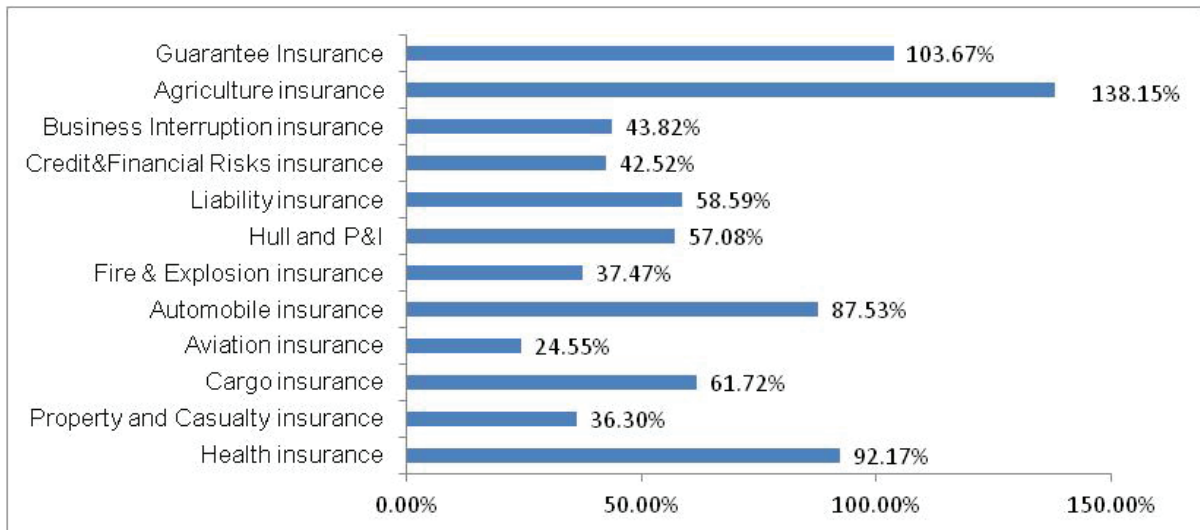


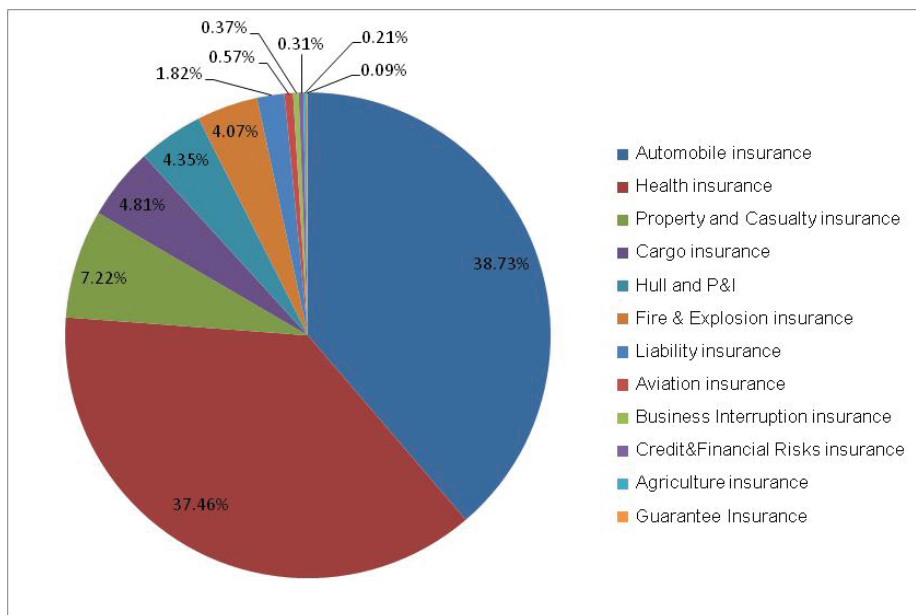
Figure 10. Retention Rate by Line of Business in FY 2017



For large risks in the lines of Aviation insurance, Business Interruption insurance, Credit and Financial risks insurance, Property and Casualty insurance, Fire & Explosion insurance, non-life insurers used reinsurance as an effective tool of risk transfer.

For other lines of business with small exposures such as Guarantee Insurance, Agriculture insurance, Health insurance, almost written premiums were not ceded outward. In which, the highest retention rate was Agriculture insurance (138.15%), followed by Guarantee Insurance (103.67%) and Health insurance (92.17%).

Figure 11. Distribution of Net Retained Premiums by Line of Business in FY 2017



In the distribution of net retention premiums by lines, the highest proportion rate was Automobile insurance, accounted for 38.73%, followed by Health insurance 37.46%, Property, and Casualty insurance 7.22%... The other lines which had low market shares were Guarantee Insurance 0.09%, Agriculture insurance 0.21%, Credit & Financial risks insurance 0.31%, Business Interruption insurance 0.37%, and Aviation insurance 0.57%.

6. INVESTMENTS

A mid-term and long - term investment fund for the economy have been established by the industry. The total amount invested for the industry was VND 247,815 billion by the end of FY 2017, increased by 25.06% compared to FY 2016. Investment activities of insurers have been improved under the criteria of effectiveness, efficiency, safety, and liquidity such as setting up joint ventures, joint stock companies, providing loans, project financing, purchasing government bonds, corporate shares, or making deposits, etc. The investment portfolio of the insurance industry in FY 2017 was as follows: Government bonds, Government-guaranteed bonds and local government bonds 54.14%, Deposits 31.07%, Corporate share, Fund certificate and Unsecured bonds 6.5%, Capital contributions 1.28%, Real Estate 0.25%, Loans 2.84%, Investment Trust 2.06%, Others 0.31%.

Table 11. Investment Portfolio of the Industry in FY 2017

Unit: VND billion

Classification	Life	Non-life	Total	Portfolio
Deposits	50,910	26,097	77,007	31.07%
Government Bonds, Government-guaranteed bonds, and local government bonds	132,867	1,288	134,155	54.14%
Secured Corporate bonds	3,393	455	3,848	1.55%
Corporate share, Fund certificate, Unsecured bonds	13,222	2,877	16,099	6.50%
Capital contributions	446	2,730	3,176	1.28%
Real Estate	-	623	623	0.25%
Loans	7,022	9	7,031	2.84%
Investment Trust	6	5,111	5,117	2.06%
Others	337	422	760	0.31%
Total	208,202	39,612	247,815	100%

Figure 12. Investment Portfolio of the Insurance Industry in FY 2017

Unit: VND billion

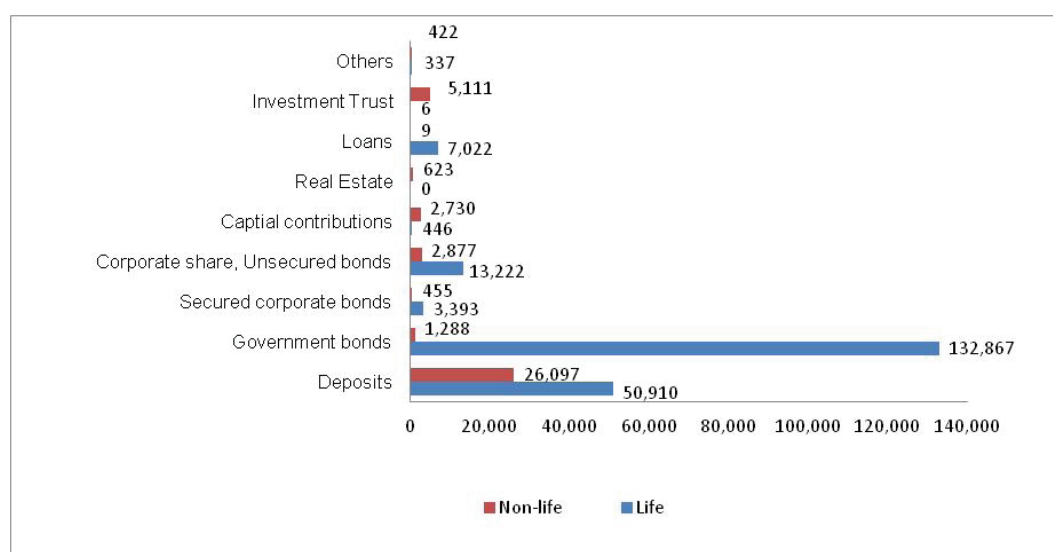
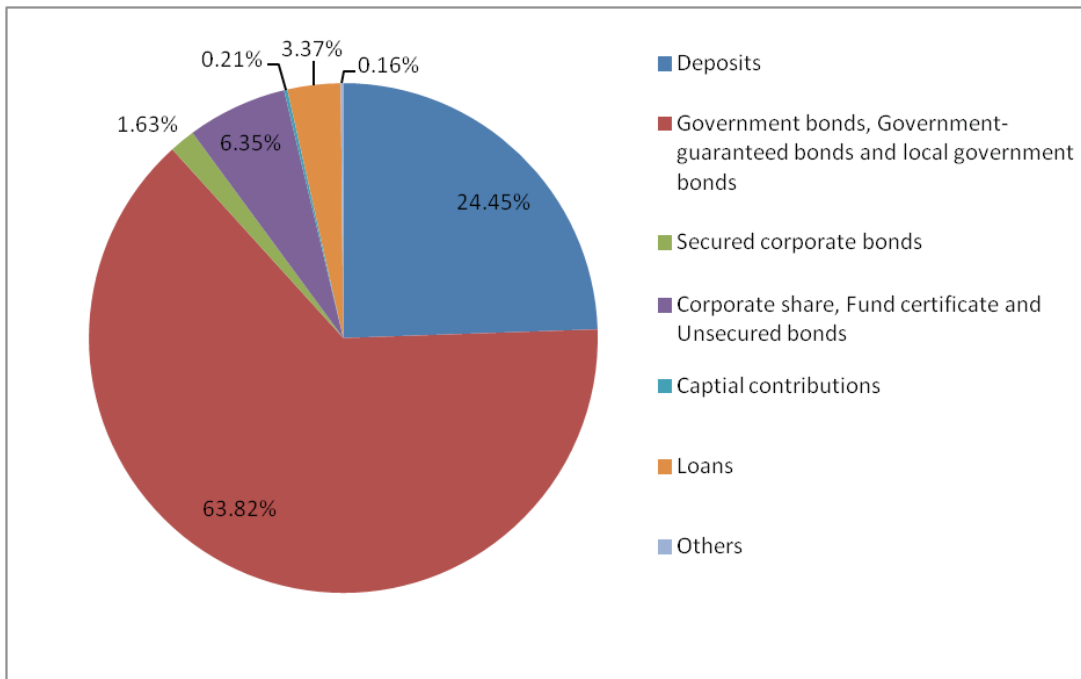
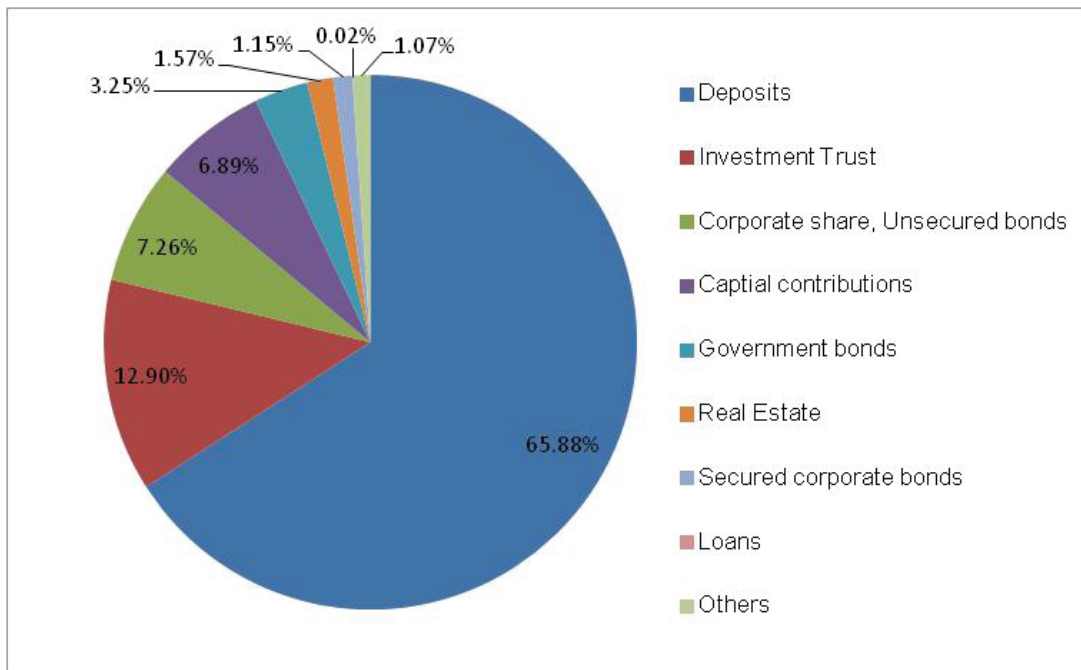


Figure 13. Investment Portfolio of Insurance Companies in FY 2017

13A. Investment portfolio of Life Insurance Companies



13B. Investment Portfolio of Non-life Insurance Companies



7. INSURANCE INTERMEDIARIES PERFORMANCE

7.1. Insurance Brokerage

In FY 2017, total premiums (including written premium and reinsurance premium) arranged through the brokerage channel were VND 9,644 billion (increased by 32.9% compare to FY 2016), of which total written premium arranged by insurance brokers was VND 4,498

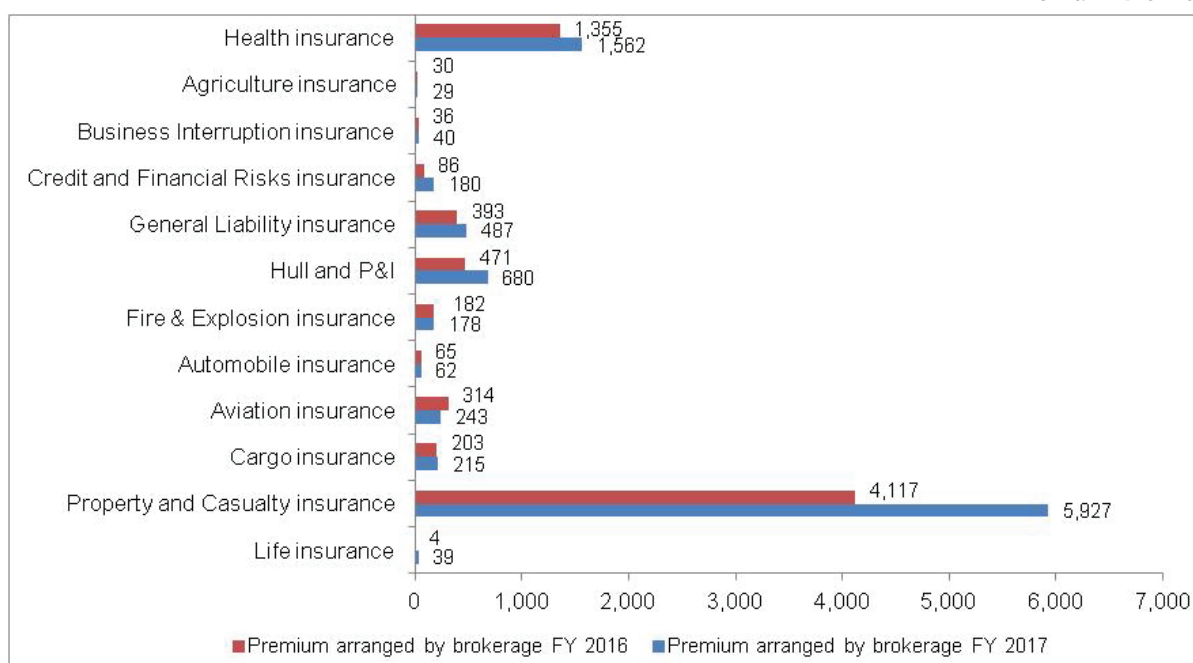
billion accounted 46.63% (increased by 4.12%) and total insurance ceded outward arranged by insurance brokers was VND 5,146 billion, accounted 53.37% (increased by 75.3%). The total premiums (including written premium and reinsurance premium) accounted 23.09% of total gross written premiums of the non-life sector. The written premium arranged by brokerage accounted 10.73% of total gross written premiums of the non-life sector.

Insurance brokerage activities have done with all lines of business and mainly focus on the Non-life insurance sector (83.4%), followed by the Health insurance sector (16.2%), however, the life insurance sector is small (0.41%). The premiums largely came from Property and Casualty insurance (61.5%) and Health care products (15.2%). Compared to FY 2016, most of the key lines of business achieved high growth rate such as Whole life insurance (1,121%), Term life (525.2%), Credit and Financial Risks insurance (108.5%), Hull and P&I (44.5%).

However, in terms of absolute value, lines of business achieved a high growth rate in brokerage premiums was Hull and P&I (increased by VND 209 billion), General Liability (increased by VND 93.5 billion), Credit & Financial Risks insurance (increased by VND 93.5 billion). Some business lines that have a brokerage premiums reduction compared to 2016 were Aviation insurance (decreased by VND 70 billion), Automobile insurance (decreased by VND 2.4 billion), Fire & Explosion insurance (decreased by VND 3.6 billion).

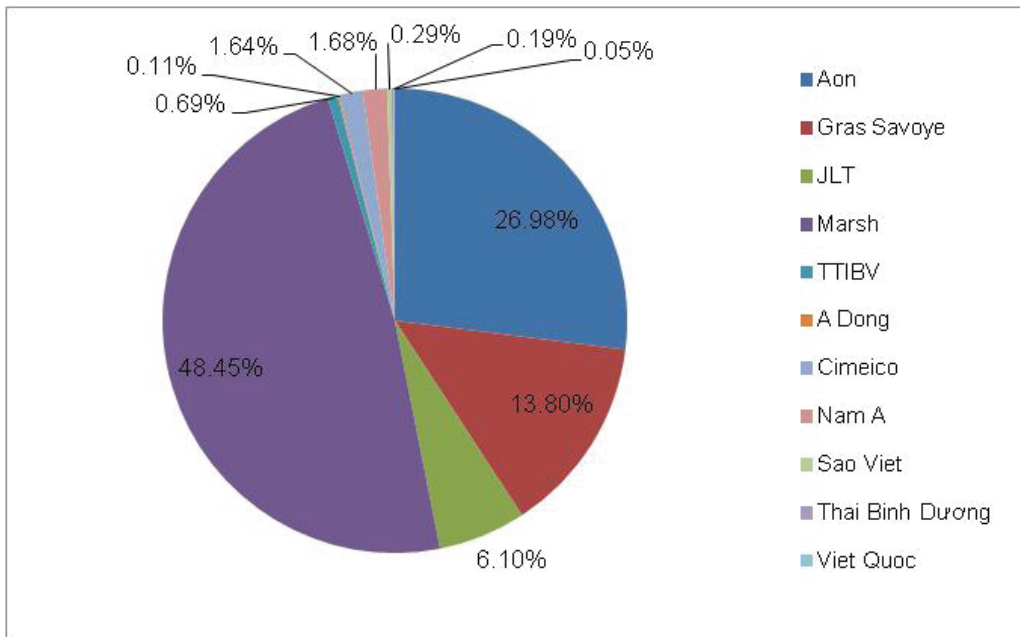
Figure 14. Insurance premiums arranged by insurance brokers in FY 2016-FY 2017

Unit: VND billion



The market was still highly concentrated on the 4 foreign invested companies which account for 95.34% total premiums arranged by brokerages. They were Marsh, Aon, Gras Savoye Willis and Jardine Lloyd Thompson, and 7 other brokers only had a small contribution to premium as of 4.66%.

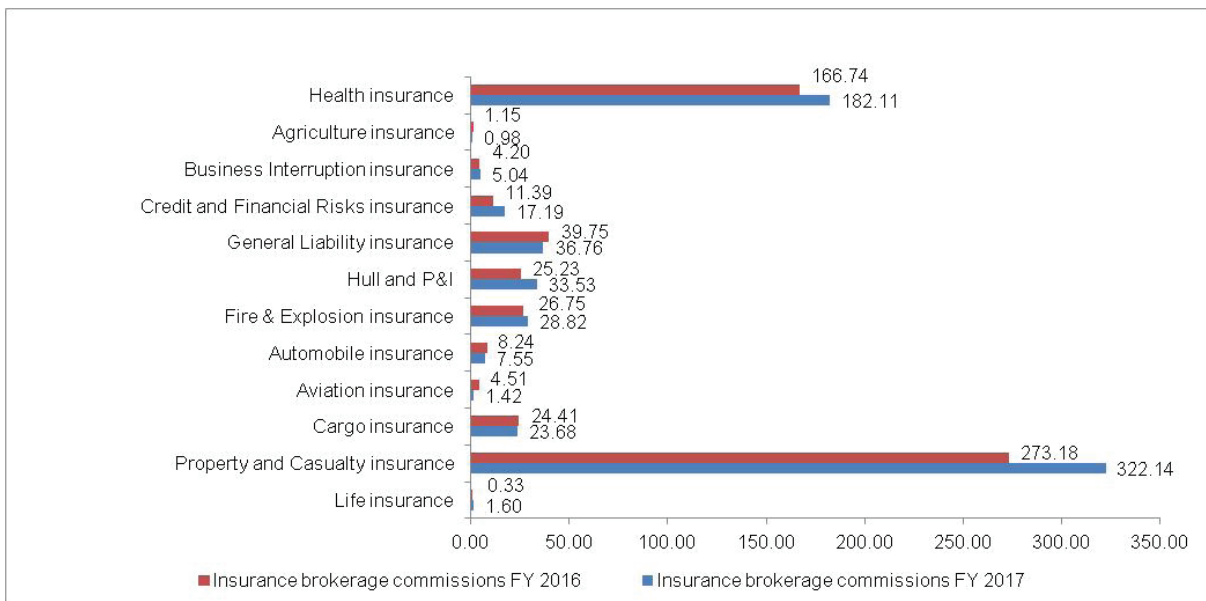
Figure 15. Insurance premium market share by broker companies in FY 2017



In FY 2017, total insurance brokerage commissions were VND 660.8 billion, increased by 12.8% compared to FY 2016, of which written insurance brokerage commissions achieved VND 490 billion (increased by 0.01% compared to FY 2016), reinsurance commissions achieved VND 83.3 billion (decreased by 18% compared to FY 2016), insurance brokerage fees (other than commission) achieved VND 87.5 billion. The percentage of insurance brokerage commission compared with total premium was 6.9%, in which percentage of written insurance brokerage commissions was 10.9% and percentage of reinsurance commissions was 1.6%.

Figure 16. Insurance Brokerage commissions by line of business in FY 2016 - FY 2017

Unit: VND billion



7.2. Insurance Agents

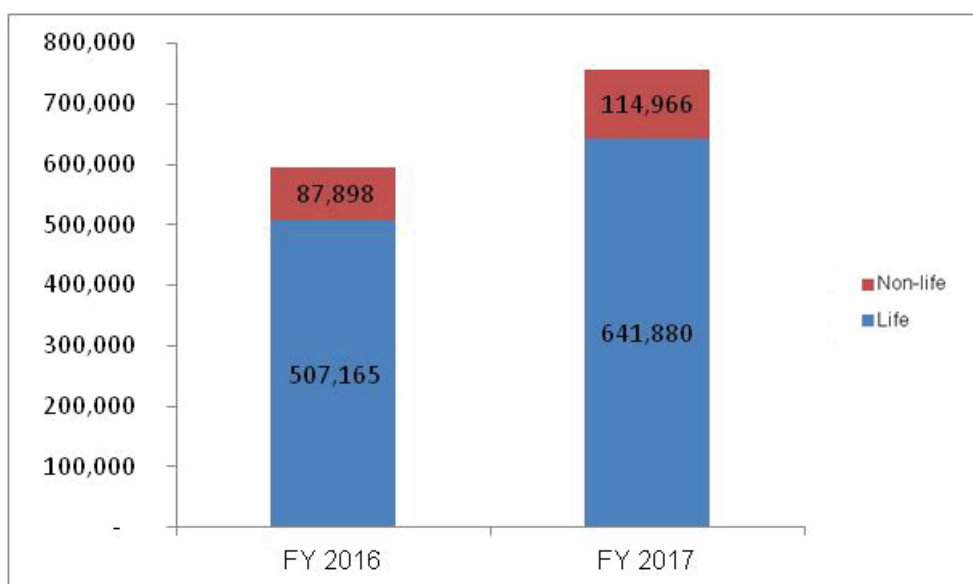
In FY 2017, the number of insurance agents reached 756,846, increased by 27.19% compared to the previous year, in which, Life insurance agents were 641,880, increased by 26.56% and non - life insurance agents were 114,966, increased by 30.79% compared to FY 2016.

Table 12. Numbers of Active Insurance Agents as of 31st Dec 2017

Insurers	Individual Agents	Agency Organization		Total number of individual agents (including individual agents belong to Agency Organization)	Proportion	Growth rate
		Number of Agency Organization	Individual agents belong to Agency Organization			
Life	321,774	768	320,106	641,880	84.81%	26.56%
Non- life	75,978	1,755	38,988	114,966	15.19%	30.79%
Total	397,752	2,523	359,094	756,846	100%	27.19%

Figure 17. Insurance agents FY 2016 - FY 2017

Unit: An agent



APPENDIX 1. LIST OF INSURERS AND INSURANCE BROKERS 2017

No.	Insurance company	Year of Establishment	Charter Capital (VND bil.)
NON - LIFE INSURANCE COMPANY: 30			
1	Bao Viet Insurance Corporation (Bao Viet)	1964	2,300
2	Bao Minh Insurance Corporation (Bao Minh)	1994	914
3	PJICO Insurance Corporation (Pjico)	1995	887
4	Bao Long Insurance Corporation (Bao Long)	1995	600
5	PVI Insurance Corporation (PVI)	1996	2,600
6	Bao Viet Tokio Marine Insurance Company Limited (BVTM)	1996	300
7	United Insurance Company of Vietnam (UIC)	1997	300
8	Post - Telecommunication Join - Stock Insurance Corporation (PTI)	1998	804
9	Groupama Vietnam General Insurance Company Limited (Groupama)	2001	389
10	Vietinbank Insurance Joint Stock Corporation (VBI)	2002	500
11	Samsung Vina Insurance Company Limited (Samsung Vina)	2002	500
12	Vien Dong Joint Stock Assurance Company Ltd (VASS)	2003	500
13	BIDV Insurance Corporation (BIC)	2005	1,173
14	AAA Assurance Corporation (AAA)	2005	813
15	AIG Vietnam Insurance Company Limited (AIG)	2005	1,126
16	QBE Insurance (Vietnam) Co.,Ltd (QBE)	2005	300
17	Agriculture Bank Insurance Joint-Stock Corporation (ABIC)	2006	380
18	Global Insurance Corporation (GIC)	2006	400
19	Phu Hung Joint Stock Insurance Company (PAC)	2006	404
20	Liberty Insurance Limited (Liberty)	2006	1,204
21	Chubb Insurance Company Limited (Chubb)	2006	337
22	Military Insurance Corporation (MIC)	2007	800
23	Vietnam National Aviation Insurance Corporation (VNI)	2008	800
24	Sai Gon - Ha Noi Insurance Corporation (BSH)	2008	1,000
25	Hung Vuong Assurance Corporation (BHV)	2008	300
26	MSIG Insurance (Vietnam) Company Limited (MSIG)	2008	300
27	Fubon Insurance Vietnam Co., Ltd (Fubon)	2008	500
28	XuanThanh Insurance Joint Stock Corporation (Xuan Thanh)	2009	680
29	Cathay Insurance (Vietnam) Co., Ltd (Cathay)	2010	534
30	Seoul Guarantee Insurance Company - Ha Noi Branch Office (SGI)	2014	600
LIFE INSURANCE COMPANY: 18			
31	Bao Viet Life Corporation. (BVL)	2004	2,500
32	Prudential Vietnam Assurance Private Limited (Prudential)	1999	1,136
33	Manulife (Viet nam) Limited (Manulife)	1999	5,720

No.	Insurance company	Year of Establishment	Charter Capital (VND bil.)
34	AIA (Vietnam) Life Insurance Company Limited (AIA)	2000	3,224
35	Chubb Life Insurance Vietnam Company Limited (Chubb Life Vietnam)	2005	1,245
36	Prévoir Vietnam Life Insurance Co., Ltd. (Prévoir Vietnam)	2005	1,079
37	Dai-ichi Life Insurance Company of Viet Nam, Ltd. (Dai-ichi Life Vietnam)	2007	5,408
38	Cathay Life Insurance Vietnam Co., Ltd (Cathay life)	2007	3,344
39	FWD Vietnam Life Insurance Company Limited (FWD Vietnam)	2007	2,015
40	Hanwha Life Insurance Company Limited (Vietnam) (Hanwha Life Vietnam)	2008	1,891
41	Vietcombank - Cardif Life Insurance Co., Ltd. (VCLI)	2008	600
42	Fubon life Insurance (Vietnam) Co., Ltd (Fubon Life)	2010	1,400
43	Generali Vietnam Life Insurance Limited Liability Company (Generali Life)	2011	3,523
44	Aviva Vietnam Life Insurance Company Ltd, (Aviva)	2011	2,557
45	Sun Life Vietnam Insurance Company Limited. (Sun Life)	2013	1,520
46	Phu Hung Life Insurance Joint Stock Company (PHL)	2013	888
47	BIDV MetLife Life Insurance Liability Limited Company (BIDV MetLife)	2014	1,000
48	MB Ageas Life Insurance Company Limited (MB Ageas Life)	2016	1,100
PROFESIONAL REINSURER: 2			
49	VietNam National Reinsurance Corporation (VINARE)	1994	1,311
50	PVI Reinsurance Joint Stock Corporation (PVI Re)	2011	668
INSURANCE BROKERS: 13			
51	Aon Vietnam Limited	1993	8
52	Viet Quoc Insurance Broker Joint Stock Company	2001	8
53	A Dong Joint Stock Insurance Broker	2003	11
54	Dai Viet Insurance Broker Joint Stock Company (*)	2003	6
55	Gras Savoye Willis Vietnam Co., Ltd.	2003	8
56	Marsh Vietnam Insurance Broking Company LTD	2004	9
57	Pacific Insurance Broker Joint Stock Company	2005	31
58	Cimeco Insurance Broker Joint Stock Company	2006	30
59	Sao Viet Broking Joint - Stock Company	2008	4
60	Jardine Lloyd Thompson Limited	2008	45
61	Nam A Joint stock Insurance Broker Company	2010	10
62	Toyota-Tsusho Insurance Broker (Vietnam) Corporation	2011	12
63	Sabrina Insurance Broker	2016	8
64	Ginet Insurance Broker	2017	4

(*) The company corp has closed, it has been completing dissolution process

APPENDIX 2. REPRESENTATIVE OFFICES OF FOREIGN INSURANCE COMPANIES AND INSURANCE BROKER COMPANIES 2017

No.	Reperesentative Office	Country	Year of Establishment	Location
I NON LIFE INSURANCE R.O.: 10				
1	KB Insurance Co, Ltd (*)	South Korea	1995	Hanoi
2	KB Insurance Co, Ltd (*)	South Korea	2001	Ho Chi Minh city
3	Hyundai Marine & Fire Insurance Co.,Ltd	South Korea	1996	Ho Chi Minh city
4	Hyundai Marine & Fire Insurance Co.,Ltd	South Korea	2016	Hanoi
5	Korea Trade Insurance Corporation	South Korea	2004	Ho Chi Minh city
6	Sompo Japan Nipponkoa Insurance Inc (**)	Japan	2005	Hanoi
7	Sompo Japan Nipponkoa Insurance Inc (**)	Japan	2006	Ho Chi Minh city
8	Allianz SE	Germany	2006	Hanoi
9	Chevalier Insurance Co., Ltd	Hong Kong	2006	Ho Chi Minh city
10	AmTrust Europe Limited	UK	2012	Ho Chi Minh city
II LIFE INSURANCE R.O.: 7				
11	Nan Shan Life Insurance Co., Ltd	Chinese Taiwan	2005	Hanoi
12	Shin Kong Life Insurance Co., Ltd	Chinese Taiwan	2006	Hanoi
13	Taiwan Life Insurance Co.,Ltd	Chinese Taiwan	2006	Hanoi
14	AXA SA	France	2007	Hanoi
15	Samsung Life Insurance Co., Ltd	South Korea	2008	Hanoi
16	Shinhan Life Insurance Co., Ltd.	South Korea	2015	Hanoi
17	Sumitomo Life Insurance Company	Japan	2011	Hanoi
III REINSURANCE R.O.: 1				
18	Asia capital reinsurance group pte. Ltd	Singapore	2012	Ho Chi Minh city
IV INSURANCE BROKER R.O.: 3				
19	Malakut Insurance Brokers CJSC	Russia	2006	Hanoi
20	Alexander Leed Risk Services	Chinese Taiwan	2008	Ho Chi Minh city
21	Globaleye Insurance brokerage	Dubai	2014	Ho Chi Minh city

(*) Before known as LIG insurance Co., Ltd.

(**) Before known as Nipponkoa Insurance Co., Ltd and Sompo Japan Insurance Inc.

APPENDIX 3. GROSS WRITTEN PREMIUM, MARKET SHARE AND CLAIM PAYMENTS/INSURANCE PAYOUTS 2016 - 2017

Unit: VND million

No.	Insurance company	Gross written Premium		Market share		Claim payments/Insurance Payouts	
		2016	2017	2016	2017	2016	2017
NON - LIFE INSURANCE COMPANY							
1	Bao Viet	6,564,657	8,050,895	17.81%	19.36%	2,989,348	3,690,699
2	Bao Minh	3,101,992	3,395,911	8.41%	8.16%	1,343,882	1,424,227
3	Pjico	2,484,460	2,611,656	6.74%	6.28%	1,034,777	1,340,731
4	Bao Long	764,642	892,991	2.07%	2.15%	240,578	331,921
5	PVI	6,527,512	6,689,425	17.71%	16.08%	2,565,574	2,679,624
6	BVTM	416,262	452,367	1.13%	1.09%	113,391	239,758
7	UIC	675,172	814,725	1.83%	1.96%	181,561	539,498
8	PTI	3,096,475	3,206,372	8.40%	7.71%	1,215,269	1,622,309
9	Groupama	112,770	25,505	0.31%	0.06%	32,787	12,454
10	VBI	691,936	889,912	1.88%	2.14%	162,361	299,893
11	Samsung Vina	1,010,607	1,083,330	2.74%	2.60%	287,027	248,937
12	VASS	1,978,725	2,573,375	5.37%	6.19%	70,181	101,803
13	BIC	1,668,508	1,842,742	4.53%	4.43%	650,765	723,267
14	AAA	280,208	242,752	0.76%	0.58%	84,944	65,505
15	AIG	509,986	406,127	1.38%	0.98%	164,052	110,323
16	QBE	148,061	198,238	0.40%	0.48%	18,449	17,871
17	ABIC	1,086,529	1,235,111	2.95%	2.97%	242,544	333,521
18	GIC	698,143	1,151,018	1.89%	2.77%	222,427	254,564
19	PAC	98,153	115,769	0.27%	0.28%	61,068	94,973
20	Liberty	544,652	565,870	1.48%	1.36%	251,722	272,320
21	Chubb	151,934	154,192	0.41%	0.37%	14,547	9,294
22	MIC	1,738,475	1,920,810	4.72%	4.62%	398,438	566,901
23	VNI	462,314	637,713	1.25%	1.53%	93,046	175,757
24	BSH	460,403	603,347	1.25%	1.45%	161,739	228,237
25	BHV	213,253	278,708	0.58%	0.67%	49,891	88,634

No.	Insurance company	Gross written Premium		Market share		Claim payments/Insurance Payouts	
		2016	2017	2016	2017	2016	2017
26	MSIG	624,143	679,126	1.69%	1.63%	171,748	241,115
27	Fubon	280,150	381,111	0.76%	0.92%	210,051	86,025
28	Xuan Thanh	272,064	266,525	0.74%	0.64%	87,279	96,815
29	Cathay	177,542	203,618	0.48%	0.49%	97,578	59,374
30	SGI	26,522	25,243	0.07%	0.06%	29,280	436
Sub total		36,866,250	41,594,485	100%	100%	13,246,303	15,956,786
LIFE INSURANCE COMPANY							
31	Bao Viet Life	13,456,429	17,470,700	26.65%	26.38%	3,743,871	4,771,937
32	Prudential	13,531,703	16,212,529	26.80%	24.48%	5,384,485	6,260,918
33	Manulife	6,122,891	8,126,321	12.13%	12.27%	1,207,293	1,695,127
34	AIA	4,706,025	6,294,992	9.32%	9.51%	728,564	1,084,715
35	Chubb	2,075,270	2,594,190	4.11%	3.92%	202,788	313,498
36	Prevoir	475,003	468,427	0.94%	0.71%	162,404	207,121
37	Daiichi	5,301,854	8,052,575	10.50%	12.16%	585,026	835,068
38	Cathay	307,348	458,777	0.61%	0.69%	22,138	39,796
39	FWD	45,737	287,667	0.09%	0.43%	4,029	4,185
40	Hanwha	1,067,287	1,533,894	2.11%	2.32%	69,275	138,714
41	VCLI	156,756	276,162	0.31%	0.42%	8,081	12,710
42	Fubon	36,162	59,470	0.07%	0.09%	1,736	3,345
43	Generali	1,330,926	1,954,901	2.64%	2.95%	171,738	304,214
44	Aviva	709,974	969,798	1.41%	1.46%	6,678	17,938
45	Sun Life	843,038	567,052	1.67%	0.86%	60,597	229,888
46	Phu Hung Life	72,874	131,219	0.14%	0.20%	961	5,706
47	BIDV MetLife	258,175	518,948	0.51%	0.78%	3,256	22,058
48	MB Ageas	-	248,610	0.00%	0.38%	-	30
Sub Total		50,497,452	66,226,231	100%	100%	12,362,921	15,946,967
Grand Total		87,363,702	107,820,715			25,609,224	31,903,753

APPENDIX 4. FINANCIAL INDICATORS OF INSURANCE COMPANIES 2016 - 2017

Unit: VND million

No.	Insurance company	FY2016			FY2017		
		Gross Written Premium	Owner's Equity	Total Asset	Gross Written Premium	Owner's Equity	Total Asset
NON - LIFE INSURANCE COMPANY							
1	Bao Viet	6,564,657	2,445,308	10,331,225	8,050,895	2,730,789	12,651,308
2	Bao Minh	3,101,992	2,171,162	5,125,559	3,395,911	2,127,742	5,439,995
3	Pjico	2,484,460	914,262	4,293,072	2,611,656	1,467,890	5,019,472
4	Bao Long	764,642	544,651	1,429,641	892,991	645,878	1,662,028
5	PVI	6,527,512	2,715,551	11,096,396	6,689,425	2,733,607	13,106,722
6	BVTM	416,262	457,100	1,345,994	452,367	462,783	1,373,701
7	UIC	675,172	538,841	1,425,446	814,725	440,216	1,429,925
8	PTI	3,096,475	1,849,257	4,941,186	3,206,372	1,901,150	5,398,983
9	Groupama	112,770	226,289	341,495	25,505	291,954	335,988
10	VBI	691,936	600,390	1,470,231	889,912	613,733	1,697,617
11	Samsung Vina	1,010,607	807,955	1,825,635	1,083,330	910,890	1,809,160
12	VASS	1,978,725	(534,350)	1,102,362	2,573,375	(85,101)	1,008,269
13	BIC	1,668,508	2,083,066	4,474,538	1,842,742	2,095,148	4,716,494
14	AAA	280,208	190,383	528,962	242,752	151,968	455,141
15	AIG	509,986	431,923	854,700	406,127	408,380	726,512
16	QBE	148,061	336,167	625,857	198,238	350,645	709,200
17	ABIC	1,086,529	601,751	1,545,440	1,235,111	657,772	1,791,716
18	GIC	698,143	486,231	1,883,757	1,151,018	515,725	2,166,100
19	PAC	98,153	254,762	404,588	115,769	263,573	408,215
20	Liberty	544,652	522,592	1,075,718	565,870	577,342	1,245,062
21	Chubb	151,934	308,200	538,613	154,192	314,272	549,125
22	MIC	1,738,475	853,975	2,949,899	1,920,810	890,274	3,013,480
23	VNI	462,314	515,709	1,075,159	637,713	826,218	1,681,938
24	BSH	460,403	736,426	1,343,293	603,347	1,017,329	1,724,855
25	BHV	213,253	320,405	596,184	278,708	309,862	542,628
26	MSIG	624,143	579,915	1,235,958	679,126	665,986	1,553,900
27	Fubon	280,150	445,632	768,362	381,111	449,134	962,836
28	Xuan Thanh	272,064	309,374	591,425	266,525	614,773	900,305
29	Cathay	177,542	423,760	690,693	203,618	438,268	795,257
30	SGL	26,522	607,565	630,499	25,243	619,301	644,782
Sub Total		36,866,250	22,744,252	66,541,887	41,594,485	25,407,500	75,520,712
LIFE INSURANCE COMPANY							
31	Bao Viet Life	13,456,429	3,265,161	53,799,838	17,470,700	3,559,982	69,235,831
32	Prudential	13,531,703	5,716,641	60,078,805	16,212,529	6,232,807	74,112,723
33	Manulife	6,122,891	2,728,187	17,434,545	8,126,321	5,634,749	26,337,475

No.	Insurance company	FY2016			FY2017		
		Gross Written Premium	Owner's Equity	Total Asset	Gross Written Premium	Owner's Equity	Total Asset
34	AIA	4,706,025	1,483,033	10,063,473	6,294,992	3,713,549	15,412,284
35	Chubb	2,075,270	1,657,464	5,811,953	2,594,190	1,936,612	7,422,036
36	Prevoir	475,003	864,797	2,606,366	468,427	891,381	2,520,978
37	Daiichi	5,301,854	2,915,204	10,794,656	8,052,575	5,747,761	17,637,744
38	Cathay	307,348	3,611,129	4,497,534	458,777	3,669,500	5,247,319
39	FWD	45,737	847,104	1,036,220	287,667	922,339	1,380,645
40	Hanwha	1,067,287	738,740	2,997,094	1,533,894	460,914	3,621,507
41	VCII	156,756	607,809	805,916	276,162	604,497	953,699
42	Fubon	36,162	1,267,496	1,362,883	59,470	1,250,842	1,421,849
43	Generali	1,330,926	732,480	2,295,651	1,954,901	906,163	3,926,246
44	Aviva	709,974	367,722	1,608,049	969,798	1,629,815	4,175,232
45	Sun Life	843,038	1,080,415	3,693,289	567,052	1,109,834	4,027,857
46	Phu Hung Life	72,874	504,335	587,901	131,219	552,026	692,498
47	BIDV MetLife	258,175	663,293	1,113,904	518,948	611,173	1,494,278
48	MB Ageas	-	1,073,526	1,116,716	248,610	851,132	1,158,939
Sub Total		50,497,452	30,124,535	181,704,793	66,226,231	40,285,076	240,779,139
GRAND TOTAL		87,363,702	52,868,787	248,246,680	107,820,715	65,692,576	316,299,852
PROFESSIONAL REINSURER							
49	Vinare	1,655,558	2,647,099	6,239,283	1,651,472	2,585,248	6,313,778
50	PVI Re	1,353,481	773,483	3,444,499	1,278,110	766,563	3,516,719
TOTAL		3,009,039	3,420,582	9,683,782	2,929,582	3,351,811	9,830,497
INSURANCE BROKER							
51	A Dong	4,662	6,253	6,443	1,908	4,241	4,387
52	Aon	177,439	55,381	102,624	192,421	47,790	150,759
53	Cimeico	22,571	28,839	35,130	23,463	29,235	36,021
54	Gras Savoye Willis	154,978	44,047	253,967	159,135	65,851	237,588
55	Jardine Lloyd Thompson	48,522	15,652	46,095	56,445	21,644	49,038
56	Marsh	173,159	81,234	177,410	189,540	113,324	231,448
57	Nam A	12,536	8,710	8,915	23,883	6,458	10,479
58	Sao Viet	5,248	4,074	4,183	4,286	4,098	4,203
59	Thai Binh Duong	2,548	18,668	24,470	2,762	18,214	24,088
60	Toyota Tsusho	12,383	13,889	14,844	12,383	13,889	14,844
61	Viet Quoc	1,394	8,093	8,895	142	7,582	7,896
TOTAL		615,441	284,840	682,975	666,369	332,326	770,749

APPENDIX 5. TECHNICAL RESERVES 2016 - 2017

Unit: VND million

No.	Insurance company	Total Technical Reserves (as of 12/31/2016)						Total Technical Reserves (as of 12/31/2017)					
		Mathematical/ Unearned Premium Reserves	Policy Dividend Reserves	Claim Reserves	Outstanding/ Contingency Reserves	Guarantee Interest Rate Reserves	Total	Mathematical/ Unearned Premium Reserves	Policy Dividend Reserves	Claim Reserves	Outstanding/ Contingency Reserves	Guarantee Interest Rate Reserves	Total
	NON - LIFE INSURANCE COMPANY	12,636,763		4,328,658	1,507,720		18,473,141	13,319,844		5,071,884	1,514,853		19,906,581
1	Bao Viet	2,762,717		843,728	176,172		3,782,617	3,249,034		1,015,086	23,172		4,287,292
2	Bao Minh	938,103		165,865	104,415		1,208,383	896,928		195,599	97,624		1,190,151
3	Pjico	972,733		506,343	248,182		1,727,258	1,081,929		588,745	261,509		1,932,182
4	Bao Long	331,783		173,113	42,495		547,391	384,996		197,982	50,513		633,492
5	PVI	1,394,026		604,634	84,553		2,083,213	1,403,023		632,998	96,747		2,132,768
6	BVTM	48,764		62,358	44,409		155,531	59,381		71,413	51,008		181,802
7	UIC	198,051		63,368	46,242		307,661	171,972		123,241	47,705		342,918
8	PTI	1,253,855		562,053	46,633		1,862,541	1,121,896		502,387	69,448		1,693,731
9	Groupama	8,050		4,095	3,760		15,905	45		1,944	3,986		5,975
10	VBI	249,691		104,784	5,800		370,274	382,410		144,680	23,572		550,662
11	Samsung Vina	20,447		23,417	38,265		82,130	20,148		27,837	40,165		88,150
12	VASS	971,637		84,220	126,016		1,181,873	580,066		98,896	151,518		830,480
13	BIC	636,420		170,739	90,037		897,196	729,056		210,230	102,998		1,042,284
14	AAA	151,634		45,239	31,139		228,012	131,940		39,588	21,808		193,337

No.	Insurance company	Total Technical Reserves (as of 12/31/2016)						Total Technical Reserves (as of 12/31/2017)					
		Mathematical/Unearned Premium Reserves	Policy Dividend Reserves	Claim Reserves	Outstanding/Contingency Reserves	Guarantee Interest Rate Reserves	Total	Mathematical/Unearned Premium Reserves	Policy Dividend Reserves	Claim Reserves	Outstanding/Contingency Reserves	Guarantee Interest Rate Reserves	Total
15	AIG	56,600		32,551	41,752		130,903	20,773		20,333	42,876		83,983
16	QBE	54,566		90,757	20,801		166,124	62,219		108,321	22,813		193,353
17	ABIC	520,772		107,806	63,243		691,821	711,838		101,732	75,038		888,608
18	GIC	289,547		74,487	2,002		366,036	216,255		78,736	7,347		302,338
19	PAC	20,069		9,125	2,765		31,959	10,656		13,103	3,034		26,792
20	Liberty	269,448		102,307	56,021		427,777	277,475		94,945	61,422		433,843
21	Chubb	28,571		10,758	8,634		47,963	45,848		12,751	10,510		69,109
22	MIC	687,595		183,638	82,393		953,626	769,750		361,614	82,552		1,213,915
23	VNI	170,390		67,731	34,876		272,997	234,048		98,842	39,631		372,520
24	BSH	193,036		81,031	17,980		292,047	253,519		112,224	23,167		388,910
25	BHV	62,837		30,883	7,369		101,090	128,677		45,408	9,968		184,053
26	MSIG	110,002		48,964	32,964		191,930	112,752		68,091	41,838		222,680
27	Fubon	51,319		14,912	12,779		79,010	62,245		23,433	16,665		102,343
28	Xuan Thanh	134,325		41,426	20,506		196,258	129,891		55,633	28,567		214,090
29	Cathay	35,920		17,531	3,992		57,443	56,319		24,110	5,371		85,800
30	SIG	13,854		796	1,525		16,174	14,755		1,983	2,282		19,020

No.	Insurance company	Total Technical Reserves (as of 12/31/2016)						Total Technical Reserves (as of 12/31/2017)					
		Mathematical/ Unearned Premium Reserves	Policy Dividend Reserves	Claim Reserves	Outstanding/ Contingency Reserves	Guarantee Interest Rate Reserves	Total	Mathematical/ Unearned Premium Reserves	Policy Dividend Reserves	Claim Reserves	Outstanding/ Contingency Reserves	Guarantee Interest Rate Reserves	Total
	LIFE INSURANCE	113,411,340	13,512,939	867,731	255,128	3,766	128,050,905	153,019,149	14,205,321	1,109,311	280,562	726,844	169,341,186
31	Prudential	39,083,801	10,230,905	570,717	123,341		50,008,764	50,850,767	10,552,216	743,829	129,857	718,633	62,995,302
32	Bao Viet Life	36,388,636	1,385,613	38,616	64,723		37,877,588	46,345,844	1,429,375	28,413	74,832		47,878,464
33	Manulife	11,845,119	1,389,452	51,079	20,847		13,306,497	17,116,948	1,634,020	75,513	22,725		18,849,205
34	AIA	7,117,303	203,828	72,349	7,771		7,401,250	9,551,982	280,242	82,372	11,038		9,925,634
35	Dai-ichi	6,616,663	157,072	38,356	12,405		6,824,495	9,889,807	166,779	73,380	12,405		10,142,371
36	Chubb Life	3,654,467	5,025	23,399	9,428		3,692,318	4,619,414	5,678	18,255	11,954		4,655,301
37	Sunlife	2,519,259		2,936	9,247	3,295	2,534,737	2,775,557		977	9,226	4,380	2,790,140
38	Hanwha	1,653,492	87,636	3,466	117		1,744,710	2,771,200	117,436	5,969	117		2,894,721
39	Generali	1,028,297		19,617	0		1,047,914	2,483,173		28,619	4		2,511,796
40	Aviva	1,054,422		2,084	626	471	1,057,603	2,189,236		2,077	626	773	2,192,712
41	Prevoir	991,405	38,322	4,654	495		1,034,875	1,230,945		5,120	761	3,053	1,239,878
42	Cathay	834,642		1,513	4,436		840,591	1,512,302		1,885	5,163		1,519,350
43	BIDV	323,016		601	0		323,617	805,551		422	0		805,973
44	Fubon	84,716		226	505		85,447	157,842		14	665		158,521
45	VCLI	108,335	1,955	37,734	1,190		149,214	236,519	2,695	39,956	1,190		280,360
46	Phu Hung Life	51,252		324	0		51,577	91,923		853	0	5	92,780
47	FWD	56,516	13,131	62	0		69,708	163,284	16,880	1,247	0		181,410
48	MB Ageas						0	226,854		412			227,267
	GRAND TOTAL	126,048,103	13,512,939	5,196,389	1,762,848	3,766	146,524,046	166,338,992	14,205,321	6,181,195	1,795,415	726,844	189,247,767

APPENDIX 6. INVESTMENT PORTFOLIO 2017

Unit: VND million

No.	Insurance company	Deposits	Government Bonds	Secured Corporate Bonds	Corporate Shares, Unsecured corporate Bonds	Capital Contribution	Real Estate	Loans	Investment Trusts	Others	Grand Total
	NON - LIFE INSURANCE COMPANY	26,096,893	1,288,275	455,276	2,876,610	2,729,937	622,652	9,033	5,111,091	422,405	39,612,172
1	Bao Viet	2,315,500			3,640	237,346			3,087,359	190,000	5,833,846
2	Bao Minh	1,919,220	60,000		319,370	145,350	73,662			4,880	2,522,482
3	Pjico	2,401,085			235,769	61,446	84,150				2,782,450
4	Bao Long	762,000			192,018	41,000			30,000	19,925	1,044,943
5	PVI	4,099,840			100,423	970,286					5,170,548
6	BVTM	572,473	103,715			3,430					679,618
7	UIC	854,410			7,203						861,613
8	PTI	1,223,106				354,428	88,020	8,941	1,693,731		3,368,226
9	Groupama	113,003									113,003
10	VBI	368,142	102,219		613,959					495	1,084,815
11	Samsung Vina	997,867									997,867
12	VASS	45,000	1		88,447	195,467		93			329,007
13	BIC	2,424,104		200,276	410,111	35,131					3,069,622
14	AAA	123,750			29,438	2,250	198,043				353,480
15	AIG	375,000									375,000

No.	Insurance company	Deposits	Government Bonds	Secured Corporate Bonds	Corporate Shares, Unsecured corporate Bonds	Capital Contribution	Real Estate	Loans	Investment Trusts	Others	Grand Total
16	QBE	496,080									496,080
17	ABIC	1,333,845									1,333,845
18	GIC	535,527	50,347		37,510	3,770	6,479			7,960	641,592
19	PAC	183,858			6,700	55,147	8,299			10,000	264,005
20	Liberty	258,000	597,791								855,791
21	Chubb	180,000									180,000
22	MIC	923,800		255,000	175,400	32,964			300,000	5,000	1,692,163
23	VNI	500,500			433,192	57,540					991,232
24	BSH	664			144,988	534,381	164,000			184,145	1,028,178
25	BHV	287,687			77,584						365,271
26	MSIG	877,420									877,420
27	Fubon	529,930									529,930
28	Xuan Thanh	675,930			859						676,789
29	Cathay	100,710	374,202								474,913
30	SIG	618,441									618,441

No.	Insurance company	Deposits	Government Bonds, Government-guaranteed bonds and local government bonds	Secured Corporate Bonds	Corporate share, Fund certificate, Unsecured bonds	Capital Contribution	Real Estate	Loans	Investment Trusts	Others	Grand Total
LIFE INSURANCE COMPANY											
31	Bao Viet Life	27,339,415	32,048,252		3,733,204	446,491		1,114,195	5,725	2,106	64,547,551
32	Prudential	7,073,863	51,906,682	1,101,221	1,705,526	25,000		4,429,066			66,241,358
33	Manulife	1,074,624	15,994,713		2,900,374	65,838		603,576			20,639,125
34	AIA	1,132,148	7,115,743	609,669	1,769,207			367,851	0	325,000	11,319,618
35	Chubb	639,131	5,545,753	0	45,000	26,000		116,604		0	6,372,488
36	Previor	1,309,129	324,871		210,412	0		0			1,844,412
37	Daiichi	3,048,330	8,560,480	798,238	1,250,077	25,000		307,321			13,989,446
38	Cathay	854,700	3,571,030	0	454,540			22,671			4,902,941
39	FWD	635,886	371,461		65,000			2,843			1,075,190
40	Hanwha	219,300	2,383,609	100,000	236,191			44,664		8,768	2,992,532
41	VCLI	641,654	198,797	0	0			0			840,451
42	Fubon	650,730	631,052					1,506			1,283,288
43	Generali	1,404,500	761,841	450,000				8,474			2,624,815
44	Aviva	1,817,633	517,596	183,887	782,411			2,814			3,304,342
45	Sun Life	1,322,000	2,068,261	100,000						1,249	3,491,511
46	Phu Hung	214,366	262,757		50,000			76			527,199
47	BIDV Met Life	667,000	583,465	50,000				152			1,300,617
48	MB Ageas	865,204	20,348		20,000						905,552
GRAND TOTAL		77,006,507	134,154,987	3,848,291	16,098,552	3,176,428	622,652	7,030,847	5,116,816	759,528	247,814,608

**CÁC DOANH NGHIỆP
BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ
NON-LIFE INSURANCE**



TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT



Ông Phan Kim Bằng
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Tên Công ty/Full name:	BaoViet Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo hiểm Bảo Việt/BVI
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 104 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 3826 2614	Fax: (024) 3825 7188
Email: bvvvn@baoviet.com.vn	Website: www.baoviet.com.vn/baohiem
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 45/GP/KDBH ngày 23/11/2007
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 79 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	3.246
Số lượng đại lý/Number of Agents:	51.780 đại lý cá nhân và 235 đại lý tổ chức



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH



Ông Lê Song Lai
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Bao Minh Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo Minh
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 26 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại/Tel: (028) 3829 4180	Fax: (028) 3829 4185
Email: baominh@baominh.com.vn	Website: www.baominh.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ The License of Establishment and Operation:	Số 27/GP/KDBH ngày 08/09/2004
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước; Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm AXA (Pháp).
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 58 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	1.681
Số lượng đại lý/Number of Agents:	3.881 đại lý cá nhân và 33 đại lý tổ chức



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX



Ông Đinh Thái Hương
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Đào Nam Hải
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	PJICO Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo hiểm PJICO
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 21-22 Tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 3776 0867	Fax: (024) 3776 0868
Email: pjico@petrolimex.com.vn	Website: www.pjico.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 67/GP/KDBH ngày 26/10/2011
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ The main member $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Samsung Fire & Marine Insurance Co., Ltd
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 60 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/ Number of Employees:	1.624
Số lượng đại lý/ Number of Agents:	2.033 đại lý cá nhân và 102 đại lý tổ chức



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
BẢO LONG**



Ông Nguyễn Thành Long
Chủ tịch HĐQT/ Chairman



Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Bao Long Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo Long/Bao Long
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 185 Điện Biên Phủ, Phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 3823 9219	Fax: (028) 3822 8967
Email: info@baohiembraolong.vn	Website: http://www.baohiembraolong.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 71/GP/KDBH ngày 15/4/2014
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ The main member $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Ngân hàng TMCP Sài Gòn
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 46 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	956
Số lượng đại lý/Number of Agents:	751 đại lý cá nhân và 75 đại lý tổ chức



TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI



Ông Phạm Anh Đức
Chủ tịch HDTV/Chairman



Ông Trương Quốc Lâm
Tổng Giám đốc/ General Director

Tên Công ty/Full name:	PVI Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo hiểm PVI/PVI Insurance
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 24, tòa nhà PVI Tower, Lô VP2, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại/Tel: (024) 37736284	Fax: (024) 37 33 62 84
Email: baohiempvi@pvi.com.vn	Website: www.baohiempvi.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 63/GP/KDBH ngày 28/6/2011
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 31 công ty thành viên, 02 văn phòng đại diện và 01 trung tâm bảo lãnh viện phí
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	2.313
Số lượng đại lý/Number of Agents:	2.121 đại lý cá nhân và 76 đại lý tổ chức



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM BẢO VIỆT TOKIO MARINE



Bà Thân Hiền Anh
Chủ tịch HDTV/Chairwoman



Ông Hideaki Maeomote
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Bao Viet Tokio Marine Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	BVTM
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Phòng 601, Tầng 6, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại/Tel: (024)3 933 0704	Fax: (024)3 933 0706
Email: info@baoviettokiomarine.com	Website: baoviettokiomarine.com
Giấy phép thành lập và hoạt động/ The License of Establishment and Operation:	Số 65/GP/KDBH ngày 01/7/2013
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors	Tập đoàn Bảo Việt; Công ty Tokio Marine Asia Pte. Ltd.
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 chi nhánh và 02 văn phòng đại diện
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	124
Số lượng đại lý/Number of Agents:	01 đại lý cá nhân và 16 đại lý tổ chức



CÔNG TY BẢO HIỂM LIÊN HIỆP



Bà Trần Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT/Chairwoman



Ông Zen Sadakuni
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	United Insurance Company of Viet Nam
Tên viết tắt/Abbreviated name:	UIC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 9, Tòa nhà Hà Nội Tung Shing Square, Số 2, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024)3 826 2686	Fax: (024) 3934 1753
Email: hn@uicvn.com	Website: www.uicvn.com
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 09/GP/KDBH ngày 29/04/2010
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors	Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh; Công ty Bảo hiểm Sompo Japan Nippon Koa; Công ty TNHH Bảo hiểm KB (KB Insurance Co., Ltd)
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 02 chi nhánh.
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	203
Số lượng đại lý/Number of Agents:	39 đại lý cá nhân và 36 đại lý tổ chức



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BUU ĐIỆN



Ông Nguyễn Minh Đức
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Bùi Xuân Thu
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Post - Telecommunication Joint - Stock Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	PTI
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 37724466	Fax: (024) 3772 4460
	Website: www.pti.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 41A/GP/KDBH ngày 01/2/2007
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; Công ty Bảo hiểm Dongbu Hàn Quốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 văn phòng, 42 đơn vị thành viên và 02 văn phòng đại diện giám định bồi thường
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	1.959
Số lượng đại lý/Number of Agents:	2.042 đại lý cá nhân và 145 đại lý tổ chức



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM TỔNG HỢP GROUPAMA VIỆT NAM



Ông Yu Yi Fang
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Bà Phạm Thị Ngọc Hương
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Groupama Vietnam General Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Groupama Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Lầu 6, Tòa nhà Royal Centre, tháp Petronas Tower, 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại/Tel: (028)38 30 68 30	Fax: (028) 38 3068 32
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 18/GP/KDBH ngày 06/7/2001
Số lượng cán bộ/ Number of Employees:	18
Số lượng đại lý/Number of Agents:	01 đại lý tổ chức



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



Bà Nguyễn Hồng Vân
Chủ tịch HĐQT/Chairwoman



Ông Lê Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Vietinbank Insurance Joint Stock Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	VBI
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 10, 11 Tòa nhà 126 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.
Điện thoại/Tel: (024) 3942 5650	Fax: (024) 3942 5646
	Website: www.vbi.vietinbank.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 21/GP/KDBH ngày 12/12/2002
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Subsidiary system:	01 trụ sở chính và 19 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	465
Số lượng đại lý/Number of Agents:	393 đại lý cá nhân và 162 đại lý tổ chức



**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
BẢO HIỂM SAMSUNG VINA**



Ông Kim Byeong Jun
*Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc/
Chairman and General Director*

Tên Công ty/Full name:	Samsung Vina Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Samsung Vina Insurance Co., Ltd
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 45, Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại/Tel: (028) 3823 7812	Fax: (028) 3823 7811
Website: www.svi.com.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 70/GP/KDBH ngày 17/01/2014
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	Công ty Bảo hiểm Cháy và Hàng hải Samsung; Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam.
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	74



VASS ASSURANCE CORPORATION
Today Not Tomorrow

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG



Bà Đỗ Thị Minh Đức
Chủ tịch HĐQT/Chairwoman



Ông Đặng Diệp Đại Khoa
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Vien Dong Joint Stock Assurance Company Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo hiểm Viễn Đông/VASS
Trụ sở chính/Address of Head Office:	80 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 6288 3030	Fax: (028) 3930 8220
Website: www.vass.com.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 23/GP/KDBH cấp ngày 07/11/2003
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Công ty Cổ phần Thủ Phủ Tre
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 25 chi nhánh, 01 sở giao dịch
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	387
Số lượng đại lý/Number of Agents:	603 đại lý cá nhân và 14 đại lý tổ chức



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM**



Ông Trần Lục Lang
Chủ tịch HĐQT/Chairman

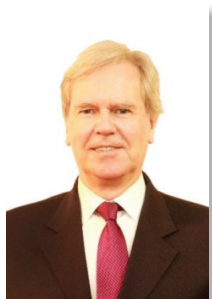


Ông Trần Hoài An
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	BIDV Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	BIC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 16, Tháp A Tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 2220 0282	Fax: (024) 2220 0281
Email: bic@bidv.com.vn	Website: www.bic.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 11/GP/KDBH ngày 10/4/2006
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Công ty FairFax Asia Limited
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 26 công ty thành viên tại Việt Nam, 01 công ty thành viên tại Lào, 01 công ty thành viên tại Campuchia
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	986
Số lượng đại lý/Number of Agents:	1.429 đại lý cá nhân và 16 đại lý tổ chức



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM AAA



Ông Ian Samuel Lydall
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Stephen Charles Beatty
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	AAA Assurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	AAA
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tòa nhà An Phú Plaza, số 117-119 Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại/Tel: (028) 3622 0000	Fax: (028) 3822 8488
Email: contact@aaa.com.vn	Website: www.aaa.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 30/GP/KDBH cấp ngày 28/02/2005
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	IAG International Pty Limited; Bank Invest Private Equity New Market K/S
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 văn phòng trụ sở chính và 30 chi nhánh và 01 sở giao dịch
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	469
Số lượng đại lý/Number of Agents:	1.265 đại lý cá nhân và 21 đại lý tổ chức



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM



Ông Wendell Dave Dowrich
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	AIG Vietnam Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	AIG Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 5, Tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3936 1455	Fax: (024) 3936 1456
Website: www.aig.com.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 35/GP/KDBH ngày 14/12/2005
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	AIG Asia Pacific Insurance PTE., Ltd
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh.
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	58
Số lượng đại lý/Number of Agents:	747 đại lý cá nhân và 239 đại lý tổ chức



CÔNG TY BẢO HIỂM QBE (VIỆT NAM)



Ông John Lilburne Hunt
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Anthony Cloney
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:

QBE Insurance (Vietnam) Company Limited

Tên viết tắt/Abbreviated name:

QBE Việt Nam

Trụ sở chính/Address of Head Office:

Phòng 1302A, Lầu 13, Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 6287 5544

Fax: (028) 3824 5054

Email: info.viet@qbe.com

Website: www.qbe.com.vn

Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:

Số 51/GP/KDBH ngày 10/3/2008

Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:

QBE Insurance (International) Limited

Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:

01 văn phòng trụ sở chính và 01 chi nhánh

Số lượng cán bộ/Number of Employees:

39

Số lượng đại lý/Number of Agents:

03 đại lý cá nhân và 9 đại lý tổ chức



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP



Ông Đinh Việt Đông
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Bà Hoàng Thị Tính
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Agriculture Bank Insurance Joint-Stock Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo hiểm Agribank/ABIC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 6 Tòa nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 6299.0055	Fax: (024) 6258.0055
Email: baohiemagribank@abic.com.vn	Website: abic.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 38/GP/KDBH ngày 18/10/2006
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam.
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 10 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	624
Số lượng đại lý/Number of Agents:	171 đại lý cá nhân và 159 đại lý tổ chức



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU



Ông Hồ Nam Thắng
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Phan Hoàng Chung Thủy
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Global Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	GIC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 16, Tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 39293 555	Fax: (028) 39293 666
Email: toancau@gic.com.vn	Website: www.gic.com.vn/
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 37/GP/KDBH ngày 19/6/2006
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Tập đoàn Ergo Internation AG.
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 18 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	475
Số lượng đại lý/Number of Agents:	251 đại lý cá nhân và 18 đại lý tổ chức



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PHÚ HƯNG



Ông Ho, Feng - Tao
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Hsieh, Chih - Kan
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Phu Hung Joint Stock Insurance Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	PAC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 4, CR3-04A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 5413 5966/ 0899.888.018	Fax: (028) 5413 5965
Email: info@pacvn.vn	Website: www.pacvn.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 41/GP/KDBH ngày 12/12/2006
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	123
Số lượng đại lý/Number of Agents:	11 đại lý cá nhân và 3 đại lý tổ chức



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM LIBERTY



Ông Martin Bridger
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Tên Công ty/Full name:	Liberty Insurance Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Liberty
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 18, Tòa nhà Vincom, số 45A Lý Tự Trọng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 38 125 125	Fax: (028) 38.125.018
	Website: www.LibertyInsurance.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 40/GP/KDBH ngày 15/11/2006
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 02 chi nhánh và 03 địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	277
Số lượng đại lý/Number of Agents:	939 đại lý cá nhân và 233 đại lý tổ chức

CHUBB**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM CHUBB
VIỆT NAM**

Ông Olivier Bouchard
Chủ tịch HDTV/Chairman



Ông Đặng Hoàng Tùng
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Chubb Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Chubb Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 8, số 9 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (028) 3910 7227	Fax: (028) 3910 7228
Email: Inquiries.VN@chubb.com	Website: www.chubb.com/vn-vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 39/GP/KDBH ngày 30/10/2006
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	35
Số lượng đại lý/Number of Agents:	01 đại lý cá nhân và 67 đại lý tổ chức



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
QUÂN ĐỘI**



Ông Ưông Đông Hưng
Chủ tịch HĐQT/ Chairman



Ông Nguyễn Quang Hiện
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Military Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	MIC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 15, Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (024) 6285 3388	Fax: (024) 6285 3366
Email: info@mic.vn	Website: www.mic.vn/www.baohiem247.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 43/GP/KDBH ngày 8/10/2007
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Ngân hàng TMCP Quân đội
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 63 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	1.637
Số lượng đại lý/Number of Agents:	2.586 đại lý cá nhân và 16 đại lý tổ chức



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG



Bà Lê Thị Hà Thanh
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Vietnam National Aviation Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	VNI
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại: (024) 62765555	Fax: (024) 62765556
Email: contact@bhhk.com.vn	Website: www.vna-insurance.com
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 49/GP/KDBH ngày 23/04/2008
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 sở giao dịch và 27 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	731
Số lượng đại lý/Number of Agents:	249 đại lý cá nhân và 30 đại lý tổ chức



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
SÀI GÒN - HÀ NỘI**



Ông Đỗ Quang Hiền
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Lưu Thanh Tâm
Tổng Giám đốc/ General Director

Tên Công ty/Full name:	Sai Gon - Ha Noi Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	BSH
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 5, Tòa nhà Hồng Hà Center, 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: 024.3793 1111	Fax: 024.3793 1155
Email: info@bshc.com.vn	Website: www.bshc.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 56/GP/KDBH ngày 10/12/2008
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 32 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	872
Số lượng đại lý/Number of Agents:	329 đại lý cá nhân và 09 đại lý tổ chức



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG



Bà Phương Thanh Nhung
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Phạm Xuân Thông
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Hung Vuong Assurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	BHV
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 7, Tòa nhà HD Tower, 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 39151832	Fax: (028) 39151831
	Website: www.bhv.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 50/GP/KDBH ngày 19/5/2008
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV, Ngân hàng TMCP Việt Á, Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 07 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	137
Số lượng đại lý/Number of Agents:	35 đại lý cá nhân và 21 đại lý tổ chức



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ
MSIG VIỆT NAM**



Ông Hideyuki Tanaka
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Yujiro Sobajima
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	MSIG Insurance (Vietnam) Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	MSIG (Vietnam)
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 10, Toà nhà CornerStone, Số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 39369188/ 39369200	Fax: (024) 39369187
Email: service@vn.msigg-asia.com	Website: http://www.msigg.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 54/GP/KDBH ngày 18/09/2008
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors	MSI Nhật Bản
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 chi nhánh và 3 văn phòng đại diện
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	145
Số lượng đại lý/Number of Agents:	12 đại lý tổ chức



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM
FUBON (VIỆT NAM)**



Ông Chen, Po-Yao
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Chen, Cheng-Chiu
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Fubon Insurance Vietnam Co., Ltd
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Fubon
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 15, tòa nhà REE Tower, số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3943 5678	Fax: (028) 3943 5363
Email: hrvn.ins@fubon.com	Website: www.fubonins.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 52/GP/KDBH ngày 01/7/2008
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 03 chi nhánh và 01 văn phòng.
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	138
Số lượng đại lý/Number of Agents:	189 đại lý cá nhân và 5 đại lý tổ chức



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM XUÂN THÀNH



Ông Nguyễn Văn Thùy
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	XuanThanh Insurance Joint Stock Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	XTI
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 18, tháp CEO, Đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 62665555	Fax: (0224) 62855999
Email: info@xti.com.vn	Website: www.xti.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 57/GP/KDBH ngày 21/12/2009
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Công ty TNHH đầu tư và phát triển Xuân Thái; Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành.
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 21 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	315
Số lượng đại lý/Number of Agents:	427 đại lý cá nhân và 02 đại lý tổ chức



Bảo hiểm Cathay
Cathay Insurance

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ
CATHAY VIỆT NAM**



Ông Tu, Wen-Te
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Lin, Yu Tang
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Cathay Insurance (Viet Nam) Co.,Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Cathay Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Lầu 6, số 46-48-50 Phạm Hồng Thái, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 62888385	Fax: (028) 62909838
Website: http://www.cathay-ins.com.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 58/GP/KDBH ngày 28/10/2010
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	Tập đoàn Tài chính Cathay; Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ Cathay
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	151
Số lượng đại lý/Number of Agents:	3.702 đại lý cá nhân



**CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM
BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI**



Ông Jeong Beom Soon
Giám đốc/Director

Tên Công ty/Full name:	Seoul Guarantee Insurance Company – Hanoi Branch Office
Tên viết tắt/Abbreviated name:	SGI Hà Nội
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Phòng 901, tầng 9, tòa Đông, Lotte Center Hà Nội, 54 phố Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3946 0322	Fax: (024) 3946 0324
Email: nluensgi@gmail.com	Website: www.sgic.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 73/GP/KDBH ngày 26/8/2014
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	08

**CÁC DOANH NGHIỆP
TÁI BẢO HIỂM
REINSURANCE**

9
11
100



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM



Ông Lê Song Lai
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Phạm Công Tứ
Tổng Giám đốc/ General Director

Tên Công ty/Full name:	VietNam National Reinsurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	VINARE
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 7, 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 39422354	Fax: (024) 39422351
Email: vinare@vinare.com.vn	Website: vinare.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 28/GP/KDBH ngày 15/11/2004
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	SCIC, SwissRe
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	6



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM PVI**



Ông Tôn Thiện Việt
Chủ tịch HĐQT/ Chairman



Ông Trịnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	PVI Reinsurance Joint Stock Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	PVIRe
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Điện thoại: 024.3734 2828	Fax: 024.3734 2626
Email: contact@pvire.com.vn	Website: http://www.pvire.com.vn/
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 86/GP/KDBH ngày 01/10/2013
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Công ty cổ phần PVI
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	42

**CÁC DẠNG NGHIỆP
BẢO HIỂM NHÂN THỌ
LIFE INSURANCE**

9
11
100



TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ



Bà Thân Hiền Anh
Chủ tịch HĐQT/Chairperson



Ông Phạm Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Bao Viet Life Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	BVL
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 6251 7777	Fax: (024) 3577 0958
Email: baovietnhantho@baoviet.com.vn	Website: www.baovietnhantho.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 46/GP/KDBH ngày 23/11/2007
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 75 công ty thành viên và 358 văn phòng khu vực
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	2.000
Số lượng đại lý/Number of Agents:	170.000



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PRUDENTIAL VIỆT NAM



Bà Lilian Lup-Yin NG
Chủ tịch HĐQT/Chairperson



Ông Stephen James Clark
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Prudential Viet Nam Assurance Private Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Prudential
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 25 - Trung tâm thương mại Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 39 101 660	Fax: (028) 39 100 899
	Website: www.prudential.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 15/GP/KDBH ngày 8/9/2011
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 12 chi nhánh và 9 văn phòng đại diện
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	1.607
Số lượng đại lý/Number of Agents:	176.155



**CÔNG TY TNHH MANULIFE
(VIỆT NAM)**



Ông David Gareth Thomas
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Paul George Nguyen
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Manulife Viet Nam Limited
Trụ sở chính/Address of Head Office:	75 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại/Tel: (028) 5416 6888	Fax: (028) 5416 1818
	Website: www.manulife.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 13/GP/KDBH ngày 24/01/2005
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 15 chi nhánh, 7 văn phòng đại diện, 36 văn phòng giao dịch và địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	738
Số lượng đại lý/Number of Agents:	27.223



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ AIA
(VIỆT NAM)**



Ông Qiang Cai
Chủ tịch HDTV/Chairman



Ông Wayne David Besant
Tổng Giám đốc/ General Director

Tên Công ty/Full name:	AIA (Vietnam) Life Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	AIA
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tòa nhà Saigon Centre Tháp 2, 67 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 3830 3333	Fax: (028) 6288 6969
	Website: www.aia.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 16/GP/KDBH ngày 14/7/2008
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 03 chi nhánh, 11 văn phòng đại diện và 04 địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	791
Số lượng đại lý cá nhân/Number of individual Agents:	37.091

CHUBB® CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM



Ông Lâm Hải Tuấn
*Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc/
Chairman & General Director*

Tên Công ty/full name:	Chubb Life Insurance Vietnam Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Chubb Life Vietnam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 38278989	Fax: (028) 38219000
Email: inquiries.VNLife@chubb.com	Website: http://life.chubb.com/vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 33/GP/KDBH ngày 04/5/2005
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 30 chi nhánh, 38 phòng giao dịch và địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	353
Số lượng đại lý/Number of Agents:	27.297



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ
PRÉVOIR VIỆT NAM**



Bà Patricia Lacoste
Chủ tịch HĐQT/Chairperson



Ông Khamsaya Soukhavong
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Prévoir VietNam Life Insurance Company Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Prévoir Viet Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 9, tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 39 344 939	Fax: (024) 39 344 940
Email: admin.hn@prevoir.com.vn	Website: www.prevoir.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 31/GP/KDBH ngày 17/3/2005
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	105
Số lượng đại lý/Number of Agents:	751



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM



Ông Takashi Fujii
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Trần Đình Quân
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Dai-ichi Life Insurance Company of Viet Nam, Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Dai-ichi Life Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 3810 0888	Fax: (028) 39 97 3000
Email: info@dai-ichi-life.com.vn	Website: www.dai-ichi-life.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 2134/GP ngày 12/10/1999
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 248 văn phòng và tổng đại lý
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	1.207
Số lượng đại lý/Number of Agents:	87.826



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ
CATHAY VIỆT NAM**



Ông Lin Jin Shu
Chủ tịch HDTV/Chairman



Ông Lee Hsun Yu
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Cathay Life Insurance Vietnam Co., Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Cathay Life
Trụ sở chính/Address of Head Office:	46-48-50 Phạm Hồng Thái, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: 028-62556699	Fax: 028-62556989
	Website: cathaylife.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 44/GP/KDBH ngày 21/11/2007
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 06 chi nhánh và 24 phòng giao dịch và địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	385
Số lượng đại lý/Number of Agents:	3.658



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ FWD VIỆT NAM



Ông David Tai Wai Wong
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Anantharaman Sridharan
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name	FWD Vietnam Life Insurance Company Limited.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	FWD Vietnam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 11, Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại/Tel: (028) 6256 3688	Fax: (028) 6256 3677
Email: CustomeConnect.vn@fwd.vn	Website: www.fwd.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 47/GP/KDBH ngày 23/11/2007
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 chi nhánh và 01 văn phòng
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	193
Số lượng đại lý/Number of Agents:	2.500



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM
HANWHA LIFE VIỆT NAM**



Ông Back Jong Kook

*Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc/
Chairman & General Director*

Tên Công ty/Full name:	Hanwha Life Insurance Company Limited (Viet Nam).
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Hanwha Life Viet Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 14, số 81-85 Hàm Nghi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 39149100	Fax: (028) 39149101
	Website: www.hanwhalife.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 51/GP/KDBH ngày 12/6/2008
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 03 chi nhánh và 10 văn phòng kinh doanh.
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	251
Số lượng đại lý/Number of Agents:	39.903



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ
VIETCOMBANK-CARDIF**



Bà Phùng Nguyễn Hải Yến
Chủ tịch HĐQT/Chairperson



Bà Yong Lai Yin
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Vietcombank-Cardif Life Insurance Co, Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	VCLI
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Phòng 1101, tầng 11, tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 3936 8507	Fax: (024) 3936 7375
	Website: www.vcli.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 55/GP/KDBH ngày 23/10/2008
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 văn phòng.
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	198
Số lượng đại lý/Number of Agents:	5.207



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ
FUBON VIỆT NAM**



Ông Chen, Chun – Pan
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Chiang, Ming – Yen
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Fubon Life Insurance (Viet Nam) Co., Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Fubon Life
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 22, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại/Tel: (024) 62827888	Fax: (024) 62827878
Email: csservice.vn@fubon.com	Website: https://www.fubonlife.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 60/GPĐC1/KDBH ngày 15/12/2010
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 chi nhánh, 09 phòng giao dịch và địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	95
Số lượng đại lý/Number of Agents:	1.140



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ
GENERALI VIỆT NAM**



Bà Jennifer Susan Sparks
Chủ tịch HĐQT/Chairperson



Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Generali Vietnam Life Insurance Limited Liability Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Generali Life
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 17, Tòa nhà A&B, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại/Tel: (028) 6288 6888	Fax: (028) 6291 6308
Email: info@generali-life.com.vn	Website: www.generali-life.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 61/GP/KDBH ngày 20/4/2011
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 03 chi nhánh và 06 địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	364
Số lượng đại lý/Number of Agents:	19.889



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ
AVIVA



Ông Christopher Brian Wei
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Randy Lianggara
Tổng Giám đốc/ General Director

Tên Công ty/Full name:	Aviva Vietnam Life Insurance Company Ltd,
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Aviva Vietnam Life Insurance
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 13, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 32222704	Fax: (024) 37246446
Email: compliancevn@aviva.com.vn	Website: aviva.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 64/GP/KDBH ngày 29/07/2011
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	184
Số lượng đại lý/Number of Agents:	10.623



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ
SUN LIFE VIỆT NAM**



Ông Shiney Prasad
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Lary Madge
Tổng Giám đốc/General Director

Tên công ty/Full name:	Sun Life Vietnam Insurance Company Limited.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Sun Life Vietnam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 29, Tòa nhà Vietcombank, Số 05 Công trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 62985888	Fax: (028) 62985999
Email: contact@sunlife.com.vn	Website: https://sunlife.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 68/GP/KDBH ngày 24/01/2013
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 02 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	289
Số lượng đại lý/Number of Agents:	5.893



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NHÂN THỌ
PHÚ HÙNG**



Ông Kwang Hung Ting
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Graeme Russell Hannah
Tổng Giám đốc/General Director

Tên công ty/Full name:	Phu Hung Life Insurance Joint Stock Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	PHL
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 5, CR3-05 A, 109 Tôn Dật Tiên, Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 5413 7199	Fax: (028) 5413 6995
Email: info@phuhunglife.com	Website: www.phuhunglife.com
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 69/GP/KDBH ngày 30/08/2013
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 chi nhánh và 15 văn phòng kinh doanh.
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	189
Số lượng đại lý/Number of Agents:	6.291



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ
BIDV-METLIFE**



Ông Nguyễn Trung Thành
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Gaurav Sharma
Tổng Giám đốc/General Director

Tên công ty/Full name:	BIDV Metlife life Insurance Limited Liability Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	BIDV Metlife
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 10 Tháp A, Tòa nhà Vincom City, 191 Bà Triệu, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại/Tel: 024 6282 0808	Fax: 024 6299 0808
Email: wecare@bidvmetlife.com.vn	Website: www.bidvmetlife.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 72/GP/KDBH ngày 21/7/2014
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	101
Số lượng đại lý/Number of Agents:	3.507



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ
MB AGEAS**



Bà Nguyễn Thị Thủy
Chủ tịch HĐQT/Chairperson



Ông Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc/General Director

Tên công ty/Full name:	MB AGEAS Life Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	MB Ageas Life
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại/Tel: 024 2229 6666	Fax: 024 6269 8080
Email: dvkh@mbageas.life	Website mbageas.life
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 74/GP/KDBH ngày 21/7/2016
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 văn phòng kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	232
Số lượng đại lý/Number of Agents:	385

**CÁC DOANH NGHIỆP
MÔI GIỚI BẢO HIỂM
INSURANCE BROKER COMPANIES**

9
11
100



CÔNG TY TNHH AON VIỆT NAM



Ông Sandeep Malik
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Bà Nguyễn Hoàng Quyên
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Aon Vietnam Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Aon Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office :	Phòng 1201, Tầng 12, Toà nhà Văn phòng Trung tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel: +84 24 3826 0832	Fax: (024) 3824 3983/ 3936 5341
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Website: www.aon.com/vietnam/en/ Số 26/GP/KDBH ngày 29/3/2004
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 Trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	122



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM VIỆT QUỐC



Bà Chu Thị Phương Dung
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chairman and General Director



Bà Phạm Thị Bích Huệ
Phó Tổng giám đốc
Vice General Director

Tên Công ty/Full name:	Viet Quoc Insurance Broker Joint Stock Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	V.Q.I. Co.
Trụ sở chính/Address of Head Office:	262 Âu Cơ, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 39284828	Fax: (024) 39284822
Email: vietquoc@vietquocibc.com.vn	Website: vietquocibc.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 19/GP/KDBH ngày 06/12/2001
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Chu Thị Phương Dung, Trần Thị Hải Yến, Chu Quân
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 Trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	13



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM Á ĐÔNG



Ông Nguyễn Hữu Chương
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Hoàng Nam Hùng
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	A Dong Joint Stock Insurance Broker
Tên viết tắt/Abbreviated name:	ADONG JIBC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	36 Nghi Tàm, Quận Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (04)62800662	Fax: (04)62800663
Email: info@adongbroker.com	Website: adongbroker.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 25/GP/KDBH ngày 10/11/2003
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Nguyễn Hữu Chương
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 Trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	20



CÔNG TY TNHH MGBH GRAS SAVOYE WILLIS VIỆT NAM



Ông Scott James Burnett
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Philippe Robineau
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Gras Savoye Willis Vietnam
Tên viết tắt/Abbreviated name:	GSW
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Saigon Trade Center, #07-708, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 3910 0976	Fax: (028) 3910 0974
Email: WTW-VN.Communication@willistowerswatson.com	Website: www.willistowerswatson.com/en-VN
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 22/GPKD-BH ngày 21/5/2003
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	<ul style="list-style-type: none">▪ Gras Savoye S.A.S góp 80% vốn,▪ Openasia Development Limited góp 20% vốn.
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 Trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Employee:	90



**CÔNG TY TNHH MÔI GIỚI BẢO HIỂM
MARSH VIỆT NAM**



Ông Alan Cheah
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Leslie John Mouat
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Marsh Vietnam Insurance Broking Company LTD.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Marsh Việt Nam/ Marsh Vietnam Ltd.
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 32, số 9-11 đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại//Tel: (028) 6288 2399	Fax: (028) 6288 2379
Email: leslie.mouat@marsh.com	Website: www.vietnam.marsh.com
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 29/GP/KDBH ngày 22/12/2004
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	70



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM
THÁI BÌNH DƯƠNG**



Bà Nguyễn Thị Lượ
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
President of board and General Director

Tên Công ty/Full name:	Pacific Insurance Broker Joint Stock Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	PIB
Trụ sở chính/Address of Head Office:	67/05 (Lô O) Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 35172988	Fax: (028) 35170201
Email: thaibinhduongco@vnn.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 34/GP/KDBH ngày 14/12/2005
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Nguyễn Thị Lượ, Mai Hữu Hồng, Lưu Văn Dương, Chu Thị Lan, Mai Hữu Hà
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	02



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM CIMEICO



Ông Nguyễn Đức Lợi
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Nguyễn Hữu Du
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Cimeco Insurance Broker Joint Stock Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	CIMEICO
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 59A, Bờ Sông, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 3767 5603	Fax: (024) 3767 5604
Email: cimeicovn@gmail.com	Website: http://www.cimeico.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 36/GP/KDBH ngày 04/4/2006
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Nguyễn Đức Lợi, Nguyễn Hữu Du, Đỗ Thị Minh Đức
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	17



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM SAO VIỆT



Ông Lê Thanh Mân
Chủ tịch HĐQT/Chairman

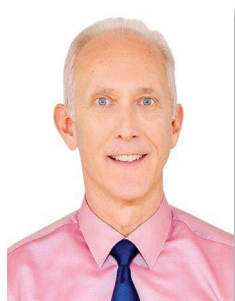


Ông Hồ Xuân Nghĩa
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Sao Viet Broker Joint Stock Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	SBC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 234 Nguyễn Trãi, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại/ Tel: 0277.6291668	Fax: 0277.3876562
Email: mgbh_SaoViet@yahoo.com.vn	Website: mgbhsaoviet.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 53/GP/KDBH ngày 18/06/2008
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Đồng Tháp
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 Trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	26



**CÔNG TY TNHH MÔI GIỚI BẢO HIỂM
JARDINE LLOYD THOMPSON**



Ông Thomas O'Dore
Chủ tịch HĐQT/Board Chairman



Bà Lê Thị Ngọc Hương
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Jardine Lloyd Thompson Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	JLT
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Lầu 5, Số 6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 3822 2340	Fax: (028) 3829 9714
Website: www.jltasia.com	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 48/GP/KDBH ngày 14/02/2008
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Công ty Jardine Lloyd
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 Trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	40



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM NAM Á



Ông Phạm Văn Trọng
Chủ tịch HĐQT/Board Chairman



Ông Nguyễn Đức Thỏa
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Nam A Joint Stock Insurance Broker Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	NAMA JIBC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Phòng 701 Tháp A, Tòa nhà Hà Thành Plaza, số 102 Phố Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 62764676/79	Fax: (024) 62764657
Email: thoand@namabroker.com	Website: www.namabroker.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 59/GP/KDBH ngày 08/10/2010
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Phạm Văn Trọng, Nguyễn Đức Thỏa, Công ty TNHH Anh Cường, Đặng Hữu Lập.
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 Trụ sở chính
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	17



**CÔNG TY TNHH MÔI GIỚI BẢO HIỂM
TOYOTA TSUSHO (VIỆT NAM)**



Ông Kawakubo Hiroyuki
Chủ tịch HDTV/Chairman



Ông Masuda Hajime
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Toyota-Tsusho Insurance Broker (Vietnam) Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	TTIBV
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 10, tòa nhà Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại/Tel: 024 36320 003	Fax: 024 3632 0004
Email: masuda@ttib.com.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 62/GP/KDBH ngày 26/7/2011
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Toyota Tsusho Insurance Management Corporation, Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 Trụ sở chính và 1 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	6

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM
GINET VIỆT NAM**



Ông Ngô Thanh Nam
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Ông Tạ Chiến
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm GINET Việt Nam
Tên viết tắt/Abbreviated name:	GINET INSURANCE BROKER
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Trụ sở chính: Phòng 3A, tầng 11, tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.
Điện thoại/Tel: (+84 24) 7108 8668	Fax: (+84 4) 3772 8183
Email: contact@ginetbroker.com	Website: ginetbroker.com
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 77/GP/KDBH ngày 09/10/2017
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Ngô Thanh Nam; Tạ Chiến; Mai Thị Thanh Hằng; Bùi Thị Anh Đào
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 Trụ sở chính
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	20



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI
BẢO HIỂM SABRINA**



Bà Lê Hoàng Lan
Chủ tịch HĐQT/Chairman



Bà Nguyễn Thị Xuân Nhạn
Phó Chủ tịch HĐQT/Vice Chairman

Tên Công ty/Full name:	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Sabrina
Tên viết tắt/Abbreviated name:	SABRINA - INSURANCE BROCKER
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Trụ sở chính: Lầu 4, Cao ốc Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Email: info@sabrina.vn	Website: www.sabrina.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 75/GP/KDBH ngày 17/11/2016
Các cổ đông chính chiếm $\geq 10\%$ vốn điều lệ/ Shareholder own $\geq 10\%$ of Charter Capital:	Nguyễn Thị Xuân Nhạn, Nguyễn Ngọc Thuý, Lê Văn Hiệp
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 Trụ sở chính

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
REPRESENTATIVE OFFICE**

9
11
100



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY
KB INSURANCE CO., LTD. TẠI HÀ NỘI**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Kim Jung Sik

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	KB Insurance Representative Office Co., Ltd. in Ha Noi
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 801, Tòa nhà Tung Shing Square, số 2 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 39350814/5
Fax:	(024) 39350813
Email:	lginshanoi@hn.vnn.vn
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	1 người (người Việt Nam: 0 người; người nước ngoài: 01 người).

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	KB Insurance Co., Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	1959
Địa chỉ/Address:	Tòa nhà KB Insurance, 117, Taeheran-ro, Gangnam-gu, Seoul 06134, Korea
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm phi nhân thọ



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY
KB INSURANCE CO., LTD.
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Kim Jung Sik

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	KB Insurance Representative Office Co., Ltd. in Ho Chi Minh City
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 15/3, Tầng 16, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 38219968 / 9
Fax:	(028) 38219967
Email:	vmthi83@vnn.vn
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	03 người (người Việt Nam: 02 người; người nước ngoài: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	KB Insurance Co., Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	1959
Địa chỉ/Address:	Tòa nhà KB Insurance, 117, Taeheran-ro, Gangnam-gu, Seoul 06134, Korea
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm phi nhân thọ



**VPDD THƯỜNG TRÚ CÔNG TY HYUNDAI
MARINE & FIRE INSURANCE CO., LTD.
TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Hong Sang Hyuk
Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPDD/Name of Representative Office:	Hyundai Marine & Fire Insurance Co., Ltd. Representative Office in Ho Chi Minh
Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Address:	Tầng 4, PDD Tower, 162 Pasteur, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 38278215
Fax:	(028) 38278212
Email:	hyundaimfi@hikorea.com.vn
Số lượng nhân viên của VPDD/Number of staff(s):	02 người (người nước ngoài: 01 người, người Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Hyundai Marine & Fire Insurance Co., Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	1955
Địa chỉ/Address:	163 Sejongdaero, Jongno-gu, Seoul-Korea
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm - Tái bảo hiểm



**VPĐD THƯỜNG TRÚ CÔNG TY HYUNDAI
MARINE & FIRE INSURANCE CO., LTD.
TẠI HÀ NỘI**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Hong Sang Hyuk
Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Hyundai Marine & Fire Insurance Co., Ltd. Representative Office in Ha Noi
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	P.2607, tầng 26, tòa nhà Lotte Center, số 54 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 710 67899
Fax:	(024) 710 67895
Email:	hyundaimfi@hn.vnn.vn
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	03 người (người nước ngoài: 01 người, người Việt Nam: 02 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Hyundai Marine & Fire Insurance Co., Ltd
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	1955
Địa chỉ/Address:	163 Sejongdaero, Jongno-gu, Seoul-Korea
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm - Tái bảo hiểm



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY
BẢO HIỂM THƯƠNG MẠI HÀN QUỐC
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Choi Kwang Sik

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Korea Trade Insurance Corporation Representative Office in Ho Chi Minh City
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	P.1207, Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 3824-6844/5
Fax:	(028) 3824-6846
Website:	www.ksure.or.kr
Email:	cks0190@ksure.or.kr
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	04 người (người Việt Nam: 02 người, người nước ngoài: 02 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Korea Trade Insurance Corporation
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	1992
Địa chỉ/Address:	Korea Trade Insurance Corporation Seoul city, Jong-ro gu, Jong-ro 14 (Seorin dong)
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm thương mại



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY SOMPO
JAPAN NIPPONKOA INSURANCE INC.
TẠI HÀ NỘI**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Zen Sadakuni

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Sampo Japan Nipponkoa Insurance Inc., Hanoi Representative Office.
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 902, Tầng 9, Tung Shing Square, 2 Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 3934.0980
Fax:	(024) 3934.0981
Email:	phuong@sjnk-vn.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	03 người (người nước ngoài: 02 người, người Việt Nam : 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Sampo Japan Nipponkoa Insurance Inc.
Quốc tịch/Nationality:	Nhật Bản
Năm thành lập/ Established year:	1888
Địa chỉ/Address:	26-1 , Nishi- Shinjuku 1-chome, Shinjuku-ku, Tokyo, Japan
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY SOMPO
JAPAN NIPPONKOA INSURANCE INC.
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Yoshiyuki Mizuno

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Sampo Japan Nipponkoa Insurance Inc. Ho Chi Minh City Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 15/2, Lầu 16 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(08) 38224844/42
Fax:	(08) 38219037
Email:	mizuno@uicvn.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	03 người (Quốc tịch Nhật Bản: 02 người, Quốc tịch Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Sampo Japan Nipponkoa Insurance Inc.
Quốc tịch/Nationality:	Nhật Bản
Năm thành lập/ Established year:	1888
Địa chỉ/Address:	26-1, Nishi-Shinjuku 1-chome, Shinjuku-ku, Tokyo, Japan
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm phi nhân thọ



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CÔNG TY ALLIANZ SE**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Alan David Smee
Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPDD/Name of Representative Office:	Allianz SE Resident Representative Office Hanoi
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Tầng 6, 59A Lý Thái Tổ, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	84.4.39367809 / 0913201519
Fax:	84.4.39368069
Email:	thimailan.nguyen@commerzbank.com; lannguyen683@gmail.com
Website:	www.allianz.com
Số lượng nhân viên của VPDD/ Number of staff(s):	01 người (người Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Allianz SE
Quốc tịch/Nationality:	Đức
Năm thành lập/ Established year:	1890
Địa chỉ/Address:	Königinstraße 28, 80802 München, Germany
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm và Quản lý tài sản



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TNHH BẢO HIỂM CHEVALIER
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/Information of representative office in Vietnam:



Ông Phạm Hữu Chung

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	The Representative office of Chevalier Insurance Company Limited in Hochiminh City
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Tòa nhà Đô Trần, tầng 7 số 02A đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa-Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 3823 5920 – 3823 7946
Fax:	(028) 3823 7947
Email:	chevalier.vnoff@chevalier.com.vn
Website:	www.chevalier.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	03 người (người Việt Nam: 03 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Chevalier Insurance Company Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Hong Kong
Năm thành lập/ Established year:	1998
Địa chỉ/Address:	22/F., Chevalier Commercial Centre, 8 Wang Hoi Road, Kowloon Bay, Kowloon, Hong Kong
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm tổng hợp



AmTrust Europe
An AmTrust Financial Company

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN AMTRUST
EUROPE LIMITED TẠI VIỆT NAM**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Bà Phạm Nhật Huyền Linh
Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPDD/Name of Representative Office:	Representative Office of AmTrust Europe Limited in Vietnam
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 3A, Tòa nhà Vietnam Control, 2/3A Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 39117042
Fax:	
Website:	www.amtrusteurope.com
Email:	Andrew.goddar@r8is.com
Số lượng nhân viên của VPDD/ Number of staff(s):	05 người (người Việt Nam: 04 người; người nước ngoài: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	AmTrust Europe Limited
Quốc tịch/Nationality:	Anh
Năm thành lập/ Established year:	1975
Địa chỉ/Address:	Số 2 Minster Court, Mincing Lane, London EC3R 7BB, Vương quốc Anh
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm phi nhân thọ



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ NAN SHAN
TẠI VIỆT NAM**

1. Thông tin về văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Yang, Ming - Fang

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	The Representative office of Nan Shan Life Insurance Co., Ltd. in Vietnam
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 305, Tòa nhà Sao Bắc, số 4 Dã Tượng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 39427923
Fax:	(024) 39427924
Email:	Yvonne-VN.Cao@NANSHAN.com.tw
Website:	http://www.nanshanlife.com.vn/
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	03 người (người Việt Nam: 02 người; người nước ngoài: 01 người).

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Nan Shan Life Insurance Co., Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Đài Loan
Năm thành lập/ Established year:	1963
Địa chỉ/Address:	Số 168, Zhuang Jing Road, quận Xinyi, Đài Bắc, Đài Loan, Trung Hoa Dân Quốc
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm nhân thọ



VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA
SHIN KONG LIFE INSURANCE CO., LTD.
TẠI HÀ NỘI

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Chu Ching Pin

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Representative office of Shin Kong Life Insurance Co., Ltd. in Hanoi
Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Address:	Phòng 705, tầng 7, tòa nhà 3D, số 3 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 37724582
Fax:	(024) 37724583
Email:	jbchu@skl.com.tw
Website:	www.skl.com.tw
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	01 người (người Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Shin Kong Life Insurance Co., Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Đài Loan
Năm thành lập/ Established year:	1963
Địa chỉ/Address:	Số 66, đoạn 1, đường Trung Hiếu Tây, TP. Đài Bắc, Đài Loan
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm nhân thọ



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TNHH CP BẢO HIỂM NHÂN THỌ
ĐÀI LOAN TẠI HÀ NỘI**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Bà Su Chi Chang

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Taiwan Life Insurance Co., Ltd. - Hanoi Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 1, tầng 10, số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 3.772.5041
Fax:	(024) 3.772.5048
Website:	www.twlife.com.tw
Email:	Julia.su@taiwanlife.com.tw
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	02 người (người Việt Nam: 01 người, người nước ngoài: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Taiwan Life Insurance Co., Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Đài Loan
Năm thành lập/ Established year:	1950
Địa chỉ/Address:	Tầng 8, Số 188, Đường Kinh Mậu 2, Khu Nam Cảng 11568, TP. Đài Bắc, Đài Loan
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm nhân thọ



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY AXA SA (PHÁP)
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Bà Bùi Thị Thu Thanh

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPDD/Name of Representative Office:	AXA SA (France) Representative Office in Hanoi
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Số 787 Đường Trương Định, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 3938 0355
Fax:	(024) 3938 0356
Website:	www.axa.com
Email:	thanh.bui@axavietnam.vn
Số lượng nhân viên của VPDD/ Number of staff(s):	01 người Việt Nam

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	AXA SA
Quốc tịch/Nationality:	Pháp
Năm thành lập/ Established year:	1817
Địa chỉ/Address:	25 avenue Matignon, 75008 Paris
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Phi nhân thọ, nhân thọ và quản lý tài sản

**SAMSUNG
LIFE INSURANCE**



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ
SAMSUNG TẠI HÀ NỘI**

1. Thông tin về văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Lee Joon Sung

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPDD/Name of Representative Office:	Samsung Life Insurance - Hanoi Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	P805, Tòa nhà HCO, 44B Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại/Tel:	(024) 3.9368855/(024) 3.9369057
Fax:	(024) 3.9369056
Email:	joonsung.lee@samsung.com/ nguyen.ngothi@partner.samsung.com; ngonguyen88@gmail.com
Số lượng nhân viên của VPDD/ Number of staff(s):	02 người (người Việt Nam: 01 người, người nước ngoài: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Samsung Life Insurance
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	1957
Địa chỉ/Address:	11 Seocho-daero 74-gil, Seocho-gu, Seoul 06620, Hàn Quốc
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, tín dụng, hưu trí nhóm, kinh doanh quỹ và tín thác đầu tư



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN SHINHAN LIFE
INSURANCE CORPORATION TẠI HÀ NỘI**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Kim Chul Mo

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Shinhan Life Insurance Corporation - Hanoi Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 305, Tòa C, UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 3766 2000
Website:	www.shinhanlife.co.kr
Email:	ihelmet@shinhan.com, lathitrang@shinhan.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	02 người (người Việt Nam: 01 người, người nước ngoài: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Shinhan Life Insurance Co., Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	04/01/1990
Địa chỉ/Address:	(04542) 358, Samil-daero, Jung-gu, Seoul, Hàn Quốc
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Kinh doanh Bảo hiểm nhân thọ



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ SUMITOMO
TẠI HÀ NỘI**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Shuichi Sakai

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Sumitomo Life Insurance Company Hanoi Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Tầng 11 tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại/Tel:	(024) 3946 0444
Fax:	(024) 3946 0445
Email:	thanh_phuong@sumitomolife.vn
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	05 người (người Việt Nam: 03 người; người nước ngoài: 02 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Sumitomo Life Insurance Company
Quốc tịch/Nationality:	Nhật Bản
Năm thành lập/ Established year:	1947
Địa chỉ/Address:	1-4-35, Shiromi, Chuo-ku, Osaka, Osaka prefecture, Japan
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm nhân thọ



Asia
Capital
Reinsurance
Group

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY
ASIA CAPITAL REINSURANCE
GROUP PTE. LTD.**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Hoàng Minh Tuấn

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPDD/Name of Representative Office:	Asia Capital Reinsurance Group Pte. Ltd. Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Tầng 7, Toà nhà Agrex, 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 3933 3713
Fax:	(028) 3933 3714
Website:	http://asiacapitalre.com/
Email:	minhtuan.hoang@asiacapitalre.com
Số lượng nhân viên của VPDD/ Number of staff(s):	02 người (người Việt Nam: 02 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Asia Capital Reinsurance Group Pte. Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Singapore
Năm thành lập/ Established year:	2006
Địa chỉ/Address:	6 Temasek Boulevard #08-01 Suntec Tower 4, Singapore 038986
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Tái bảo hiểm



VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY MÔI GIỚI BẢO HIỂM MALAKUT TẠI HÀ NỘI

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Vũ Trọng Quân

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Representative Office of CJSC Malakut Insurance Brokers in Hanoi
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 1701, Tầng 17, Tòa nhà DMC, 535 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội.
Điện thoại/Tel:	(024) 6661 6609
Fax:	(024) 3834 3272
Website:	www.malakut.com; www.malakut.vn
Email:	mail@malakut.vn; vuquan@malakut.vn
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	01 người (người Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/Information of Insurance brokerage business overseas:

Tên gọi/Name:	CJSC Malakut Insurance Brokers
Quốc tịch/Nationality:	Liên bang Nga
Năm thành lập/ Established year:	1999
Địa chỉ/Address:	Malaya Sukharevskaya Sq., 12, Moscow, 127051, RUSSIA
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Môi giới bảo hiểm và tái bảo hiểm, dịch vụ HR và giải quyết khiếu nại

AlexanderLeed

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY
ALEXANDER LEED RISK SERVICES

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Chen, Chun Jen

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Alexander Leed Risk Services, Inc. (Representative office)
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Số 02, Đường số 16, Khu Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 62983697
Fax:	(028) 62983779
Website:	www.leed.com.tw
Email:	toni_chen@leed.com.tw
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	01 người (người Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/Information of Insurance brokerage business overseas:

Tên gọi/Name:	Công ty Alexander Leed Risk Services
Quốc tịch/Nationality:	Đài Loan
Năm thành lập/ Established year:	28/3/2001
Địa chỉ/Address:	Số 32, Tầng 7, Phố Bade, Đoạn 3, TP. Đài Bắc, Đài Loan
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Môi giới bảo hiểm phi nhân thọ và môi giới bảo hiểm nhân thọ



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CÔNG TY GLOBALEYE INSURANCE BROKERAGE
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:



Ông Andrew William Daniel Menzies
Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Representative office of Globaleye Insurance Brokerage (L.L.C) In Ho Chi Minh city
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Tầng 34, Bitexco Financial Tower, 02 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 3930 8771
Fax	(028) 3930 0742
Website:	www.globaleye.com
Email:	amenzies@globaleye.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/ Number of staff(s):	03 người (người Việt Nam: 02 người, người nước ngoài: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/Information of Insurance brokerage business overseas:

Tên gọi/Name:	Globaleye Insurance Brokerage (L.L.C)
Quốc tịch/Nationality:	Dubai, UAE
Năm thành lập/ Established year:	2000
Địa chỉ/Address:	Villa 801, Al Thanya Street, Jumeriah Beach Road, P.O.Box: 24592, Um Suqueim 3, Dubai, United Arab Emirates
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Môi giới bảo hiểm

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2017

THE ANNUAL REPORT OF VIETNAM INSURANCE MARKET 2017

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung:

Giám đốc - Tổng biên tập

PHAN NGỌC CHÍNH

Chịu trách nhiệm biên soạn:

CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT BẢO HIỂM - BỘ TÀI CHÍNH

Biên tập và sửa bản in:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THƯ

Trình bày bìa:

QUỐC HIỆP

In: 300 cuốn, khổ 20,5 x 29,5 tại Công ty TNHH In và Thương mại Sông Lam

Số 1 Phùng Chí Kiên, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Số ĐKKHXB 3275-2018/CXBIPH/2-76/TC:

Số QĐXB: 180/QĐ-NXBTC ngày 18/9/2018. Mã ISBN: 978-604-79-1929-1

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2018